

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 10  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT  
Môn: NGỮ VĂN**

*( Ban hành kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-BGDĐT ngày 06/9/2023  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2023**

**1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên**

**2. Tham gia biên soạn:**

**PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân – Chủ biên**

**TS. Nguyễn Thị Hương Lan – Thành viên**

**ThS. Phùng Thị Vân Anh – Thành viên, Thư ký**

## LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023. Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai. Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn học Ngữ văn: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 10 môn Ngữ văn, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba. Hướng dẫn tổ chức dạy học môn học Ngữ văn lớp 10 Chương trình GDTX cấp THPT: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện. Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

**Các tác giả**

## KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Các từ viết tắt	Viết đầy đủ
1	CD	Cánh điều
2	ĐGĐK	Đánh giá định kì
3	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
4	GDTX	Giáo dục thường xuyên
5	GV	Giáo viên
6	GDPT	Giáo dục phổ thông
7	GDDT	Giáo dục đào tạo
8	HV	Học viên
9	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
10	KHBD	Kế hoạch bài dạy
11	KHGD	Kế hoạch giáo dục
12	KNTT	Kết nối tri thức
13	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
14	TCM	Tổ chuyên môn
15	THCS	Trung học cơ sở
16	THPT	Trung học phổ thông
17	PPDH	Phương pháp dạy học
18	QTDH	Quá trình dạy học
19	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

# MỤC LỤC

<b>KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....</b>	<b>4</b>
Phần thứ nhất .....	7
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG .....</b>	<b>7</b>
<b>I. MỤC TIÊU .....</b>	<b>7</b>
<b>II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC .....</b>	<b>7</b>
1. Yêu cầu về phẩm chất.....	7
2. Yêu cầu về năng lực .....	7
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	8
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học .....	13
<b>III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC.....</b>	<b>14</b>
1. Nội dung giáo dục.....	15
2. Thời lượng giáo dục .....	17
<b>Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT:.....</b>	<b>17</b>
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC .....</b>	<b>18</b>
1. Định hướng về phương pháp giáo dục .....	18
2. Hình thức tổ chức dạy học .....	19
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục.....	19
Phần thứ hai.....	21
<b>GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT .....</b>	<b>21</b>
<b>MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 .....</b>	<b>21</b>
<b>I. MỤC TIÊU .....</b>	<b>21</b>
1. Mục tiêu chung.....	21
2. Mục tiêu cụ thể.....	21
<b>II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC.....</b>	<b>22</b>
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung .....	22
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.....	22
<b>III. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 .....</b>	<b>23</b>
1. Nội dung cốt lõi.....	23
2. Nội dung các chuyên đề học tập.....	24
<b>IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 .....</b>	<b>24</b>
1. Thời lượng dạy học môn Ngữ văn lớp 10 .....	24
2. Định hướng đổi mới PPDH môn Ngữ văn.....	25
3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn .....	25
4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học.....	27
Phần thứ ba.....	28
<b>HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 .....</b>	<b>28</b>

<b>I. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỌC, VIẾT, NÓI VÀ NGHE</b>	<b>28</b>
1. Hướng dẫn tổ chức dạy học Đọc và thực hành tiếng Việt .....	28
2. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết theo kiểu bài .....	40
3. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói – nghe .....	43
<b>II. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP</b>	<b>44</b>
1. Yêu cầu cần đạt và nội dung của chuyên đề học tập.....	44
2. Hướng dẫn tổ chức dạy học chuyên đề học tập.....	46
<b>III. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY</b> .....	<b>47</b>
1. Phân tích yêu cầu cần đạt của Chương trình .....	47
2. Xác định mục tiêu dạy học .....	54
3. Xác định phương pháp và cách thức tổ chức dạy học .....	57
<b>IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN LỚP 10</b> .....	<b>59</b>
1. Kiểm tra, đánh giá giá quá trình theo mục tiêu đánh giá năng lực.....	59
2. Đánh giá định kì theo mục tiêu phát triển năng lực .....	63
2.1 <i>Đánh giá định kì theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 10</i> .....	63
<b>V. MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA</b> .....	<b>74</b>
1. Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống: .....	74
<b>BÀI 2. VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA</b> .....	<b>74</b>
2. Sách giáo khoa Cánh diều: .....	92
<b>BÀI 1. THẦN THOẠI, SỬ THI</b> .....	<b>92</b>
3. Sách giáo khoa Cánh Diều.....	110
<b>ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN</b> .....	<b>110</b>
Chuyên đề 1. <b>TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO</b> .....	120
<b>VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN</b> .....	<b>120</b>
Thời gian thực hiện: 10 tiết .....	120
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>126</b>
Chuyên đề 2: <b>SÂN KHÁU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC</b> .....	131
Chuyên đề 3. <b>ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ,</b> .....	137
<b>MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC TIỂU THUYẾT</b> .....	<b>137</b>
PHỤ LỤC.....	143
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	179

---

---

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

### **I. MỤC TIÊU**

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

### **II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

#### **1. Yêu cầu về phẩm chất**

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

#### **2. Yêu cầu về năng lực**

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

### 3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

#### a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

<b>Phẩm chất</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>Yêu nước</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.</li><li>– Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li><li>– Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.</li><li>– Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.</li><li>– Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.</li></ul>
<b>Nhân ái</b>	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"><li>– Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.</li><li>– Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</li><li>– Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.</li></ul>
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"><li>– Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.</li><li>– Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.</li></ul>
<b>Chăm chỉ</b>	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"><li>– Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.</li><li>– Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.</li></ul>
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"><li>– Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng.</li><li>– Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.</li><li>– Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.</li></ul>



<b>Trung thực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận thức và hành động theo lẽ phải.</li> <li>– Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.</li> <li>– Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.</li> </ul>
<b>Trách nhiệm</b>	
Trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.</li> <li>– Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.</li> </ul>
Trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.</li> <li>– Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.</li> </ul>
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội.</li> <li>– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.</li> <li>– Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.</li> </ul>
Trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên.</li> <li>– Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.</li> </ul>

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

<b>Năng lực</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>Năng lực tự chủ và tự học</b>	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.

Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.</li> <li>– Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực.</li> <li>– Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.</li> <li>– Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.</li> </ul>
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới.</li> <li>– Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.</li> </ul>
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.</li> <li>– Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân.</li> <li>– Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.</li> </ul>
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.</li> <li>– Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.</li> <li>– Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.</li> </ul>

	– Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
<b>Năng lực giao tiếp và hợp tác</b>	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.</li> <li>– Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.</li> <li>– Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.</li> <li>– Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.</li> <li>– Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.</li> </ul>
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.</li> <li>– Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.</li> </ul>
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công

của người hợp tác	công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.</li> <li>– Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương.</li> <li>– Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.</li> </ul>
<b>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp;</li> <li>– Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động.</li> <li>– Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh</li> </ul>

	<p>để đạt hiệu quả cao.</p> <p>– Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.</p>
Tư duy độc lập	<p>Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.</p>

#### **4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học**

##### ***a) Năng lực ngôn ngữ***

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

##### ***b) Năng lực tính toán***

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

##### ***c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)***

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn

học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

#### ***d) Năng lực công nghệ***

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

#### ***đ) Năng lực tin học***

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

#### ***e) Năng lực thẩm mĩ***

Năng lực thẩm mĩ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mĩ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

### **III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp THCS theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

## **1. Nội dung giáo dục**

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Học viên chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn phụ trách theo các

chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do giáo viên chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX).

- Chuyên đề học tập của môn học do giáo viên dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu



quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

## 2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

### Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT:

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
<b>Môn học bắt buộc</b>	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
<b>Môn học lựa chọn</b>	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
<b>Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc ( 3 cụm chuyên đề của môn học)</b>		105	105	105
<b>Hoạt động giáo dục bắt buộc</b>	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
<b>Môn học tự chọn</b>	Ngoại ngữ	105	105	107
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	107
<b>Hoạt động giáo dục tự chọn</b>	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
<b>Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)</b>		<b>752</b>	<b>752</b>	

<b>Nội dung giáo dục</b>	<b>Lớp 10 (Số tiết)</b>	<b>Lớp 11 (Số tiết)</b>	<b>Lớp 12 (Số tiết)</b>
			<b>752</b>
<b>Số tiết học trung bình/tuần</b> ( <i>Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i> )	<b>21,5</b>	<b>21,5</b>	<b>21,5</b>
<b>Tổng số tiết học/năm học</b> ( <i>Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i> )	<b>997</b>	<b>997</b>	<b>997</b>
<b>Số tiết học trung bình/tuần</b> ( <i>Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i> )	<b>28,5</b>	<b>28,5</b>	<b>28,5</b>

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của học viên về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

##### **1. Định hướng về phương pháp giáo dục**

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

## **2. Hình thức tổ chức dạy học**

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

## **3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục**

### **a) Mục tiêu đánh giá**

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

### **b) Phương thức đánh giá**

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDXT tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

- Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

## *Phần thứ hai*

---

### GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

#### MÔN NGỮ VĂN LỚP 10

## I. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HV khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Góp phần giúp HV phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HV phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

### 2. Mục tiêu cụ thể

Giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở THCS; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Tiếp tục phát triển các năng lực đã hình thành ở cấp THCS với các yêu cầu cần đạt cao hơn: đọc hiểu được cả nội dung tường minh và hàm ẩn của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện; vận dụng được các kiến thức về đặc điểm ngôn từ văn học, các xu hướng – trào lưu văn học, phong cách tác giả, tác phẩm, các yếu tố bên trong và bên ngoài văn bản để hình thành năng lực đọc độc lập. Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh tổng hợp (kết hợp

các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận), đúng quy trình, có chủ kiến, đảm bảo logic và có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ tranh luận phù hợp trong tranh luận.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được tác phẩm văn học và các tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác; phân tích và nhận xét được đặc điểm của ngôn ngữ văn học; phân biệt được cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong văn học; nhận biết và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học dựa vào đặc điểm phong cách văn học; có trí tưởng tượng phong phú, biết thưởng thức, tiếp nhận và đánh giá văn học; tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

## **II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

### **1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**

Môn Ngữ văn góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học được quy định tại mục II thuộc phần thứ nhất trình bày những vấn đề chung về chương trình GDTX cấp THPT.

### **2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù**

Đối với cấp THPT, HV cần đạt được yêu cầu về năng lực đặc thù cụ thể như sau:

#### ***a) Năng lực ngôn ngữ***

Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt và kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, triết học và quan niệm thẩm mỹ của các thời kì để hiểu các văn bản khó hơn (thể hiện qua dung lượng, độ phức tạp và yêu cầu đọc hiểu).

Biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, cách viết và kiểu văn bản. HV có cách nhìn, cách nghĩ về con người và cuộc sống theo cảm quan riêng; thấy được vai trò và tác dụng của việc đọc đối với bản thân.

Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh về các đề tài gắn với đời sống và định hướng nghề nghiệp; viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt, kiểu lập luận và yếu tố nghệ thuật; có chủ kiến về một vấn đề xã hội.

Viết được văn bản nghị luận và văn bản thông tin có đề tài tương đối phức tạp; văn bản nghị luận yêu cầu phân tích, đánh giá, so sánh giá trị của tác phẩm văn học; bàn về những vấn đề phù hợp với đối tượng HV, đòi hỏi cấu trúc và kiểu lập luận tương đối phức tạp, bằng chứng cần phải tìm kiếm từ nhiều nguồn; văn

bản thuyết minh viết về những vấn đề có tính khoa học dưới hình thức một báo cáo nghiên cứu đúng quy ước; tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ, những trải nghiệm và ý tưởng của cá nhân đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản; thể hiện được một cách nhìn, cách nghĩ, cách sống mang đậm cá tính.

Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; có hứng thú thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; nắm được phương pháp, quy trình tiến hành một cuộc tranh luận.

### ***b) Năng lực văn học***

Phân tích và đánh giá văn bản văn học dựa trên những hiểu biết về phong cách nghệ thuật và lịch sử văn học. Nhận biết được đặc trưng của hình tượng văn học và một số điểm khác biệt giữa hình tượng văn học với các loại hình tượng nghệ thuật khác (hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc); phân tích và đánh giá được nội dung tư tưởng và cách thể hiện nội dung tư tưởng trong một văn bản văn học; nhận biết và phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, câu chuyện, cốt truyện và cách kể chuyện; nhận biết và phân tích được một số đặc điểm phong cách nghệ thuật trong văn học dân gian, trung đại và hiện đại; phong cách nghệ thuật của một số tác giả, tác phẩm lớn.

Nêu được những nét tổng quát về lịch sử văn học dân tộc (quá trình phát triển, các đề tài và chủ đề lớn, các tác giả, tác phẩm lớn; một số giá trị nội dung và hình thức của văn học dân tộc) và vận dụng vào việc đọc tác phẩm văn học.

Tạo lập được một số kiểu văn bản văn học thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng bằng hình thức ngôn từ mang tính thẩm mỹ.

## **III. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN NGỮ VĂN LỚP 10**

### **1. Nội dung cốt lõi**

Nội dung cốt lõi của môn Ngữ văn lớp 10 GDTX bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HV.

Nội dung môn Ngữ văn lớp 10 GDTX bao gồm những kiến thức về lỗi dùng từ, lỗi liên kết đoạn văn, văn bản, kiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, thể loại sử thi, thần thoại, chèo, tuồng, thơ trữ tình,...

Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp HV hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời.

Chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 10 củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp HV nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, nhất là tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kỹ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học; tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, nhân cách để HV trở thành người công dân có trách nhiệm.

## **2. Nội dung các chuyên đề học tập**

Chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 10 xây dựng 3 chuyên đề học tập giúp những HV có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HV.

Các chuyên đề gồm có:

Chuyên đề 1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian.

Chuyên đề 2. Sân khấu hoá tác phẩm văn học.

Chuyên đề 3. Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

## **IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX MÔN NGỮ VĂN LỚP 10**

### **1. Thời lượng dạy học môn Ngữ văn lớp 10**

Thời lượng thực hiện chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn lớp 10 là 105 tiết, thực hiện trong 35 tuần.

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục: do GV chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các thành phần sau:

- Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng (trọng tâm là rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng).
- Giữa các kiểu, loại văn bản đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều



hơn cho đọc văn bản văn học).

- Giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho việc rèn luyện kĩ năng đọc).

Cụ thể thời lượng tiết học dành cho các kĩ năng ở từng lớp như sau:

<b>Đọc</b>	<b>Viết</b>	<b>Nói và nghe</b>	<b>Đánh giá định kì</b>
61	24	12	8

## **2. Định hướng đổi mới PPDH môn Ngữ văn**

- Tổ chức các phương pháp dạy học phong phú, đa dạng để HV hình thành cách học, cách tiếp nhận và tạo lập văn bản. HV được thực hành, luyện tập, vận dụng nhiều thể loại văn bản khác nhau, từ đó có khả năng học suốt đời và khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. GV là người tổ chức, hướng dẫn HV từng bước hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực nêu trong mục tiêu của chương trình.

- Đối với HV GDTX, GV cần khai thác kinh nghiệm của người học; chú ý tích hợp những nội dung kiến thức tích hợp nội môn và liên môn.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học phù hợp với đối tượng người học và tình hình thực tế của trung tâm. Khuyến khích GV sử dụng những hình thức học bằng tham quan, dã ngoại, phỏng vấn, trải nghiệm, thực hiện dự án, tạo cơ hội để HV học thông qua trải nghiệm

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, giáo viên có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

## **3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn**

### **a) Mục tiêu đánh giá**

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, từ đó để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

### **b) Nội dung đánh giá**

- Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HV trong các mối quan hệ.

- Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói nghe trong chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 10. Cụ thể:

+ Đánh giá năng lực đọc: cần tập trung vào yêu cầu hiểu về nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý tưởng của người viết; xác định các đặc điểm về phương thức thể hiện, nhất là về mặt thể loại, loại văn bản và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những mức độ tư duy khác nhau; phân tích, nhận xét về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân, thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản, liên hệ giữa các văn bản với đời sống.

+ Đánh giá kỹ năng viết: cần tập trung vào yêu cầu tạo lập văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ, trình bày.

+ Đánh giá kỹ năng nói và nghe: cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu; sự tự tin của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

### ***b) Cách thức đánh giá***

- Có hai hình thức đánh giá: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

+ Đánh giá thường xuyên: được thực hiện trong suốt quá trình dạy học, thông qua kết quả trả lời những câu hỏi, qua ý kiến phát biểu, tranh luận, thảo luận của HV. Đánh giá thường xuyên do GV tổ chức, hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện dựa trên quan sát, ghi chép hàng ngày về HV.

+ Đánh giá định kỳ: được diễn ra ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kỳ, cuối năm) do cơ sở giáo dục thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết luận (một hoặc nhiều câu), có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (gồm những câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (gồm những câu hỏi mở) để đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết của HV về một chủ đề nào đó theo từng kiểu

văn bản đã học trong chương trình. Việc ra đề kiểm tra định kỳ cần được đổi mới cách thức đánh giá, sử dụng và khai thác ngữ liệu đảm bảo yêu cầu đánh giá năng lực của HV, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để kiểm tra năng lực hiểu văn bản.

#### **4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học**

- Các địa phương đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 10 theo các quy định của Bộ GDĐT;

- Thiết bị dạy học được thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học ban hành theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.

- Chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 10 sử dụng SGK của Chương trình GDPT 2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn để giảng dạy và học tập.

---

---

**HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN LỚP 10**

**I. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỌC, VIẾT, NÓI VÀ NGHE**

**1. Hướng dẫn tổ chức dạy học Đọc và thực hành tiếng Việt**

**1.1. Đọc văn bản truyện và sử thi**

**1.1.1. Kiến thức chung về văn bản truyện và sử thi**

- Ở lớp 10, yêu cầu cần đạt của Chương trình đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của thể loại truyện (thần thoại, truyện ngắn hiện đại, tiểu thuyết) và sử thi, vì thế GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện và sử thi như: cảm hứng chủ đạo, cốt truyện, người kể chuyện (toàn tri, hạn tri), nhân vật, không gian, thời gian,... từ đó có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học theo thể loại, giúp HV đọc hiểu văn bản truyện, văn bản sử thi. Việc dạy học các văn bản có một số nét tương đồng, được thể hiện ở yêu cầu cần đạt:

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.

+ Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ xác định chủ đề.

+ Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri) điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

- Các kiến thức cơ bản về truyện và sử thi:

+ Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận.

+ Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

+ Câu chuyện là yếu tố cơ bản của tác phẩm truyện, bao gồm chuỗi sự kiện đã được sắp xếp, tổ chức theo dụng ý nghệ thuật của nhà văn, được trình bày thông qua một người kể, một điểm nhìn, với một giọng điệu cụ thể. Câu chuyện là phương tiện để nhà văn miêu tả tính cách, thể hiện số phận nhân vật, trình bày gương mặt đời sống theo quan niệm của mình. Diễn biến của câu chuyện vừa có tác dụng lôi cuốn người đọc vừa góp phần tạo ra ý nghĩa nhân sinh cho truyện kể.

+ Yếu tố cốt lõi làm nên sức cuốn hút cho câu chuyện là tình huống truyện. Tình huống truyện gắn với sự kiện nổi bật nhất, với hoàn cảnh đặc biệt “bắt buộc con người ở vào một tình thế phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn sâu kín nhất, thậm chí có khi là khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người, một đời nhân loại”. Có thể xác định ba loại tình huống truyện phổ biến trong tác phẩm truyện: tình huống hành động, tình huống tâm lý, tình huống nhận thức.

+ Người kể chuyện là một loại nhân vật do nhà văn tạo ra để thay mình kể câu chuyện. Đó là người chứng kiến hoặc tham gia vào câu chuyện, phát hiện ý nghĩa và có nhu cầu kể lại câu chuyện đó. Người kể chuyện không chỉ đơn thuần kể câu chuyện mà còn thực hiện việc dẫn dắt, định hướng cho người đọc thông qua lời kể của mình. Người kể chuyện có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Xét về sự hiểu biết của người kể chuyện với câu chuyện được kể, có người kể chuyện toàn tri và người kể chuyện hạn tri. Xét về biểu hiện đánh giá, có người kể chuyện chủ quan và người kể chuyện khách quan.

+ Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất, có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. Sự thay đổi người kể chuyện là có ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến cách nhìn nhận, đánh giá riêng khiến câu chuyện được kể trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa.

+ Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương. Tùy theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất hoặc là nhân vật chính (có thể là nhân vật trung tâm trong số nhân vật chính), nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể

lại câu chuyện được nghe từ người khác hoặc xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện”. Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện). Khi nhận định về nhân vật, sự việc trong khả năng bao quát có hạn của mình, người kể chuyện ngôi thứ nhất thường thể hiện một điểm nhìn, một giọng kể, một thái độ đánh giá nhất định. Ngay cả khi người kể chuyện có tỏ ra khách quan cũng khó tránh khỏi những yếu tố chủ quan thể hiện qua cách tổ chức điểm nhìn trong lời kể.

+ Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy trở thành người kể chuyện toàn tri. Song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào chiến lược trần thuật cụ thể của từng tác phẩm. Khi người kể chuyện ngôi thứ ba kể như một người “biết hết” về nhân vật, sự việc, tăng cường trực tiếp thể hiện thái độ đánh giá nhân vật, sự việc, lời người kể chuyện trở thành một trong những phương tiện đặc biệt quan trọng triển khai tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. Trong trường hợp này, phương thức trần thuật của tác phẩm được gọi là trần thuật chủ quan. Tuy nhiên người kể chuyện ngôi thứ ba cũng có thể kể chuyện như một người “không biết hết” về nhân vật, sự việc, chỉ nương theo điểm nhìn của một hay một vài nhân vật, không trực tiếp thể hiện thái độ đánh giá nhân vật, sự việc. Khi đó, phương thức trần thuật của tác phẩm được gọi là trần thuật khách quan. Trong trường hợp này, tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo không thể hiện nhiều qua lời người kể chuyện mà toát lên từ toàn bộ tổ chức tác phẩm.

+ Người kể chuyện dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể. Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc họa bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá đối với sự việc, nhân vật. Lời của người kể chuyện phân biệt với lời của nhân vật, được hiểu là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật trong hình thức lời nói trực tiếp hay gián tiếp. Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lý giải và mức độ định hướng đọc qua việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học.

+ Nhân vật văn học là yếu tố đặc biệt quan trọng trong tác phẩm tự sự. Nhân vật có thể là con người, có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... được nhà văn tạo dựng trong tác phẩm văn học bằng những phương tiện đặc thù của nghệ thuật ngôn từ. Nhân vật luôn gắn với chủ đề của tác phẩm và là sự sáng tạo nghệ thuật mang tính ước lệ nên không thể đồng nhất nó với con người thực ở ngoài đời. Nhân vật thường được khắc họa qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, diễn biến nội tâm; quá trình sống và các mối liên hệ với thế giới xung quanh;... Nhân vật có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Xét từ vị trí trong cốt truyện, có nhân vật chính, nhân vật phụ; xét từ chức năng xã hội có nhân vật chính diện, nhân vật phản diện; xét theo phương thức xây dựng nhân vật có nhân vật loại hình, nhân vật tính cách, nhân vật tư tưởng,...

+ Thần thoại là thể loại truyện kể xa xưa nhất, ra đời từ buổi sơ khai của lịch sử loài người, kể về các vị thần, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của các thị tộc, bộ lạc thời nguyên thủy. Đồng thời, thần thoại còn có chức năng “kiểm soát xã hội” – không chỉ giải thích thói quen, tập tục mà còn định hướng hành vi cho cộng đồng. Nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật của thần thoại là tư tưởng dùng tưởng tượng để nhận thức và tái hiện thế giới. Căn cứ vào chủ đề, có thể chia thần thoại thành hai nhóm: thần thoại kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài (thần thoại suy nguyên); thần thoại kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hóa (thần thoại sáng tạo). Cũng có thể phân chia thần thoại theo đề tài, nội dung phản ánh: truyện kể về việc sinh ra trời đất, núi sông, cây cỏ, muôn thú; truyện kể về việc sinh ra loài người và các tộc người; truyện kể về kỳ tích sáng tạo văn hóa;...

+ Thần thoại thường có cốt truyện đơn giản: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật; hoặc tập hợp nhiều cốt truyện đơn thành một “hệ thần thoại”. Câu chuyện trong thần thoại gắn liền với thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau. Nhân vật chính của thần thoại là các vị thần, hoặc những người có nguồn gốc thần linh, có năng lực siêu nhiên nên thường được miêu tả với hình dạng khổng lồ, hoặc với sức mạnh phi thường và bằng thủ pháp cường điệu, phóng đại. Nhân vật thần không chỉ là sức mạnh tự nhiên được hình tượng hóa mà còn có chức năng giải thích nhiều vấn đề trong đời sống xã hội của cộng đồng. Đặc biệt, lối tư duy hồn nhiên, chất phác, trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn và niềm tin thần thoại đã làm nên sức cuốn hút và sức sống lâu bền cho thần thoại. Ra đời trong “tuổi ấu thơ” của loài người nên thần thoại mang tính nguyên hợp: chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết

học, lịch sử,... Vì vậy, thần thoại có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc lưu giữ di sản văn hóa nguyên thủy của cộng đồng.

+ Sử thi (anh hùng ca) là thể loại tự sự dài, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại. Cốt chuyện của sử thi xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú.

+ Nhân vật sử thi là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lý tưởng và khát vọng của cộng đồng, hành xử theo nguyên tắc danh dự. Nhân vật sử thi thường được miêu tả từ điểm nhìn bên ngoài, thông qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, thường không có diễn biến nội tâm. Không gian sử thi kỳ vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người. Thời gian sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng.

+ Diễn xướng sử thi: sử thi cổ sơ được diễn xướng trong không gian nghi lễ, gắn liền với những hoạt động tín ngưỡng của một nền văn hóa. Ví dụ sử thi của Hô-me-rơ từ khi ra đời cho đến tận thế kỷ thứ III trước Công nguyên được diễn xướng bởi các ca sĩ kể chuyện. Sử thi *Đẻ đất đẻ nước* được diễn xướng trong tang lễ của người Mường, trong đó ông Mo vừa diễn xướng sử thi, vừa nhảy múa để đưa hồn người chết về thế giới bên kia. Sử thi *Đăm Săn* được diễn xướng trong không gian nghi lễ của người Ê-đê, sau những ngày làm việc mệt nhọc, trong những dịp lễ hội của buôn làng, ... Vì sử thi vốn được diễn xướng nên trong lời kể sử thi có nhiều yếu tố lặp, sử dụng nhiều định ngữ, tính ngữ cố định, nhiều cụm từ so sánh trùng điệp để khắc ghi vào tâm trí người tiếp nhận hình ảnh nhân vật, tình tiết, sự kiện. Sử thi kể về những sự kiện, thời đại đã diễn ra và hoàn tất trong quá khứ xa xưa thiêng liêng, ngợi ca những người anh hùng với phẩm chất lý tưởng được cả cộng đồng thừa nhận như những tấm gương, những mẫu mực nên giọng điệu sử thi chủ yếu ngợi ca trang nghiêm, thành kính.

### *1.1.2. Tổ chức hoạt động dạy học đọc truyện và sử thi*

Đối với tất cả các bài học đều có những hoạt động dạy học chung:

+ Giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HV huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cá nhân để trả lời các câu hỏi trước khi đọc nhằm chuẩn bị tiếp cận văn bản đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực.

+ Tri thức ngữ văn/kiến thức ngữ văn: Dựa vào vốn kiến thức đã học về truyện HV đã được học ở cấp THCS, GV hướng dẫn HV đọc, nhận biết được các khái niệm công cụ như: cốt truyện, câu chuyện hay truyện kể, nhân vật, không



gian, thời gian, tình huống, sự kiện, lời kể, ngôi kể,... Mỗi khái niệm đều cần phải được hình thành trên cơ sở quy nạp từ những ngữ liệu cụ thể mà HV đã học, đã đọc trước đó, không dạy lý thuyết. GV cũng có thể chọn phương án cho HV tiếp cận các khái niệm công cụ ngay trong quá trình đọc văn bản, dùng chính văn bản để giúp HV nắm vững khái niệm.

- Hoạt động đọc văn bản truyện được thực hiện theo các bước như đọc các văn bản thuộc những loại, thể loại văn bản khác, thường theo các bước: khởi động trước khi đọc, đọc văn bản, trả lời câu hỏi, kết nối đọc – viết. Tuy nhiên, đọc văn bản truyện có một số đặc điểm riêng cần lưu ý:

+ Muốn đọc hiểu văn bản truyện, trước hết phải nắm được cốt truyện. Một số văn bản truyện dài, GV cần yêu cầu HV đọc trước văn bản ở nhà và thực hiện một số nhiệm vụ đọc để chuẩn bị bài trước khi đến lớp. GV cần kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HV và có thể sử dụng kết quả đó để tổ chức hoạt động dạy học.

+ Hoạt động khám phá văn bản (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi đọc hiểu các văn bản truyện bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình và được thiết kế theo các mức độ: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Đối với HV GDTX, GV bám sát vào yêu cầu cần đạt của chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 10 để có thể giảm bớt những câu hỏi ở mức độ đánh giá.

## **1.2. Đọc văn bản thơ**

### **1.2.1. Hiểu biết chung về thơ**

- Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới. Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- Nhân vật trữ tình là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

- Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

- Vận thơ là sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Vận có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

- Nhịp điệu là những điểm ngắt hay ngừng theo chu kỳ nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới.

- Nhạc điệu là cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệu, phối hợp thành điệu bằng – trắc,...

- Đối là cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng, sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (tương phản).

- Thi luật là toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ.

- Thể thơ là sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

### *1.2.2. Tổ chức hoạt động dạy học văn bản thơ*

- Đối với những bài thơ của tác giả Việt Nam, GV có thể hướng dẫn HV phân tích âm điệu, giọng điệu, vần nhịp, cách kết hợp từ ngữ,... để cảm nhận những cung bậc tâm trạng đa dạng của nhân vật trữ tình. Đối với những bài thơ được tiếp xúc qua bản dịch cần chú ý khai thác vẻ đẹp của cách tổ chức hình tượng thơ, cách tạo sự tương phản, đối lập giữa các hình ảnh.

- Khi hướng dẫn đọc hiểu các văn bản thơ, GV có thể gợi ý cho HV các phương án triển khai nội dung phân tích: cắt ngang theo bố cục cố định của thể thơ hoặc bỏ dọc theo vấn đề, theo hệ thống hình tượng. Với các bài thơ hiện đại, có thể phân tích bài thơ bằng việc xác định các mạch cảm xúc.

- Hệ thống câu hỏi sau khi đọc các văn bản thơ đều hướng tới:

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

+ Nhận biết được chủ đề, thông điệp về tình yêu đối với con người, quê hương, đất nước.

### **1.3. Đọc văn bản chèo, tuồng**

#### **1.3.1. Kiến thức chung về chèo, tuồng**

- Chèo là loại hình sân khấu truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam. Hình thức sơ khai của chèo với tư cách là nghệ thuật biểu diễn đã xuất hiện từ khoảng thế kỷ X châu thổ Bắc Bộ - cái nôi của nền văn hóa lúa nước. Từ những hoạt cảnh múa đơn giản ban đầu, chèo dần phát triển thành một nghệ thuật đặc thù với các vở diễn trọn vẹn, mà ở đó có những tích trò hoàn chỉnh là trụ đỡ cho toàn bộ hoạt động hát, múa, biểu diễn của diễn viên. Đến cuối thế kỷ XIX, chèo phát triển đến đỉnh cao với nhiều vở nổi tiếng như *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Kim Nham*, *Trương Viên*,... Sang đầu thế kỷ XX, từ địa bàn phát triển thuận lợi và quen thuộc là nông thôn, chèo bắt đầu chiếm lĩnh sân khấu biểu diễn ở các đô thị và lọt xác thành “chèo văn minh” với nhiều tích trò, kịch bản mới của các tác giả có tên tuổi. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ở Miền Bắc, chèo lại đạt được bước phát triển mới nhờ có định hướng hoạt động đúng đắn, vừa bảo tồn, vừa phát huy vốn cổ, tìm cách thích ứng tích cực với đời sống hiện đại.

- Văn bản chèo được đưa vào dạy trong SGK Ngữ văn lớp 10 là chèo dân gian. Chèo dân gian (còn gọi là chèo sân đình, chèo truyền thống) thuộc thể loại sân khấu dân gian, ra đời từ xa xưa, phát triển mạnh mẽ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Chèo dân gian phản ánh đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm của con người trong xã hội phong kiến; ca ngợi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người; phê phán các thói hư tật xấu; thể hiện sâu sắc tinh thần nhân văn. Vì vậy, khi hình thành cho HV khái niệm “chèo”, GV cần chú ý đến những đặc điểm mang tính loại hình của văn học dân gian thể hiện qua trích đoạn văn bản chèo được đưa vào SGK.

- Tuồng là một loại hình sân khấu truyền thống đặc sắc của nền nghệ thuật dân tộc Việt Nam. Nghệ thuật tuồng có nhiều danh xưng: hát bộ, hát bội, tuồng. Danh xưng “tuồng” phổ biến chủ yếu ở Miền Bắc, còn miền Trung và miền Nam, danh xưng “hát bội” được quen dùng hơn. Tuồng khởi nguồn từ sinh hoạt ca vũ của người Việt nhưng trong quá trình định hình và phát triển, tuồng đã tiếp nhận nhiều ảnh hưởng của hí kịch Trung Hoa. Do gặp môi trường chính trị, văn hóa thuận lợi, tuồng phát triển đặc biệt mạnh mẽ ở miền Trung từ thời chúa Nguyễn và đạt đỉnh cao dưới triều Nguyễn với những soạn giả nổi tiếng như: Đào Tấn, Nguyễn Hiển Dĩnh, Tống Phước Phổ,... Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau như tuồng cung đình (hay còn gọi là tuồng bác học) và tuồng dân gian.

Tuồng cung đình độc đáo với những nét đặc trưng về đề tài, kịch bản, nghệ thuật biểu diễn (hóa trang, đạo cụ, trang phục, dàn nhạc, các điệu hát, vũ đạo,...). Tuồng dân gian thường được xây dựng trên các tích kể về sinh hoạt đời thường, giàu yếu tố hài, châm biếm (thường được gọi là tuồng hài), các yếu tố hóa trang, phục trang, đạo cụ, động tác thường đơn giản.

- Các kịch bản tuồng và chèo có nội dung cụ thể khác nhau nhưng đều có chung đặc điểm: trình bày trên giấy theo cốt truyện, nhân vật kèm lời thoại và các chỉ dẫn về bối cảnh, trang phục, hoạt động trên sân khấu,...

### *1.3.2. Tổ chức dạy đọc văn bản chèo, tuồng*

- Dạy đọc hiểu văn bản tuồng, chèo, ngoài việc hiểu nội dung cụ thể của mỗi văn bản, cần yêu cầu HV chú ý ngôn ngữ và hình thức trình bày. Khác với văn bản thơ, truyện,..., tuồng, chèo thường có cấu trúc các hồi, cảnh; nhân vật kèm lời thoại; các chỉ dẫn sân khấu như bối cảnh, cử chỉ, điệu bộ, âm thanh, màu sắc, ánh sáng, mối liên hệ giữa sân khấu và công chúng,... Khi hướng dẫn đọc, GV cần yêu cầu HV nhận biết và thấy được tác dụng của cách trình bày ấy.

- Để tổ chức các hoạt động dạy đọc hiểu văn bản tuồng, chèo GV chủ động lựa chọn, sử dụng kết hợp các phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học cụ thể. Chẳng hạn: đọc phân vai (tổ chức đọc văn bản theo vai các nhân vật); biểu diễn kịch (tổ chức hoạt động sân khấu hoá); sử dụng sơ đồ, bảng biểu (grap, bản đồ tư duy, bảng,...) để tóm tắt cốt truyện kịch, mô tả quan hệ giữa các nhân vật, các tình tiết, chi tiết, các mâu thuẫn, xung đột kịch; đưa ra những hình dung, tưởng tượng về địa điểm, nhân vật (trang phục, hành động,...) và các cảnh đối thoại, độc thoại giữa các nhân vật;... Kèm theo đó là các phương tiện dạy học: phiếu học tập, tranh, ảnh, băng hình về các vở kịch,...

- Tuồng, chèo là loại hình biểu diễn, sân khấu. GV có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn học nghệ thuật cho HV, qua đó, vừa tăng cường giáo dục thẩm mỹ, vừa tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HV.

## **1.4. Đọc văn bản nghị luận**

### *1.4.1. Kiến thức chung về văn bản nghị luận*

- Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,... Căn cứ vào đề tài và nội dung triển khai có thể chia văn bản nghị luận thành nhiều tiểu loại, trong đó nghị luận xã hội và nghị luận văn học là hai tiểu loại phổ biến, quen thuộc. Ở những bối

cảnh văn hóa và thời đại khác nhau, văn bản nghị luận có những đặc điểm riêng. Tùy vào tính chất của thể văn được chọn (hịch, cáo, tựa,...) và nội dung bàn luận, các tác giả có thể sử dụng yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản.

- Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận: Luận đề là vấn đề tư tưởng, quan điểm, quan niệm,... được tập trung bàn luận trong văn bản. Việc chọn luận đề để bàn luận cho thấy rõ tầm nhận thức, trải nghiệm, sở trường, cách nhìn nhận cuộc sống của người viết. Thông thường luận đề của văn bản được thể hiện rõ từ nhan đề. Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách nhất định.

- Lý lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận: Lý lẽ, bằng chứng được gộp lại là luận cứ. Lý lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic, được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và vững vàng. Bằng chứng là những chứng cứ cụ thể, sinh động được khai thác từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn hợp lí của lý lẽ.

#### *1.4.2. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận*

- Văn bản nghị luận là loại văn bản dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn luận về một vấn đề nào đó (chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật, triết học, đạo đức...). Do đó, khi hướng dẫn HV đọc hiểu loại VB này, trên cơ sở các phương pháp đọc hiểu văn bản nói chung, GV cần lựa chọn những phương pháp đặc thù, phù hợp với đặc trưng của văn bản nghị luận. GV cần tạo ra được một không gian đối thoại trong lớp học, cung cấp cho HV nền tảng để đọc hiểu trong đó GV tổ chức các hoạt động dạy học theo quy trình:

(1) Phát hiện vấn đề nêu lên trong văn bản và chia sẻ trải nghiệm về vấn đề đó;

(2) Xác định mục đích nghị luận;

(3) Tóm tắt các luận điểm và xác định mối quan hệ giữa chúng với nhau;

(4) Suy luận, phân tích thái độ, tình cảm, quan điểm của người viết đối với vấn đề nghị luận, các đối tượng liên quan và người đọc;

(5) Phân tích nghệ thuật lập luận, cách nêu chứng cứ, sử dụng ngôn ngữ, tác dụng của các biện pháp đó với từng vấn đề được trình bày trong nội dung văn bản nghị luận;

(6) Nêu khái quát giá trị của văn bản nghị luận về cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; liên hệ với thực tiễn văn học và đời sống, đánh giá khả năng

tác động của văn bản nghị luận đến nhận thức và hành động của người đọc.

- Để tổ chức hiệu quả một giờ dạy học văn bản nghị luận, GV cần hướng dẫn HV: Tái hiện được bối cảnh lịch sử, thời đại, tình huống tạo nên văn bản; huy động được các ví dụ, dẫn chứng tiêu biểu ngoài văn bản để phân tích, làm sáng tỏ luận điểm trong văn bản; liên hệ thực tế.

- GV tổ chức hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm, giúp HV ngoài việc hiểu, tin vào những điều trong văn bản, còn đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và tri thức của mình; rút ra được những bài học từ việc đọc văn bản; so sánh với các tác giả, văn bản khác có liên hệ với nhau về thời gian, đề tài, chủ đề. Cần lưu ý khi dạy đọc văn bản nghị luận, GV hạn chế nêu thêm các nội dung khác mà chỉ phát triển chi tiết hoặc thêm câu hỏi gợi mở từ các câu hỏi trong SGK. Vì các câu hỏi ấy đã thể hiện đủ các yêu cầu đọc hiểu của chương trình về văn bản nghị luận. Trong những câu hỏi của mỗi bài thì các câu cuối thường đã có yêu cầu liên hệ và vận dụng, không phải nêu thêm gì nữa.

### **1.5. Đọc văn bản thông tin**

#### **1.5.1. Kiến thức chung về văn bản thông tin**

- Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó phục vụ cho việc thông báo, giao dịch,... trong hoạt động giao tiếp. Văn bản thông tin có thể được chia thành nhiều loại nhỏ theo các tiêu chí: tính chất của thông tin, cách triển khai thông tin, cấu trúc văn bản,...

- Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin: Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả khá quen thuộc, các tác giả thường chọn cách đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập đến. Cũng có khi người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm. Việc triển khai ý tưởng và thông tin luôn phụ thuộc vào các yếu tố chính sau đây: đặc điểm của đối tượng được nói tới, mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc mà tác giả muốn đạt được.

- Bản tin và tính hiệu quả của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ vào bản tin: Bản tin là một loại văn bản thông tin. Nội dung của bản tin là các sự kiện cập nhật, có thể thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều người và tạo được sức tác động xã hội. Thông tin trong bản tin mang tính xác thực cao. Ngôn ngữ trong bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản. Trong một số trường hợp để gây ấn tượng

với công chúng, người viết có thể sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ,... Việc đưa phương tiện phi ngôn ngữ vào bản tin làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin.

### *1.5.2. Tổ chức dạy đọc hiểu văn bản thông tin*

- Để giờ dạy đọc hiểu văn bản thông tin hiệu quả, GV giao nhiệm vụ cho HV trước, trong và sau khi đọc: chuẩn bị kiến thức nền, thiết lập hồ sơ đọc, thuyết trình, thảo luận, viết báo cáo, viết suy nghĩ hoặc kế hoạch tìm hiểu vấn đề nêu trong văn bản sau bài học. Trong khi đọc văn bản, GV hướng dẫn, hỗ trợ HV hoàn thành các nhiệm vụ:

(1) Tìm hiểu xuất xứ, nguồn văn bản, tìm hiểu về tác giả;

(2) Đọc hiểu nội dung của văn bản (hệ thống thông tin được đề cập đến trong văn bản);

(3) Đọc hiểu hình thức của văn bản (kiểu loại văn bản, bố cục văn bản, cách trình bày, sắp xếp thông tin trong văn bản, hình ảnh, chi tiết, nhan đề, tiêu đề, chú thích, sơ đồ, biểu bảng, chữ viết hoa, in đậm, in nghiêng,... được sử dụng trong văn bản);

(4) Vận dụng thông tin trong văn bản (liên hệ thông tin trong văn bản với thông tin ngoài văn bản có liên quan để giải quyết các vấn đề trong học tập và cuộc sống).

## **1.6. Hướng dẫn thực hành Tiếng Việt**

### *1.6.1. Kiến thức Tiếng Việt*

- Kiến thức Tiếng Việt được đưa vào lớp 10 gồm có:

+ Từ vựng: Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.

+ Ngữ pháp: lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa; biện pháp chêm xen; biện pháp liệt

+ Hoạt động giao tiếp: mạch lạc và liên kết của văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa; sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần tinh lược trong văn bản.

+ Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, sơ đồ, biểu bảng.

- Mục tiêu dạy học tiếng Việt là trang bị cho HV công cụ để đọc hiểu, vì vậy không cung cấp kiến thức lý thuyết. Kiến thức tiếng Việt được tích hợp với những kiến thức Ngữ văn khác vào một bài học với văn bản là trung tâm.

### *1.6.2. Triển khai hoạt động thực hành Tiếng Việt*

- Hình thành kiến thức mới: Phần Tiếng Việt kiến thức mới không nhiều, chủ yếu là kiến thức HV đã học ở các lớp dưới. Đối với những bài không có kiến thức mới, GV giúp HV ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Tuy nhiên dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết. GV có thể lựa chọn các phương pháp phù hợp để tổ chức cho HV tìm hiểu kiến thức mới như: chơi trò chơi, phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HV tìm hiểu và rút ra khái niệm; hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa.

- Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ: Sau khi HV đã biết được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cho HV thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong SGK, GV có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HV thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV.

- Luyện tập, vận dụng: ở hoạt động này GV có thể hướng dẫn HV làm việc cá nhân, theo cặp hoặc nhóm để hoàn thành bài tập. Ngữ liệu để thiết kế các bài tập luyện tập, vận dụng trong SGK chủ yếu được lấy từ văn bản đọc có trong bài học. Như vậy mới đáp ứng được mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HV hiểu sâu hơn về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong văn bản. Ở hoạt động này, GV căn cứ vào thời gian của tiết học, khả năng hoàn thành của HV và số bài tập bổ sung mà GV có thể điều chỉnh linh hoạt thời gian dành cho hoạt động này.

## **2. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết theo kiểu bài**

### ***2.1. Các kiểu bài dạy học viết***

Theo yêu cầu của Chương trình GDTX môn Ngữ văn, lớp 10 HV cần luyện tập viết các kiểu bài sau:

- Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học và văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm; bài luận về bản thân.

- Văn bản thông tin: báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề; bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.

### ***2.2. Quy trình dạy học viết***

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó giáo dục



phẩm chất và phát triển nhân cách cho HV. Vì thế khi dạy viết, GV chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

GV tập trung vào yêu cầu hướng dẫn HV các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, GV hướng dẫn HV phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp HV xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn HV viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Ở cấp THPT, GV yêu cầu HV thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu văn bản, GV chú ý hướng dẫn kỹ thuật viết tích cực nhằm giúp HV vừa thành thạo kỹ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, HV còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

GV sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn HV hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho HV thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà HV cần thực hiện; yêu cầu HV làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, HV cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

Quy trình dạy học viết gồm có 5 bước:

- Bước 1. Giới thiệu kiểu văn bản
- Bước 2. Hướng dẫn HV tìm hiểu yêu cầu của kiểu văn bản
- Bước 3. Hướng dẫn HV đọc và phân tích bài viết tham khảo.
- Bước 4. Tổ chức cho HV thực hành viết theo trình tự: chuẩn bị viết, tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Bước 5. Chấm bài.

### **2.3. Một số lưu ý khi dạy học viết theo từng kiểu bài**

- Kiểu bài phân tích một tác phẩm truyện: Một tác phẩm truyện có nội dung hết sức phong phú và có giá trị nhiều mặt, vì vậy tùy góc nhìn, tùy mức độ thâm nhập khác nhau mà người viết có những định hướng viết không giống nhau. Để phân tích một tác phẩm truyện, HV phải biết trả lời các câu hỏi chính: truyện viết về đề tài, vấn đề gì? Tác phẩm muốn gửi thông điệp gì đến người đọc? Thông điệp đó được chuyển tải trọn vẹn qua các phương tiện nghệ thuật như thế nào?

- Kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ: khi phân tích một tác phẩm thơ cần chú ý những chi tiết, hình ảnh, tính chất hay những ý thơ được dùng lặp lại trong bài; chú ý đến quan hệ chỉnh thể giữa các yếu tố cấu tạo nên bài thơ (hình thức, nội dung). Khi phân tích bài thơ, mọi luận điểm cần phải được làm sáng tỏ qua việc phân tích những dẫn chứng cụ thể, là các câu thơ hay đoạn thơ đã được trích dẫn một cách chính xác. Ngôn ngữ được sử dụng trong bài phân tích về tác phẩm thơ cần có tính biểu cảm, tuy vậy cần tránh việc lạm dụng thán từ, cũng như tránh đưa ra những nhận định chung chung thiếu căn cứ. Khi phân tích các yếu tố hình thức của thơ như vần, điệu,..., mạch cảm xúc của tác giả,... có ý nghĩa rất quan trọng.

- Kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội: lựa chọn những vấn đề xã hội đích đáng để bàn luận, những vấn đề đó được nhiều người quan tâm và không xa lạ đối với trải nghiệm của HV.

- Kiểu bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm: Đây là kiểu bài mới được đưa vào chương trình, thực chất đây cũng là kiểu bài nghị luận nhưng được gọi tên bằng một hình thức tự nhiên, dễ gần gũi với HV. Khi làm kiểu bài này cần trả lời các câu hỏi: cần khuyên người khác từ bỏ thói quen hay quan niệm gì? Thói quen hay quan niệm đó có những biểu hiện cụ thể nào? Vì sao cần từ bỏ thói quen hay quan niệm đó? Việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đó được thực hiện ra sao?

- Kiểu bài luận về bản thân: Đây là kiểu bài mới nhưng không hoàn toàn xa lạ với HV. Khi viết nhật ký hay viết các dòng trạng thái trên mạng xã hội là khi các em đã chạm đến hoặc đáp ứng một số yêu cầu khá cơ bản của kiểu bài này. Cần lưu ý đây không phải bài viết giới thiệu về bản thân mà là bài luận về bản thân, có mục đích tự thân, gắn với nhu cầu nhìn lại chính mình, tự soát xét về giá trị của bản thân trên cơ sở sự tự ý thức rất cao về con người cá nhân của người viết. Nó thường được thực hiện ở những thời điểm mang tính bước ngoặt của

cuộc đời, tức là thời điểm đòi hỏi mỗi người phải tự kiểm tra hành trang, lối sống, hành vi,... Chính vì thế người viết phải thể hiện một cách chân thành những suy nghĩ, đánh giá của chính mình, không vay mượn, sao chép suy nghĩ của người khác.

- Kiểu bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề: Đối với kiểu bài này, HV phải tuân thủ quy trình nghiên cứu gồm chọn đề tài, xử lý thông tin, xác định luận điểm, xây dựng đề cương, lập kế hoạch nghiên cứu, viết báo cáo,... tuy ở mức độ thấp hơn về tính mới của thông tin, về giá trị của những phát hiện hay khả năng vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng: Với kiểu văn bản này việc hình dung được đầy đủ về các tình huống có thể xảy ra trong thực tế rất quan trọng. Chính nó sẽ đảm bảo cho văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng có được sự bao quát cần thiết. Văn phong của kiểu văn bản này cần ngắn gọn, xúc tích, không mang sắc thái biểu cảm.

### **3. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói – nghe**

#### **3.1. Các nội dung Nói và nghe trong chương trình**

- Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Trình bày báo cáo về một kết quả nghiên cứu hay hoạt động trải nghiệm.

- Giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

#### **3.2. Quy trình dạy học Nói và nghe**

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp HV có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách HV.

Trong dạy nói, GV hướng dẫn cho HV quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HV thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, GV hướng dẫn HV cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, GV hướng dẫn HV biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho HV. Để tạo điều kiện cho mọi HV được thực hành nói, GV linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp HV nói cho nhau nghe hoặc HV trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho HV thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà GV cung cấp.

Trong giờ nói và nghe, GV triển khai một số hoạt động sau:

- Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HV chuẩn bị giới thiệu, thuyết trình, trình bày nội dung (đã có bài tập nêu trong SGK). Thời gian chuẩn bị tùy vào nội dung và hình thức tổ chức nhưng không cần nhiều (vì đã có nội dung từ đọc và viết).

- Tổ chức cho HV trình bày, giới thiệu, thuyết trình và lắng nghe, theo dõi nội dung đã chuẩn bị. Đây là hoạt động chính; có thể một hoặc nhiều lượt HV được trình bày.

- Tổ chức cho HV trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kỹ năng nói của người trình bày. Từ đó, GV nhận xét về kỹ năng và nội dung nói – nghe của HV; đưa ra các uốn nắn về kỹ thuật nói – nghe (không dài dòng, tản mạn, lúng túng,...) và đặc biệt về thái độ trong khi nói – nghe. Ví dụ: người nói cần nhìn vào các bạn, biết kết hợp lời nói với ngôn ngữ hình thể, tốc độ và âm lượng khi nói nên thế nào cho phù hợp,... Với việc nghe, cần tôn trọng người nói như tập trung nghe, hướng về người nói,... Cần có tác phong và sự tự tin khi trình bày, trao đổi,...

Dạy nói và nghe không chỉ là để phát triển kỹ năng nói và nghe mà còn là cơ hội để rèn luyện phẩm chất, thái độ, tình cảm, lối sống có văn hoá cho HV. Vì thế, khi dạy nói – nghe, GV không chỉ chú ý đến nội dung nói mà còn cần tập trung vào kỹ năng và thái độ khi nghe – nói của HV.

## **II. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP**

### **1. Yêu cầu cần đạt và nội dung của chuyên đề học tập**

Lớp 10 có 03 chuyên đề học tập, mỗi chuyên đề có những yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học riêng được chương trình quy định như sau:

## **Chuyên đề 1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian (10 tiết)**

### **Yêu cầu cần đạt:**

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian.

### **Nội dung:**

- Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Cách viết một báo cáo nghiên cứu.
- Một số vấn đề có thể nghiên cứu về văn học dân gian.
- Yêu cầu của việc tổ chức thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian.

## **Chuyên đề 2: Sân khấu hoá tác phẩm văn học (15 tiết)**

### **Yêu cầu cần đạt:**

- Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ trong văn bản sân khấu.

### **Nội dung:**

- Tác phẩm văn học và sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Quy trình tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Cách nhập vai, diễn xuất, thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ (đa phương thức) trong văn bản sân khấu

## **Chuyên đề 3: Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (10 tiết)**

### **Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

### **Nội dung:**

- Phương pháp đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.
- Cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

– Yêu cầu của việc trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

## **2. Hướng dẫn tổ chức dạy học chuyên đề học tập**

- Nội dung hướng dẫn dạy học ở từng chuyên đề không bị đóng khuôn cứng nhắc. Dù tất cả các chuyên đề đều nhấn mạnh tính thực hành, tính ứng dụng, nhưng với những nội dung hoạt động khác nhau (nghiên cứu, viết báo cáo; sân khấu hoá tác phẩm văn học; đọc, viết, giới thiệu về một tác phẩm văn học) thì các bước thực hành, ứng dụng cũng phải mang những nét đặc thù.

- Gợi ý tổ chức dạy học chuyên đề như sau: Mỗi chuyên đề có hai phần chính: phần thứ nhất hướng dẫn cách hình thành, củng cố, hệ thống hóa các kiến thức lí thuyết cho HV và phần hướng dẫn thực hành. Thông thường, phần thứ nhất được tổ chức xoay quanh việc tìm hiểu các văn bản tham khảo, xem như một loại mẫu cần được phân tích để HV nhận ra các thao tác kiến tạo nên chúng. Còn ở phần thứ hai, nhiều tình huống hoạt động cụ thể được gợi ý để HV có thể lựa chọn, sao cho việc thực hành đạt được hiệu quả tích cực, tận dụng được mọi lợi thế của điều kiện học tập hiện có để hoàn thành các sản phẩm mong muốn.

- Trong Chương trình chỉ quy định tổng số tiết cho từng chuyên đề chứ không quy định thời lượng cụ thể cho các hoạt động mà mỗi chuyên đề phải thực hiện (Chuyên đề 1: 10 tiết; Chuyên đề 2: 15 tiết; Chuyên đề 3: 10 tiết). Do nội dung của các chuyên đề hết sức phong phú nên việc phân bổ thời gian cho từng hoạt động phải được tính toán sát sao. Dù khối lượng kiến thức công cụ mà HV phải tiếp nhận khá lớn nhưng GV cũng chỉ có thể dành khoảng 1/3 thời gian của chuyên đề để hướng dẫn các em tìm hiểu mà thôi. Thời gian còn lại sẽ được dành cho HV làm ra các sản phẩm theo yêu cầu của chuyên đề và sau đó là báo cáo kết quả thực hành trước nhóm học tập hoặc trước cả lớp. Dĩ nhiên, để hoàn thành công việc (kèm theo sản phẩm) mà chuyên đề đòi hỏi (như thu thập thông tin về vấn đề chọn nghiên cứu; viết báo cáo nghiên cứu; chuyển thể lên sân khấu một tác phẩm văn học; tập luyện để biểu diễn một kịch bản sân khấu; viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết,...), GV và HV nhất thiết phải huy động thêm thời gian ở bên ngoài khung “cứng” của chuyên đề. Đây chính là điểm khác biệt của việc dạy học một chuyên đề với việc dạy học một bài học theo chương trình bắt buộc.

– GV cần lưu ý rằng thời gian để dạy học một chuyên đề khó có thể diễn ra liên tục, dồn dập trong một thời gian ngắn. Khoảng cách giữa điểm đầu và điểm cuối của chuyên đề phải được kéo giãn một cách hợp lí, đủ để HV có

thời gian hoàn thành dự án học tập hay các nhiệm vụ thực hành của mình. Vì vậy, trong “kế hoạch bài dạy”, GV phải hình dung được một cách khá cụ thể, chi tiết những hoạt động của cả GV lẫn HV ở giai đoạn sau “tiếp thu lí thuyết” và trước báo cáo kết quả học tập chuyên đề. Về phía GV, đó là các hoạt động: kiểm tra, đôn đốc, tư vấn, tham mưu,... Về phía HV, đó là các hoạt động: phân công công việc, triển khai công việc, phối hợp hoạt động, tham vấn GV và chuyên gia, lên kế hoạch báo cáo kết quả hoạt động và giới thiệu sản phẩm đã hoàn thiện,...

– Ở một số Trung tâm GDTX có điều kiện khó khăn, khó tổ chức được các hoạt động “đúng chuẩn” theo đòi hỏi của hệ thống chuyên đề học tập, GV có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc hướng dẫn HV học các nội dung được biên soạn trong sách *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, từ việc đọc, phân tích các văn bản tham khảo đến việc hệ thống hóa kiến thức theo từng vấn đề đã được nêu lên. Tuy vậy, cần phải tranh thủ từng cơ hội thuận lợi để hướng HV vào hoạt động vận dụng, thực hành, bởi chính qua vận dụng, thực hành, HV mới thực sự thấy được ý nghĩa thiết thân của những kiến thức được học, theo chương trình bắt buộc và theo hệ thống chuyên đề môn học mà các em đã lựa chọn.

### **III. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

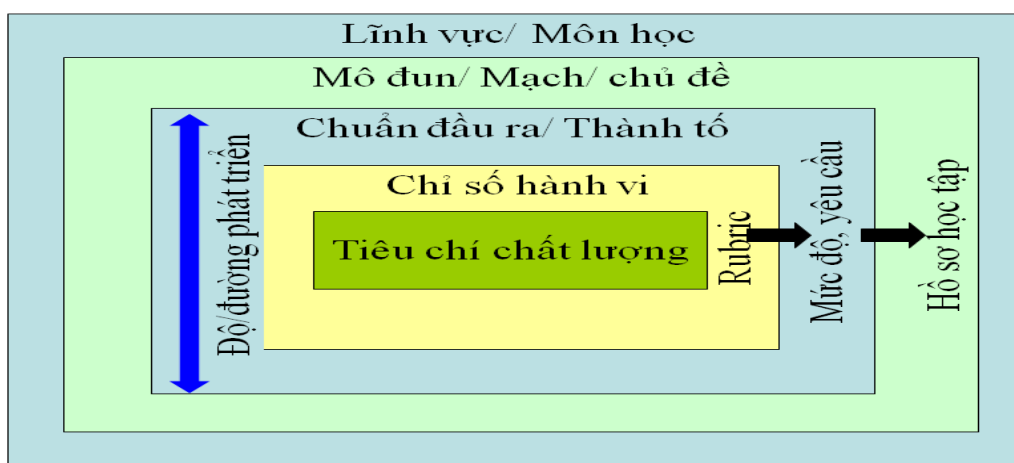
#### **1. Phân tích yêu cầu cần đạt của Chương trình**

Trong quá trình phát triển Chương trình GDTX theo quan điểm tiếp cận năng lực, việc lựa chọn nội dung các môn học phải tập trung cho việc tạo cơ hội hình thành và phát triển các các năng lực chung và đặc thù. Ngược lại, việc tập trung vào các thành tố của năng lực có thể giúp HV am hiểu sâu sắc hơn các kiến thức, kỹ năng môn học khi vận dụng chúng vào các bối cảnh thực tiễn. Do vậy, việc quá trình triển khai các hoạt động dạy học cũng là quá trình lồng ghép nội dung kiến thức với các thành tố của năng lực.

Chương trình Ngữ văn đã xác định các nội dung dạy học của từng lớp theo hướng: Từ cấu trúc năng lực lựa chọn những nội dung dạy học phù hợp, bao gồm những kiến thức cơ bản, nền tảng được xác định theo từng lớp và những yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Trong quá trình dạy học, các nội dung sẽ đảm bảo tạo cơ hội tốt cho việc phát triển năng lực. Ví dụ, ở mạch đọc hiểu, chương trình đã xác định một hệ thống ngữ liệu phong phú theo các kiểu loại văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; ở mạch nói và nghe, chương trình có nhiều nội dung học tập mang tính giao tiếp, thực hành ứng dụng như: trình bày, thuyết trình, thảo luận tranh luận; ở mạch viết, chương trình xác

định các kiểu bài viết như nghị luận xã hội, nghị luận văn học, văn bản thuyết minh, văn bản nhật dụng,... tạo ra nhiều cơ hội để HV được tham gia và trải nghiệm các tình huống đa dạng của cuộc sống. Những nội dung này đều có thể giúp HV hình thành và phát triển các năng lực đọc, viết, nói và nghe, từ đó HV sẽ thể hiện được năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp xã hội, năng lực tư duy sáng tạo,... đồng thời phát triển năng lực tự học và tự chủ.

Mô hình lồng ghép năng lực với nội dung dạy học được minh họa ở hình sau:



Hình 1. Mô hình tích hợp/ lồng ghép năng lực vào nội dung học tập

Sau khi đã xác định khái niệm, cấu trúc và mô tả đường phát triển của một năng lực cụ thể, sẽ tiến hành quá trình tích hợp năng lực với nội dung chương trình môn học (Integrating general competences into subject). Trên thực tế, khi triển khai chương trình theo chủ trương “một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa”, mỗi bộ sách giáo khoa sẽ có những ý tưởng riêng trong việc tổ chức các nội dung dạy học, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình. Với hạt nhân là cấu trúc và chuẩn đầu ra, dựa trên đường phát triển năng lực được xác định cho từng lớp, GV sẽ xem xét, cân nhắc và quyết định mỗi thành tố của năng lực sẽ được phát triển như thế nào qua những mạch kiến thức hoặc chủ đề của lĩnh vực/ môn học (theo Patrick Griffin, Barry McGaw, Esther Care 2012), từ đó lựa chọn bộ sách giáo khoa mà mình thấy phù hợp với các điều kiện thực tiễn để tổ chức quá trình dạy học.

Khi thiết kế kế hoạch bài dạy, có thể sử dụng các yêu cầu cần đạt được xác định trong chương trình để xác định mục tiêu, sử dụng các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá khi tổ chức quá trình dạy học. Việc cụ thể hoá yêu cầu cần đạt có thể được trình bày theo mức mức độ khác nhau, hướng tới mục tiêu dạy



học phát triển. Chẳng hạn, có thể cụ thể hoá yêu cầu cần đạt trong mạch đọc hiểu văn bản văn học của môn Ngữ văn lớp 10 theo 3 mức độ như sau:

NL đặc thù	NL thành phần	Biểu hiện của NL thành phần	Yêu cầu cần đạt	Mức chất lượng
<b>Đọc</b>	<b>Đọc văn bản văn học</b>	Đọc hiểu nội dung văn bản văn học	Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm	<p>- Mức 1: Đưa ra được một số nhận xét về nội dung bao quát của văn bản, phân tích được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.</p> <p>-Mức 2: Đưa ra được nhận xét đầy đủ về nội dung bao quát của văn bản; phân tích và đưa ra được dẫn chứng về các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.</p> <p>-Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được nhận xét mới mẻ, độc đáo.</p>
			Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	<p>- Mức 1: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố của chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</p> <p>- Mức 2: Phân tích đầy</p>

			<p>đủ và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được các căn cứ để xác định chủ đề.</p> <p>- Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được đánh giá độc đáo, mới mẻ của cá nhân.</p>
		<p>Đọc hiểu hình thức</p>	<p>Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...</p> <p>- Mức 1: Nhận ra và phân tích được dấu hiệu của một số yếu tố trong sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...</p> <p>- Mức 2: Nhận ra và phân tích được các yếu tố cơ bản của sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...trong các văn bản</p> <p>- Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được nhận xét của bản thân khi phân tích.</p>
			<p>Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 ( người kể</p> <p>- Mức 1: Nhận ra và phân tích được dấu hiệu của một số yếu tố trong truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể</p>

		<p>chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri) điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p>	<p>chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri) điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- Mức 2: Nhận ra và phân tích được một số yếu tố cơ bản của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 ( người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri) điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...thông qua các văn bản truyện</p> <p>- Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được nhận xét của bản thân trong khi phân tích.</p>
		<p>Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.</p>	<p>- Mức 1: Phân tích và đánh giá được một số dấu hiệu tạo nên giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.</p> <p>- Mức 2: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.</p> <p>- Mức 3: Đạt được Mức 2 và có đánh giá độc đáo, mới mẻ.</p>

			<p>Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền,...</p>	<p>- Mức 1: Nhận ra và phân tích được biểu hiện của một số yếu tố trong văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền,...</p> <p>- Mức 2: Nhận ra và phân tích được một số yếu tố cơ bản của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền,...</p> <p>- Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được nhận xét của bản thân về một số yếu tố của văn bản chèo.</p>
		<b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b>	<p>Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.</p>	<p>- Mức 1: Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này theo hướng dẫn, gợi ý.</p> <p>- Mức 2: Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu và lí giải được một số tác phẩm của tác giả này.</p> <p>- Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa được những nhận xét cá nhân khi vận dụng.</p>
			<p>Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học</p>	<p>- Mức 1: Nhận ra và phân tích được một số dấu hiệu về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.</p>

				<p>- Mức 2: Nhận ra và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.</p> <p>- M3: Đạt được mức 2 và chỉ ra được tác dụng của bối cảnh lịch sử văn hoá được chỉ ra trong tác phẩm văn học.</p>
			<p>Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau.</p>	<p>- Mức 1: Liên hệ được một số biểu hiện tạo nên sự gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau.</p> <p>- Mức 2: Liên hệ, phân tích được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau.</p> <p>- Mức 3: Đạt được mức 2 và đưa ra được những dẫn chứng điển hình hoặc lí giải được nguyên nhân tạo ra điểm gần gũi giữa hai tác phẩm thuộc hai nền văn học khác nhau.</p>
			<p>Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.</p>	<p>- Mức 1: Nêu được một vài điểm về ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.</p> <p>- Mức 2: Nhận xét được</p>

				<p>ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.</p> <p>- Mức 3: Đạt được mức 2 và đưa ra được quan điểm đánh giá độc đáo.</p>
--	--	--	--	---

## 2. Xác định mục tiêu dạy học

Xác định mục tiêu dạy học là hoạt động cần thiết khi thiết kế kế hoạch dạy học. Mục tiêu của mỗi bài học là sự thể hiện yêu cầu cần đạt của chương trình. Trong môn học Ngữ văn, khi biên soạn SGK, mỗi bộ sách sẽ lựa chọn một phương án tổ chức nội dung dạy học để đáp ứng YCCĐ. Các mạch đọc, viết, nói và nghe được thiết kế theo một mối quan hệ logic để hướng tới YCCĐ đó. Khi tổ chức quá trình dạy học, GV sẽ căn cứ vào đối tượng HV và cách sắp xếp các bài học để khai thác nội dung bài học một cách hợp lí.

Khi xác định mục tiêu dạy học, cần dựa trên đối tượng HV cụ thể và cấu trúc các nội dung dạy học của SGK để cụ thể hoá yêu cầu cần đạt phù hợp với từng nội dung dạy học. Sau khi đã thao tác hoá yêu cầu cần đạt của Chương trình, có thể xác định mục tiêu của từng nội dung trong bài học theo ý đồ dạy học của mỗi giáo viên. Chẳng hạn, mục tiêu dạy học được xác định tương ứng với nội dung dạy học đọc hiểu thể loại truyện môn Ngữ văn lớp 10 (SGK Kết nối tri thức với cuộc sống – Bài 1) được xác định như sau:

<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>Mục tiêu VB 1</b>	<b>Mục tiêu VB 2</b>	<b>Mục tiêu VB 3</b>
<i>YCCĐ về nội dung:</i> Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật	- Mức 1: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố của chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản;	- Mức 2: Phân tích đầy đủ và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân	- Mức 2: Phân tích đầy đủ và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân

của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	tích được các căn cứ để xác định chủ đề.	tích được các căn cứ để xác định chủ đề. - Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được đánh giá độ đáo, mới mẻ của cá nhân.
<i>YCCĐ về hình thức:</i> Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện và truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...	- Mức 1: Nhận ra và phân tích được dấu hiệu của một số yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...	- Mức 2: Nhận ra và phân tích được các yếu tố đặc trưng cơ bản của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...trong các văn bản	- Mức 2: Nhận ra và phân tích được các yếu tố đặc trưng cơ bản của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...trong các văn bản - Mức 3: Đạt được Mức 2 và lấy được căn cứ, dẫn chứng trong một văn bản đã đọc để làm sáng tỏ vai trò của các yếu tố trong việc thể hiện nội dung văn bản.

Do YCCĐ được xác định cho cả mạch đọc hiểu nên có thể sử dụng các YCCĐ để kiểm soát quá trình dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực theo các bước của quá trình đó. Mặt khác, có thể sử dụng chuẩn để tổ chức dạy học theo hướng phân hoá, đó là có thể xác định mục tiêu dạy học theo cả 3 mức cho cùng 1 văn bản, hướng tới các đối tượng HV có những mức độ tiếp nhận khác nhau. Chẳng hạn như sau:

<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>Mục tiêu VB 1</b>	<b>Mục tiêu VB 2</b>	<b>Mục tiêu VB 3</b>
<i>YCCĐ về nội dung:</i> Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	- Mức 1: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố của chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	- Mức 2: Phân tích đầy đủ và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được các căn cứ để xác định chủ đề.	- Mức 3: Nêu và diễn đạt được rõ ràng, chính xác đề tài, câu chuyện, nhân vật trong chính thể tác phẩm.
<i>YCCĐ về hình thức:</i> Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện và truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...	- Mức 1: Nhận ra và phân tích được dấu hiệu của một số yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, ...  - Mức 2: Nhận ra và phân tích được các yếu tố đặc trưng cơ bản của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, ...trong các văn bản	- Mức 2: Nhận ra và phân tích được các yếu tố đặc trưng cơ bản của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, ...trong các văn bản  - Mức 3: Đạt được Mức 2 và lấy được căn cứ, dẫn chứng trong một văn bản đã đọc để làm sáng tỏ vai trò của các yếu tố thể hiện nội dung văn bản.	- Mức 3: Xác định và lấy được căn cứ, dẫn chứng trong một văn bản đã đọc để làm sáng tỏ vai trò của các yếu tố trong việc thể hiện nội dung văn bản.



### 3. Xác định phương pháp và cách thức tổ chức dạy học

Phương pháp dạy học là cách thức tổ chức các nội dung dạy học để đạt được mục tiêu của bài học. Việc lựa chọn PPDH là linh hoạt, tùy vào sự sáng tạo và chủ động của GV phù hợp với đối tượng HV. Tuy nhiên, để việc dạy học đáp ứng mục tiêu, có thể căn cứ vào các mức độ của chuẩn đã xác định để lựa chọn một số PPDH. Chẳng hạn, để hướng dẫn đọc hiểu văn bản truyện và truyện thần thoại, GV có thể lựa chọn một số PPDH gắn với mạch đọc như sau:

Văn bản	Mục tiêu	Tổ chức dạy học
<b>Văn bản 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức 1: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố của chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>- Mức 1: Nhận ra và phân tích được dấu hiệu của một số yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Có thể áp dụng PPDH phân tích mẫu và quy nạp:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HV đọc văn bản, nhận diện một số yếu tố của truyện thần thoại gắn với văn bản, tìm hiểu một số chi tiết, đề tài, nhân vật trong văn bản.</li> <li>- Từ đó GV hướng dẫn HV nhận diện những yếu tố trong tri thức đọc hiểu</li> </ul> </li> <li>(2) Có thể áp dụng PPDH phân tích mẫu và diễn dịch:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HV tìm hiểu tri thức ngữ văn về truyện truyền thuyết.</li> <li>- Hướng dẫn HV đọc hiểu nội dung và hình thức của VB để nhận diện một số yếu tố đã rút ra từ tri thức ngữ văn</li> </ul> </li> </ul>
<b>Văn bản 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức 2: Phân tích đầy đủ và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được các căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>- Mức 2: Nhận ra và phân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có thể hướng dẫn HV thực hành phân tích văn bản theo hướng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế Phiếu học tập</li> <li>- Xây dựng các nhiệm vụ học tập để hướng dẫn HV vận dụng những kiến thức về thể loại đã học ở VB 1 để tìm hiểu VB 2.</li> <li>- Có thể chia nhóm HV để thực hành theo các nhiệm vụ học tập</li> </ul> </li> </ul>

	tích được các yếu tố đặc trưng cơ bản của truyện, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...trong các văn bản	dưới sự hướng dẫn của GV. - GV nhận xét kết quả, khắc sâu kiến thức và kỹ năng đã thực hành.
<b>Văn bản 3</b>	- Mức 2: Phân tích đầy đủ và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được các căn cứ để xác định chủ đề. - Mức 3: Nêu và diễn đạt được rõ ràng, chính xác đề tài, câu chuyện, nhân vật trong chính thể tác phẩm.	Hướng dẫn HV đọc mở rộng VB: - GV đưa ra một số định hướng đọc - HV tự chọn VB đọc (cá nhân hoặc nhóm) - GV xác định những sản phẩm học tập HV cần hoàn thành để kiểm tra kết quả đọc của HV - HV thực hiện sản phẩm - GV nhận xét, đánh giá

Từ việc xác định mục tiêu và cách thức tổ chức dạy học, đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình, sẽ thiết kế các hoạt động dạy học theo nội dung đã được xây dựng trong từng bộ SGK. Các thiết kế minh họa sẽ được trình bày ở phần sau của tài liệu.

Mặc dù, trong mỗi bài học có gợi ý về việc phân chia thời lượng cho từng nội dung học tập nhưng nhìn chung GV vẫn có toàn quyền quyết định trong việc phân bổ thời gian cho các nội dung và các phần trong mỗi bài cho phù hợp với đối tượng, điều kiện dạy học. Ví dụ nếu thấy phần nội dung đọc hiểu hay nội dung viết có thể rút ngắn 1-2 tiết mà vẫn đạt được yêu cầu, mục tiêu bài học thì GV có thể chuyển sang nội dung phần khác, bài học khác. Các tiết dôi ra sẽ được dành cho những bài cần nhiều thời gian hơn, nhưng nội dung cần củng cố, ưu tiên thực hành rèn luyện ở lớp nhiều hơn. Tuy nhiên việc này nên trao đổi trong tổ khi thực hiện kế hoạch dạy học nhà trường.

Một lưu ý trong SGK thường có 3 - 4 văn bản đọc hiểu, GV hoàn toàn có thể chỉ chọn 1-2 văn bản để dạy HV đọc hiểu kỹ về thể loại và kiểu văn bản ấy,

không nhất thiết phải dạy tất cả các văn bản. Nên tập trung vào các văn bản đọc chính để HV biết cách đọc hiểu thể loại và kiểu văn bản tiêu biểu. Đối với các văn bản còn lại, GV hướng dẫn HV thực hành đọc hiểu theo thể loại văn bản đã được học, hoặc có thể HV tự đọc ở nhà. Việc SGK cung cấp nhiều nhiều văn bản cùng thể loại và kiểu văn bản nhằm cung cấp ngữ liệu để HV tự đọc và rèn luyện cách đọc, không yêu cầu GV dạy hết các văn bản có trong SGK. Mặt khác, những văn bản có trong SGK nhưng không dạy trên lớp chính là nguồn ngữ liệu dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực đọc của HV sau khi học bài học ấy.

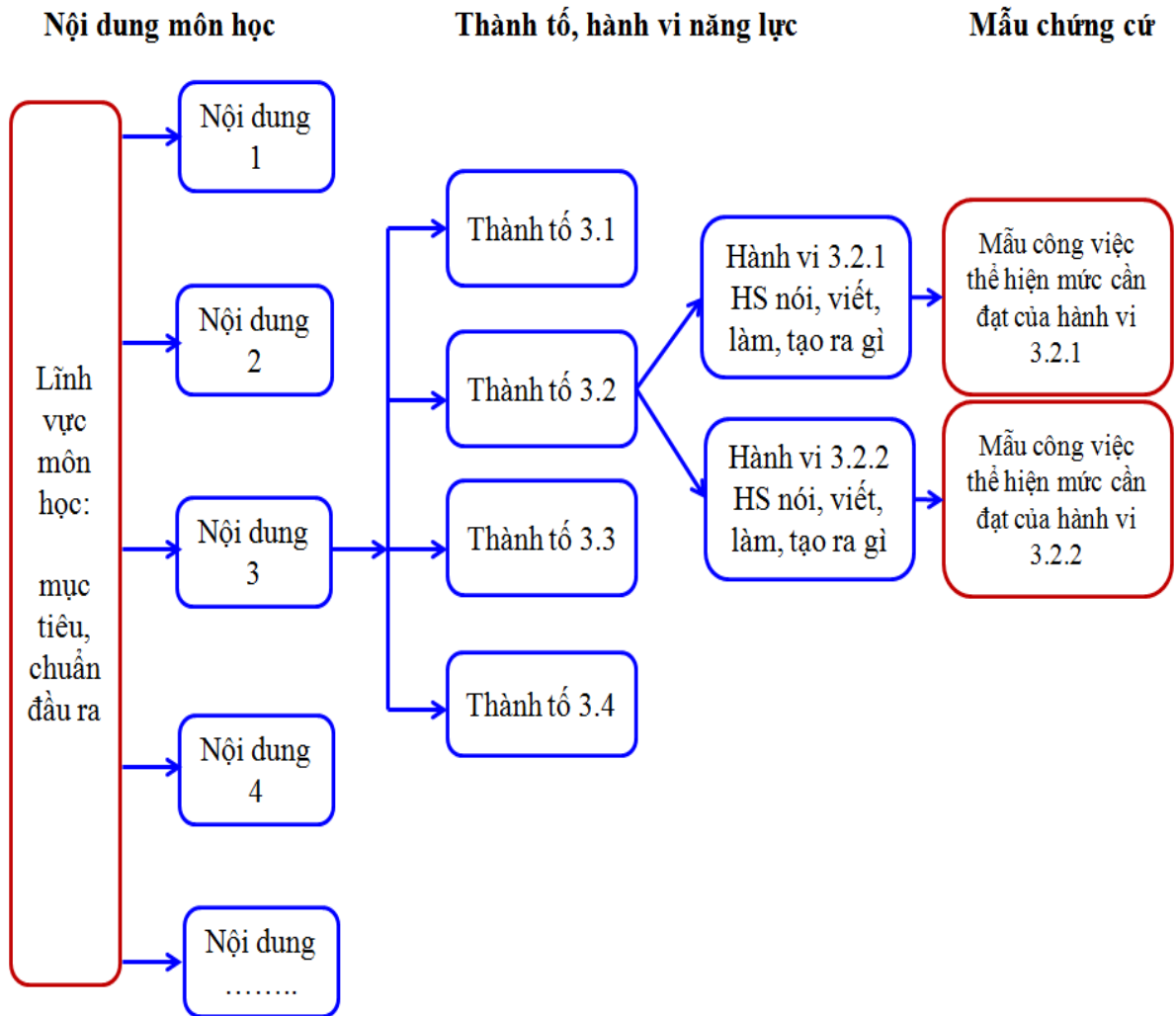
#### **IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN NGỮ VĂN LỚP 10**

##### **1. Kiểm tra, đánh giá giá quá trình theo mục tiêu đánh giá năng lực**

Đánh giá quá trình/đánh giá thường xuyên là một phần của tiến trình dạy học. Khi vận dụng vào thực hành trên lớp, hình thức đánh giá này cung cấp thông tin cần có để điều chỉnh việc dạy và học trong quá trình. Trong trường hợp này, đánh giá quá trình thông báo cho cả GV lẫn HV về mức độ hiểu của HV ở một thời điểm mà sự điều chỉnh thời gian có thể được thực hiện. Những điều chỉnh này giúp đảm bảo HV đạt được các mục tiêu học tập dựa trên chuẩn trong một khoảng thời gian nhất định.

Để tiến hành đánh giá kết quả học tập của HV theo mô hình đánh giá năng lực, có thể sử dụng mô hình sau đối với tất cả các mạch/ chủ đề thuộc chương trình môn Ngữ văn:

- Đầu tiên là các lĩnh vực, mạch nội dung, hoặc chủ đề thuộc môn học.
- Ứng với mỗi mạch nội dung là các kỹ năng thành tố của năng lực, đại diện cho sự phát triển của HV trong mạch nội dung đó.
- Ứng với mỗi thành tố là các chỉ số hành vi để giúp xác định bằng chứng về sự phát triển các thành tố. Nó chỉ ra những gì người học cần đạt, mà chúng phải quan sát, ghi nhận và chứng minh được, thông qua các động từ nói, viết, tạo ra và làm gì.
- Một khi các chỉ số đã được xác định, mỗi hành vi lại đòi hỏi HV phải thực hiện tốt thế nào, vì vậy cần có các mẫu công việc mà HV phải đáp ứng. Mẫu nhiệm vụ được xác định bằng các công cụ đánh giá (câu hỏi, bài tập; phiếu học tập; vấn đáp; bài viết,...).



Hình 2. Tìm kiếm cơ hội phát triển năng lực qua nội dung học tập

Sau đây là ví dụ về đánh giá thường xuyên môn Ngữ văn lớp 10 trong mạch đọc hiểu. Ở mạch đọc hiểu, chương trình môn Ngữ văn sẽ cung cấp cho HV các văn bản đọc được sắp xếp theo các thể loại và kiểu văn bản (các văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin), theo các phương thức biểu đạt khác nhau (các văn bản viết, văn bản nói, văn bản sử dụng kênh chữ và kênh hình, văn bản sử dụng bảng biểu, sơ đồ,...). Qua đó, giúp phát triển khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức về tiếng Việt, về các loại hình văn bản và kĩ năng, phương pháp đọc, khả năng thu thập các thông tin, cảm thụ cái đẹp và các giá trị của tác phẩm văn chương nghệ thuật và các giá trị khác được thể hiện trong văn bản. Theo mô hình đánh giá năng lực, có thể vận dụng vào việc đánh giá thường xuyên năng lực đọc hiểu văn bản truyện lớp 10 trong môn Ngữ văn với các thành tố, hành vi của năng lực đọc hiểu như ở bảng sau, sử dụng công cụ đánh giá là các câu hỏi, bài tập.

Bảng 2. Đánh giá thường xuyên năng lực đọc hiểu qua mạch đọc hiểu truyện và truyện thần thoại

Nội dung học tập	Năng lực được phát triển		Mẫu công cụ/nhiệm vụ minh họa
	Thành tố	Chỉ số hành vi	
- Đọc hiểu VBVH: <i>Truyện và truyện thần thoại</i> – Ngữ văn lớp 10	Đọc hiểu nội dung văn bản	Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm	Đọc truyện “ <b>Chữ người tử tù</b> ” <b><u>Yêu cầu 1:</u></b> - Truyện diễn ra trong bối cảnh nào? - Tình huống truyện là gì? - Mục đích chính của việc miêu tả cuộc trò chuyện giữa viên quản ngục với thầy thơ lại ở phần mở đầu truyện ngắn là gì? - Lời kể nào khái quát được đặc điểm con người và thân phận của viên quản ngục?
		Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	<b><u>Yêu cầu 2 :</u></b> - Nhận xét về ý nghĩa của cảnh cho chữ trong tác phẩm. - Tác giả đã gửi gắm những suy ngẫm gì trong lời Huấn Cao khuyên nhủ quản ngục sau khi cho chữ?
	Đọc hiểu hình thức văn bản	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu	<b><u>Yêu cầu 3:</u></b> - Phân tích sự thể hiện hình tượng nhân vật Huấn cao trong tác phẩm - Sự kiện nào đã tạo nên “bước ngoặt” trong cốt truyện?

Nội dung học tập	Năng lực được phát triển		Mẫu công cụ/nhiệm vụ minh họa
	Thành tố	Chỉ số hành vi	
		chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri) điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là yếu tố cốt lõi làm nên sự kì lạ, hiếm hoi, phi thường của cảnh cho chữ?</li> <li>- Chi tiết miêu tả những nét chữ “vuông vắn, tươi tắn, nó nói lên cái hoài bão tung hoành của một đời con người” thể hiện điều gì?</li> <li>- Ngôi kể có tác dụng gì trong câu chuyện?</li> </ul>
	Liên hệ, so sánh, kết nối	Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.	<p><b><u>Yêu cầu 4:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông điệp bạn nhận được qua tác phẩm là gì? Hãy lí giải nội dung thông điệp đó.</li> <li>- Giới thiệu cùng các bạn trong lớp về một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của <i>Chữ người tử tù</i>.</li> <li>- Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về nhân vật quản ngục.</li> </ul>

Tiêu chí chất lượng được xác định cho từng chỉ số sẽ là căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện mỗi nhiệm vụ học tập mà HV đạt được. Chẳng hạn, với yêu cầu 1, các nhiệm vụ học tập tương ứng với tiêu chí ở mức chất lượng Mức 1; với yêu cầu 2 và 3, các nhiệm vụ học tập nhằm đánh giá HV ở mức Mức 2; với yêu cầu 2 và 3, các nhiệm vụ học tập nhằm đánh giá HV ở mức Mức 3 (đánh giá khả năng tư duy và sáng tạo của HV).

## **2. Đánh giá định kì theo mục tiêu phát triển năng lực**

### **2.1 Đánh giá định kì theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 10**

Đánh giá định kì diễn ra vào giữa và cuối học kì hoặc cuối khóa học nhằm cung cấp thông tin về kết quả học tập của HV so với mục tiêu giáo dục của mỗi giai đoạn. Nó là cơ sở để phân loại, lựa chọn HV, phân phối HV vào các chương trình kiểm tra thích hợp, được lên lớp hay thi lại, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp cho HV và đưa ra những nhận xét tổng hợp về toàn bộ quá trình học tập của HV... Đánh giá định kì góp phần vào việc cải thiện kết quả học tập của HV trong giai đoạn học tập được đánh giá và cung cấp thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến giai đoạn học tập này trong tương lai, cho những lớp HV kế tiếp.

Trong đánh giá định kì, việc sử dụng chuẩn đánh giá là cực kỳ quan trọng. Đây là cách để đảm bảo tính khách quan và công bằng trong đánh giá, tránh những đánh giá chủ quan hoặc thiên vị.

Có thể sử dụng chuẩn đánh giá theo mức độ hoàn thành các mục tiêu giáo dục, theo các tiêu chí như kiến thức, kỹ năng, thái độ, cũng như các chỉ số định lượng. Đảm bảo chuẩn đánh giá được công bố và thông báo cho học sinh trước khi thực hiện, để HV biết được tiêu chí và cách thức đánh giá của mình.

Ngoài ra, cần đảm bảo việc tiếp cận, thu thập thông tin và đánh giá được khách quan và đáng tin cậy. Có thể sử dụng các phương pháp như đánh giá tổng hợp của nhiều giáo viên, bài kiểm tra, đồng thời sử dụng các đánh giá của HV và cha mẹ HV để tăng tính khách quan.

Cuối cùng, đánh giá HV không chỉ là phân loại hay xếp hạng học lực, mà cần quan tâm đến sự tiến bộ và phát triển của HV, từ đó giúp HV nâng cao năng lực và đạt được mục tiêu giáo dục.

### **2.2. Thiết kế bộ đề đánh giá định kì (bài test) dựa trên chuẩn năng lực**

Chuẩn đánh giá năng lực được thực hiện trong các giai đoạn đánh giá (cuối kì, cuối năm, cuối cấp), thường được áp dụng trong đánh giá ở phạm vi nhà trường và đánh giá trên diện rộng.

Theo chuẩn đánh giá năng lực môn Ngữ văn, ĐGĐK cần bao quát đầy đủ 4 mạch nội dung là đọc, viết, nói và nghe. Công cụ ĐGĐK có thể là đề kiểm tra, bài nghiên cứu, bài tập dự án,... Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế hiện nay, nội dung ĐGĐK thường tập trung vào hai mạch đọc và viết (mạch nói và nghe được tăng cường trong đánh giá quá trình), công cụ đánh giá được sử dụng phổ biến là đề kiểm tra.

Sau đây là định hướng về thiết kế đề kiểm tra trong đánh giá tổng kết, bao gồm: thiết kế bản đặc tả/ma trận tổng thể; xây dựng đề kiểm tra; thu thập và xử lý thông tin.

*a) Bản đặc tả nội dung khái quát về đánh giá định kì*

Ma trận các bài test được xây dựng cần bao quát được các mạch nội dung của chương trình môn học theo từng lớp. Ma trận gồm hai chiều: chiều dọc là các năng lực và thành tố của năng lực đọc và viết; chiều ngang là các mức độ phát triển dự kiến (nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao). Trong các ô của ma trận sẽ đặc tả các tiêu chí và các chỉ số hành vi tương ứng với dòng và cột của ma trận. Sau đây là bảng tổng hợp đặc tả nội dung đánh giá định kì môn Ngữ văn lớp 10 (bảng khái quát).



TT	KN	Nội dung					Tổng
			Nhận biết (1)	Thông hiểu (2)	Vận dụng (3)	Vận dụng cao (4)	
1	Đọc	Thần thoại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện nội dung khái quát của văn bản theo kiểu loại</li> <li>- Xác định một số yếu tố về hình thức và nội dung liên quan đến đặc điểm của loại, thể loại văn bản</li> <li>- Nhận diện một số biện pháp tu từ trong văn bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, lí giải các chi tiết, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, các yếu tố nghệ thuật,... phù hợp với thể loại</li> <li>- Phân tích, lí giải cách trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; cách trình bày thông tin, kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ</li> <li>- Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được chủ đề, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, tác động của văn bản đối với cuộc sống; ý nghĩa, tác động của văn bản đối với cá nhân</li> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá các giá trị của văn bản theo tiếp cận cá nhân</li> <li>- Liên hệ, kết nối các yếu tố liên văn bản, vận dụng vào giải quyết tình huống thực tiễn</li> </ul>	
		Sử thi					
		Thơ trung đại,					
		Sân khấu dân gian (chèo/tuồng)					
		Văn bản thông tin					
		Văn bản nghị luận (xã hội)					
		Văn bản nghị luận (văn học)					
		Thơ hiện đại					
		Truyện ngắn					
		Tác gia Nguyễn Trãi					
Thực hành tiếng Việt							
2	Viết	Viết văn bản NL về một vấn đề xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện đối tượng, vấn đề</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc hình thức bài viết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích các yếu tố, chi tiết liên quan đến đối tượng, vấn đề</li> <li>- Lí giải các khía cạnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát các phương diện của vấn đề</li> <li>- Đánh giá ý nghĩa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ</li> <li>- Có cách diễn đạt, trình bày độc đáo</li> </ul>	
		Viết văn bản NL phân tích, đánh giá một tác					

	phẩm văn học (thơ)	- Chính tả, chữ viết	của đối tượng, vấn đề	của vấn đề				
	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (truyện)						- Dùng từ, đặt câu đúng	- Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp
	Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng							
	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm							
	Viết bài luận về bản thân							

b) *Thiết kế ma trận đề kiểm tra dựa trên chuẩn đánh giá*

Dựa trên bảng tổng hợp trên sẽ tiến hành xây dựng các đề kiểm tra.

Ví dụ về 01 ma trận đề kiểm tra định kì môn Ngữ văn lớp 10 (Thời gian: 90 phút)

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng
			<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Vận dụng cao</i>	
1	Độc hiểu	<i>Văn bản nghị luận</i>	Mức 1: Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố nội dung của các luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.	Mức 2: Xác định được ý nghĩa của văn bản; phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản. - Mức 2: Nhận ra và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. -Mức 2: Nhận ra và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong	Mức 3: Nhận ra và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội; đưa ra được nhận xét cá nhân trong khi phân tích. - Mức 3: Nhận ra được mục đích, quan điểm của người viết dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản. - Mức 3: Đạt được Mức 2 và đưa ra được các dẫn chứng khi	Mức 3: Làm rõ được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân; đưa ra minh họa cụ thể gắn với thực tiễn.	

				văn bản nghị luận; đưa ra được nhận xét cá nhân trong khi phân tích.	chỉ ra mục đích, quan điểm của người viết.		
		<b>Số câu</b>	<b>3TN</b>	<b>3TN</b>	<b>1TL</b>	<b>1TL</b>	<b>8</b>
		<b>Số điểm</b>	<b>1.5</b>	<b>1.5</b>	<b>1.0</b>	<b>1.0</b>	<b>5 đ</b>
		<b>Tỷ lệ</b>	<b>15%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>10%</b>	<b>50%</b>
<b>2</b>	<b>Viết</b>	Văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	- Xác định được kiểu bài; nhận diện đối tượng, vấn đề cần nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc hình thức bài viết - Chính tả, chữ viết đúng, sáng rõ.	- Phân tích các yếu tố, chi tiết liên quan đến vấn đề - Lí giải các khía cạnh của vấn đề. - Dùng từ, đặt câu đúng.	- Khái quát các thông tin - Đánh giá ý nghĩa của vấn đề - Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp	- Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ - Có cách diễn đạt, trình bày độc đáo	
		<b>Số câu</b>				<b>1</b>	<b>1</b>
		<b>Số điểm</b>	1,0 đ	2,0 đ	1,0 đ	1,0 đ	<b>50%</b>
		<b>Tỷ lệ</b>	10%	20%	10%	10%	
		<b>Tổng tỷ lệ</b>	<b>25%</b>	<b>35%</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>	
		<b>Tỷ lệ chung</b>	<b>60</b>		<b>40</b>		<b>100%</b>

c) *Thiết kế đề kiểm tra (90 phút)*

**Phần I. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN (5.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:**

**Lời tự thú của một tây ba lô**

*Rosie Nguyễn*

*Một lần tôi được mời tham dự một hội thảo về du lịch. Hội thảo được tổ chức bởi các em học sinh, sinh viên, hướng về những người trẻ muốn trải nghiệm. Điều làm tôi thấy thích ở hội thảo này là lời giới thiệu: “Không phải chỉ xách ba lô lên và đi thì mới được xem là du lịch. Bạn có thể chỉ loanh quanh trong thành phố mình sống và vẫn học được những bài học vô cùng quý giá về*

cuộc sống. Điều quan trọng nhất vẫn là bạn có một trái tim muốn học hỏi, một con mắt tinh tường để nhìn thấy cái đẹp, cái quý giá ở những điều tưởng chừng như bình thường nhất”. Đây là điều mà tôi luôn nghĩ.

Bởi vì cái gì cũng vậy, nếu cứ đâm đầu lao theo thì sẽ có tác dụng tiêu cực hơn là tích cực.

Trào lưu đi du lịch bụi trong giới trẻ dạo gần đây nổi lên mạnh mẽ và dường như vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Tôi thấy những người trẻ quanh mình hướng lòng về những con đường, đầu đầu trông chờ những chuyến đi xa, khát khao lấp đầy cuộc sống của mình bằng những trải nghiệm lộng lẫy.

Không thể phủ định những tác dụng tích cực của đam mê xê dịch. Nó giúp ta học hỏi, giúp tầm nhìn của ta rộng mở, giúp ta yêu đời và yêu người hơn. Nhưng có một thực tế mà ít người trẻ để tâm là: Không phải ai đi rồi cũng có tầm nhìn rộng mở, không phải ai đi nhiều cũng tốt, cũng hay.

Từ ngày rời nơi nhà cỏ [...] phiêu lưu khắp nơi, tôi đã may mắn gặp gỡ, giao lưu với rất nhiều anh em, bạn bè trong giới đi du lịch bụi vừa giỏi giang vừa tốt bụng. Bên cạnh đó, phải thú thật rằng tôi cũng chứng kiến không ít điều tiêu cực trong cộng đồng du lịch bụi. Lúc thì là những cái tôi quá cao nên khi mâu thuẫn dẫn đến cách hành xử không đẹp, khi thì thấy có người chỉ lo đi phượt mà không quan tâm đến điều gì khác, hoặc là những bạn còn trẻ nhưng đã đi được rất nhiều nơi và quá tự hào về chuyện đi, nên vô tình trở thành tự kiêu tự mãn.

[...] Trong lời đề tặng độc giả cho quyển sách đầu tay, tôi có viết rằng: Du lịch bụi là một cách tự học. Ý chính xác của tôi là: Đó chỉ là một cách, chứ không phải là cách duy nhất hay cách hoàn hảo nhất để học hỏi. Đi là một cách học rất hay, là tia lửa thổi lên ngọn lửa học hỏi trong tim mình. Nhưng đi thôi không là chưa đủ. Nếu chỉ đi mà không đọc sách, không học hỏi từ người xung quanh, không tích cực bổ sung kiến thức, thì dù có xách ba lô lên và đi nhiều bao nhiêu chăng nữa, rồi ta cũng không phát triển được hết những tiềm năng của mình.

Nhắc tới xách ba lô lên và đi là lại nghĩ tới Huyền Chip. Người thích cứ ủng hộ, người ghét cứ chỉ trích. Nhưng ít ai biết rằng Huyền là một người đọc rất nhiều. Kệ sách Goodreads của em ấy có tới hơn sáu trăm quyển. Điều đáng nói là hầu hết trong những quyển sách ấy là những cuốn sách phi hư cấu rất nặng đô về lịch sử chính trị, về phát triển con người, về sáng tạo, quản lý và đủ thứ khác trên đời. Một người thông minh, đi nhiều và đọc nhiều. Bản thân tôi không nghi ngờ rằng Huyền sẽ đi rất xa trên con đường của em ấy sau này.

[...] Đi chỉ nên là phương tiện chứ không phải là mục đích. Ta phải vừa đi vừa học, học ở sách vở, học ở con người. Rồi một lúc nào đó, quay lại chia sẻ những gì mình học được, đem lại giá trị, đóng góp và cống hiến cho đời. Nếu không làm gì có ích, mãi mãi ta sẽ thấy đời mình lạc lối vô nghĩa.

Tôi nói như thế không có nghĩa là tôi sẽ không đi nữa. Tôi sẽ vẫn đi, vẫn sẵn sàng lao mình vào một cuộc phiêu lưu bất cứ khi nào có thể. Vì thế giới tươi đẹp và rộng lớn vô cùng. Còn bao nhiêu điều kì diệu trên đời mà tôi chưa được chứng kiến. Còn bao nhiêu cảnh đẹp khắp năm châu mà tôi chưa ghé qua. Thác Angel thiên đường ở Nam Mỹ, đường mòn Appalachian Bắc Mỹ, đỉnh Kilimanjari châu Phi, hay cung đường leo núi tuyết vùi Tour du Mont Blanc ở châu Âu.

Nhưng tôi sẽ không đi để trốn tránh thực tại, không đi để tìm kiếm lối thoát, không trông chờ những giờ phút trên đường làm biến mất những vấn đề của bản thân mình, không mong đợi những chuyến đi sẽ giải tỏa những bế tắc trong công việc, trong cuộc sống của mình.

Vì tôi nhận ra rằng, những lúc lang thang ở những ngôi làng xa lạ cũng cần thiết như lúc tôi nằm trên chiếc thảm quen thuộc, ôm ấp quyển sách yêu thích về bản ngã, luân hồi và vũ trụ. Rằng ánh mặt trời chiếu trên ban công mỗi sáng ở nhà cũng có khả năng đem cho tôi niềm hạnh phúc tương tự như khi nhìn ngắm hoàng hôn trên những ngôi chùa cổ ở những khu đền thờ lớn nhất thế giới. Rằng nếu tôi chỉ đi mà không viết, không chia sẻ, không đóng góp cho cuộc sống, thì tôi cũng sẽ không bao giờ cảm thấy mãn nguyện thì về bản thân mình.

Vậy nên, bạn trẻ thân mến, nếu bạn chưa đi và khao khát những chuyến đi thì hãy ra đi bằng mọi cách. Làm thêm để dành tiền, đi nhờ xe, ngủ nhờ nhà... Nhưng hãy vừa đi vừa đọc, vừa đi vừa quan sát, lắng nghe, thay đổi. Hãy trau dồi, hoàn thiện chính mình từng ngày từng giờ một. Hãy nhìn ngắm cuộc sống, cảm nhận những niềm hạnh phúc nhỏ bé quanh bạn, hãy yêu đời và yêu người, dù cho bạn có đang trên đường hay không.

(Rosie Nguyễn, Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu,

Nhã Nam, 2018)

**Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6), mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm.**

**Câu 1. Văn bản trên được viết theo với mục đích nào?**

- A. Kể chuyện về việc tác giả thường đi du lịch bụi.
- B. Thuyết minh về lợi ích và hạn chế của việc đi du lịch bụi.
- C. Bày tỏ tình cảm, cảm xúc với việc đi du lịch bụi.

D. Chia sẻ quan điểm về việc đi du lịch bụi.

**Câu 2. Tác giả viết bài chủ yếu với tư cách nào?**

A. Người trải nghiệm nhiều việc đi du lịch bụi.

B. Người chứng kiến nhiều bạn bè, người thân đi du lịch bụi.

C. Người nghe nhiều, đọc nhiều về việc đi du lịch bụi

D. Người phản đối việc du lịch bụi.

**Câu 3. Tác giả đối thoại với quan niệm khá phổ biến nào về du lịch bụi?**

A. Đi du lịch bụi không an toàn như đi du lịch theo tour.

B. Đi du lịch bụi dễ gặp nhiều điều, nhiều người tiêu cực.

C. Cứ “xách ba lô lên và đi” là sẽ mở rộng tầm hiểu biết.

D. Cứ “xách ba lô lên và đi” sẽ dễ khiến “cái tôi” của bạn to dần.

**Câu 4. Theo tác giả, đâu không phải là lợi ích của việc trở thành một nhà lữ hành?**

A. Gặp gỡ, giao lưu với nhiều người.

B. Có cơ hội học hỏi, mở rộng tầm nhìn.

C. Có môi trường để rèn luyện bản thân.

D. Có kinh nghiệm để làm tốt công việc của mình.

**Câu 5. Đâu không phải là hiện tượng tiêu cực trong cộng đồng du lịch bụi mà tác giả chứng kiến?**

A. Một số cái tôi quá cao, hành xử không đẹp khi có mâu thuẫn.

B. Một số người tỏ vẻ coi thường những người ít tham gia phiêu lưu.

C. Chỉ lo đi phượt mà không quan tâm đến điều gì khác.

D. Nhiều bạn trẻ quá tự hào, tự kiêu về việc mình đi được nhiều.

**Câu 6. Đoạn văn nói về nhân vật Huyền Chip – một bạn trẻ nổi tiếng đi nhiều, đọc nhiều nhằm mục đích gì?**

A. Nêu luận đề của bài viết.

B. Đưa ra một luận điểm của tác giả.

C. Đưa ra một lý lẽ để thuyết phục người đọc.

D. Nêu một dẫn chứng để chứng minh luận điểm.

**Câu 7. Đọc xong văn bản trên, bạn nhận được thông điệp gì? Hãy viết lại thông điệp đó. (1.0 điểm)**

**Câu 8. Bạn tán đồng hay muốn phản biện/tranh luận với quan niệm của tác giả về việc đi du lịch bụi? Hãy chia sẻ quan điểm của bạn trong khoảng 4-5 câu văn. (1.0 điểm)**

**Phần II. VIẾT (5.0 điểm)**

Bàn về thành công và hạnh phúc trong cuộc đời, luôn có rất nhiều ý kiến khác nhau. Có một quan niệm rằng:

“Đi đường nào rồi cũng có thể thành công, chọn lối nào rồi cũng có khả năng đạt hạnh phúc, vì hạnh phúc và thành công không tùy thuộc vào con đường chúng ta đi, mà vào tâm trạng tự tại của chúng ta, cũng như vào những giá trị mà chúng ta gieo ngay trên những nẻo đường đã đi qua”

(Phan Văn Trường, *Một đời như kẻ tìm đường*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2020)

**Bạn có suy nghĩ như thế nào trước quan niệm trên? Hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của bạn về thành công, hạnh phúc đích thực trong cuộc đời. (bài viết khoảng 1,5 -2 trang giấy thi).**

*d) Xây dựng đáp án và biểu điểm*

**Phần I: (3.0 điểm) Trắc nghiệm**

Câu hỏi	Đáp án	Điểm
1	D	0.5
2	A	0.5
3	C	0.5
4	D	0.5
5	B	0.5
6	D	0.5

**Câu 7 (1.0 điểm)**

**Hình thức: 0.25 điểm**

- Diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi chính tả.

**Nội dung: 0.75 điểm**

HV có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau, nêu (những) thông điệp mà bạn nhận được. Nên gắn gũi với những thông điệp sau:

+ Đi du lịch bụi mở ra những cơ hội quý giá cho sự phát triển con người nhưng cần đi với tâm thế học hỏi, bỏ lại cái tôi và những quan niệm sai lầm khác khi đi.

+ Nên trân trọng cả những lúc “ngồi yên”, học ở ngay quanh bạn những điều nhỏ bé và thân thuộc – và đó cũng là một cách “đi” để trưởng thành.

**Câu 8 (1.0 điểm)**

**Hình thức: 0.25 điểm**



- Đảm bảo đủ số câu, không mắc lỗi chính tả.

**Nội dung: 0.75 điểm**

HV có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau, tán đồng hoặc phản biện/ tranh luận nhưng cần đưa ra được quan điểm của bạn một cách sáng rõ, có lập luận phù hợp, có lý lẽ, dẫn chứng (nếu có) thuyết phục với tinh thần tích cực, giàu tính nhân văn.

**Phần II: Tự luận (5.0 điểm)**

	<b>Nội dung cần đạt</b>	<b>Điểm</b>
<b>Hình thức</b>	- Trình bày đúng hình thức bài văn nghị luận, bố cục 3 phần (Mở bài, Thân bài, Kết bài); biết tách đoạn 3 phần rõ ràng, các câu văn, đoạn văn có liên kết.	<b>0.5</b>
	- Chữ viết rõ nét, đúng chính tả, câu văn đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc...	<b>0.5</b>
<b>Nội dung</b>	<b>* Mở bài:</b> - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận - Nêu rõ quan điểm cá nhân về vấn đề hạnh phúc và thành công đích thực.	<b>0.5</b>
	<b>* Thân bài:</b> - Đưa ra một số cách hiểu về hạnh phúc và thành công phổ biến trong xã hội.	<b>0.5</b>
	- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lý. Sử dụng các lý lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng, đầy đủ.	<b>2.0</b>
	- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản	<b>0.5</b>
	<b>* Kết bài:</b> Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.	<b>0.5</b>

## **V. MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA**

### **1. Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống:**

#### **BÀI 2. VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA**

**Thời gian thực hiện: 8 tiết**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Năng lực**

– Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.

– Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

– Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

– Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

– Biết giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân).

#### **2. Phẩm chất**

– Có tình yêu thơ ca, yêu cái đẹp

– Có ý thức tự giác trong các hoạt động của lớp học

– Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác.

### **A. ĐỌC**

#### **Bài 1. Đọc hiểu văn bản**

#### **CHÙM THƠ HAI-CU NHẬT BẢN**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Năng lực**

- Nhận diện được hình thức thơ hai-cu.

- Nhận diện và phân tích được các giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ hai-cu: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.

- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo thể hiện qua các văn bản.

- Nhận biết được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi những rung động thẩm mỹ, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ hai-cư.

**2. Phẩm chất:** Có tình yêu đối với thơ ca.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Ngữ văn 10 kết nối tri thức với cuộc sống.

- Phiếu học tập.

- Bút màu, giấy A4, A0.

- Máy chiếu.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a) Mục tiêu:** HV biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HV đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ HV tìm những câu ca dao, bài thơ ngắn đã học

+ Trình chiếu một số bức tranh thủy mặc.

+ HV nhận xét về sức gợi của những bài thơ và bức tranh

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HV thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Trong thơ, một trong những yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp của thơ ca là sự hàm súc, đa nghĩa và giàu sức gợi của hình ảnh và ngôn ngữ thơ.

– Thơ hai-cư của Nhật Bản là một hình thức thơ ca cô đọng bậc nhất thế giới nhưng lại có sức sống, sức hấp dẫn lâu bền, thường được ví như tranh thủy mặc của TQ.

### 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 2.1. Hướng dẫn học viên tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

**a) Mục tiêu:**

– Nhận biết về đặc điểm của thể thơ hai-cư

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV chia HV thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: <b>Nhóm 1:</b> Dựa vào phần giới thiệu, hãy nêu những đặc điểm nổi bật của thơ hai-cư? <b>Nhóm 2:</b> Nêu tóm tắt về các nhà thơ hai-cư tiêu biểu</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân và nhóm</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p><b>1. Tìm hiểu chung về thơ hai-cư</b> <b>1.1. Thơ hai-cư</b> – Hình thức cô đọng nhất của thơ ca thế giới – Thường biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng. – Bài thơ được cấu tứ quanh một phát hiện mang tính chất “bùng nổ” về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người; thơ thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải.</p> <p><b>1.2. Một số tác giả tiêu biểu</b> – Mát-chư-ô Ba-sô (Matsuo Basho, 1644 – 1694) là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai-cư, đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản. – Chi-ô (1703 – 1775) là người đánh dấu sự hiện diện của các tác giả nữ trong truyền thống thơ hai-cư. Trước bà, thơ hai-cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích. – Cô-ba-y-a-si Ít-sa (Kobayashi Issa, 1763 – 1828) là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ hai-cư do chính ông sáng tác.</p>

## 2.2. Tìm hiểu văn bản

a) **Mục tiêu:** HV cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật các bài thơ hai-cư tiêu biểu

### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>GV chia HV thành 6 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>– <b>Nhóm 1, 2:</b> Tìm hiểu Bài 1: Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô với các yếu tố thời gian và không gian. Khoảnh khắc được thể hiện trong bài thơ của Ba-sô có thể khơi gợi những cảm xúc gì ở người đọc?</p> <p>– <b>Nhóm 3, 4:</b> Tìm hiểu Bài 2: Bài thơ của Chi-ô được triển khai xoay quanh phát hiện nào? Theo bạn, vì sao phát hiện này lại dẫn dắt nhân vật trữ tình sang “xin nước nhà bên”? Từ bài thơ của Chi-ô, hãy bình luận về ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên mà bài thơ gợi ra.</p> <p>– <b>Nhóm 5, 6:</b> Tìm hiểu Bài 3: Từ những đặc điểm thường được liên hệ khi hình dung về “con ốc” và “núi Phu-gi”, hãy nhận xét về tương quan giữa</p>	<p><b>2. Đọc hiểu văn bản</b></p> <p><b>2.1. Bài 1 (Ba-sô)</b></p> <p><i>Trên cành khô</i> <i>cánh quạ đậu</i> <i>chiều thu</i></p> <p>– Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô là con quạ. Bài thơ thu tóm một khoảng lặng của thế giới: một cánh quạ lặng lẽ trên một cành cây trụi lá trong khi chiều thu dần dần buông. Chỉ bằng vài ba nét chấm phá, bài thơ gợi ra một khung cảnh đơn sơ, tĩnh lặng, mọi thứ như đang trầm lắng lại.</p> <p>– Ba-sô không diễn giải gì, dường như ông còn không áp đặt lên cảnh vật cảm xúc hay suy nghĩ của ông: ông chỉ làm hiện lên sự tương phản giữa “thân hình đen muội nhỏ bé của con quạ” với “bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm” (H.G. Henderson, <i>Hài cú nhập môn</i>).</p> <p>– Trạng thái của con quạ cũng là trạng thái tự tại, không đuổi bắt cái gì cả, không vọng động bởi bất cứ cái gì bên ngoài. Bằng sự im lặng ấy, con quạ như đang chiêm ngắm sự u huyền (<i>yugen</i>) của vũ trụ.</p> <p>– Bài thơ hai-cư của Ba-sô gợi sự tỉnh thức về ý nghĩa của những khoảng lặng trong đời sống. Những khoảng lặng là cần thiết để ta nhận ra chiều sâu, sự bí ẩn của thế giới ta đang sống.</p>

<p>hai hình ảnh này. Bạn cảm nhận như thế nào về hành trình “chậm rì” của con ốc trong bài thơ của Ít-sa?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động nhóm Hoàn thành nhiệm vụ trên Phiếu học tập</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p><b>2.2. Bài 2 (Chi-ô)</b> <i>Ôi hoa triêu nhan</i> <i>Dây gàu vương hoa bên giếng</i> <i>đành xin nước nhà bên.</i></p> <p>– Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Chi-ô (Chiyo) là dây hoa triêu nhan vương vào sợi dây gàu. Nếu hoa triêu nhan trong tư duy thẩm mỹ của người Nhật Bản là biểu tượng cho cái đẹp của thiên nhiên, ban sơ, thuần khiết, mong manh thì sợi dây gàu lại chỉ là một sự vật đời thường, xù xì, thô ráp, vốn chỉ mang chức năng thực dụng: (để người ta) múc nước.</p> <p>– Nhưng trong khoảnh khắc của buổi ban mai, con người nhận ra hoa với sợi dây gàu quấn quýt với nhau trong tương quan bạn bè. Sự quấn quýt này khiến dây gàu trở thành điểm tựa cho hoa và sự góp mặt của hoa đã làm mờ đi sự xù xì, thô ráp của sợi dây. Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới không chia cắt với nhau như cách chúng ta vẫn hằng nghĩ.</p> <p>– Con người khi phát hiện tương quan đẹp đẽ đó giữa các sự vật thì cũng có cách ứng xử rất nhân văn: để hoa tiếp tục vương vít bên sợi dây gàu, mình sang xin nước nhà bên. Đó cũng là cách để người với người kết nối, làm bạn với nhau. Bài thơ gợi ra một cách ứng xử đầy nâng niu, trân trọng đối với tạo vật trong đời sống.</p> <p><b>2.3. Bài 3 (Ít-sa)</b> <i>Chậm rì, chậm rì</i> <i>kìa con ốc nhỏ</i> <i>trèo núi Phu-gi (Fuji).</i></p> <p>– Bài thơ của Ít-sa (Issa) xoay quanh hình</p>
---	---

	<p>tượng của một con ốc nhỏ bé. Có thể nhìn thấy nhiều sự tương phản trong bài thơ rất đối đơn sơ này: con ốc thì nhỏ, ngọn núi thì lớn; con ốc thì chậm rì, hành trình nó theo đuôi thì dài; con ốc thì chỉ là một sinh vật nhỏ bé, bình thường, ngọn núi lại là một biểu tượng kì vĩ.</p> <p>– Nhưng cái chậm rì của con ốc trong bài thơ của Ít-sa chính là sự phản ánh cảm thức thanh thoát (<i>karumi</i>): con ốc ung dung, tự tại trong hành trình của mình. Hành trình nó theo đuôi có thể không đạt đến được nhưng bản thân việc theo đuôi hành trình ấy làm nó có sự tự do trong tinh thần. Cái tự do tinh thần ấy cũng là thứ quý giá nhất mà đời người cần phải hướng tới.</p>
--	--

### 3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HV viết đoạn văn trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ hai-cư.

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ luyện tập</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân:</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trình bày kết quả GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p><b>3. Viết đoạn văn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Ghi lại những ấn tượng, cảm xúc của mình về một bài thơ hai-cư cụ thể hoặc về thể thơ hai-cư nói chung.</li> <li>– Cảm nhận được vì sao hình thức thơ tối giản này lại có sức hấp dẫn lớn.</li> <li>– Thích thú với những hình thức cô đọng, dồn nén, nhiều sức gợi của thơ ca.</li> </ul>

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	
---	--

## Bài 2. Đọc hiểu văn bản

### MÙA XUÂN CHÍN – Hàn Mặc Tử

Thời gian thực hiện: 2 tiết

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan  
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng  
Sột soạt gió trêu tà áo biếc  
Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.  
Bao cô thôn nữ hát trên đồi  
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,  
Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi.*

*Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi  
Hồn hển như lời của nước mây  
Thăm thĩ (1) với ai ngồi dưới trúc,  
Nghe ra ý vị và thơ ngây.*

*Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín  
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng  
- Chị ấy, năm nay còn gánh thóc  
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang?  
(Hàn Mặc Tử, Thơ,*

Sở Văn hoá và Thông tin Nghĩa Bình, 1988, tr. 78)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Năng lực

– Nhận diện và phân tích được giá trị thẩm mỹ của yếu tố nghệ thuật ngôn từ trong thơ bao gồm: nhịp điệu, nhạc điệu, các cách kết hợp từ ngữ độc đáo.

– Hình thành được khái niệm về thơ hiện đại trong sự phân biệt với thơ ca cổ điển đã giới thiệu trước đó.

– Biết liên hệ, so sánh các tác phẩm văn học thuộc các truyền thống, các thời kì văn hoá khác nhau.

**2. Phẩm chất:** Hình thành được khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con người.



## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập
- Bút màu, giấy A4, A0
- Máy chiếu

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** HV biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HV đi vào tìm hiểu bài mới.

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

##### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + Đọc những câu thơ về mùa xuân
- + Nhận xét về những câu thơ viết về mùa xuân

##### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HV thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

– *Các bài thơ về mùa xuân đã thể hiện vẻ đẹp của mùa xuân và những rung động tinh tế của nhà thơ.*

– *Với Mùa xuân chín, chúng ta sẽ hiểu thêm về đặc trưng tổ chức ngôn từ của thơ.*

### 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**2.1. Hướng dẫn học viên tìm hiểu chung về tác giả Hàn Mặc Tử và phong trào thơ Mới**

#### a) Mục tiêu:

- Hiểu về cuộc đời và những sáng tác tiêu biểu của Hàn Mặc Tử
- Hiểu một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của thơ Mới.

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV chia HV thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:	<b>1. Hàn Mặc tử và phong trào thơ Mới</b> <b>1.1. Hàn Mặc Tử</b> – Hàn Mặc Tử (1912 – 1940) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở

<p><b>Nhóm 1:</b> Tìm hiểu về tác giả Hàn Mặc Tử</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Tìm hiểu về phong trào thơ Mới.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân:</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>huyện Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Năm 18 tuổi, ông theo gia đình vào sống tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hàn Mặc Tử qua đời trong lúc trị bệnh phong tại nhà thương Quy Hoà.</p> <p>– Hàn Mặc Tử sáng tác với nhiều bút danh như Lê Thanh, Phong Trần, Minh Duệ Thi,... Ông là một đại diện độc đáo của phong trào Thơ mới, là nhân vật trụ cột của Trường thơ Loạn Bình Định – <b>một nhóm</b> thi sĩ cùng chia sẻ nhiều quan điểm thẩm mỹ táo bạo, bao gồm Chế Lan Viên, Quách Tấn, Yến Lan, Bích Khê, Hoàng Diệp,...</p> <p>– Thơ Hàn Mặc Tử bộc lộ một thế giới nội tâm mãnh liệt với những cung bậc cảm xúc được đẩy đến tột cùng. Ngôn ngữ thơ của ông giàu cảm giác mạnh với nhiều hình ảnh độc đáo, thể hiện trí tưởng tượng phóng khoáng, thậm chí dị kì.</p> <p>– Một số tập thơ tiêu biểu của Hàn Mặc Tử: Gái quê (1936), Thơ Hàn Mặc Tử (1942), Chơi giữa mùa trăng (thơ không vần, 1944),...</p> <p><b>1.2. Về phong trào thơ Mới:</b></p> <p>– Về mặt nội dung, Thơ mới bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo.</p> <p>– Về mặt hình thức, Thơ mới là sự đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại Việt Nam. Bài thơ được tổ chức theo</p>
---	--

	dòng chảy tự nhiên của cảm xúc thay vì theo mô hình luật thơ đã định sẵn từ trước. Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn. Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới.
--	---

## 2.2. Hướng dẫn HV đọc hiểu văn bản

a) **Mục tiêu:** HV cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ *Mùa xuân chín*

### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV chia HV thành 8 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Nhóm 1, 2:</b> Tìm hiểu về nhan đề <i>Mùa xuân chín</i>; trạng thái “chín” của mùa xuân được thể hiện như thế nào trong bài thơ.</li> <li>– <b>Nhóm 3, 4:</b> Cảm nhận về hình ảnh thiên nhiên và con người thể hiện ở trong bài thơ</li> <li>– <b>Nhóm 5, 6:</b> Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ.</li> <li>– <b>Nhóm 7, 8:</b> Cảm nhận về nhân vật trữ tình trong bài thơ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động nhóm Hoàn thành nhiệm vụ trên Phiếu</p>	<p><b>2. Đọc hiểu văn bản</b></p> <p><b>2.1. Nhan đề “Mùa xuân chín” và những cảm nhận về sắc thái “chín” của mùa xuân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhan đề <i>Mùa xuân chín</i> được cấu tạo bởi từ “mùa xuân” (danh từ) và “chín” (động từ trạng thái). Từ “chín” ở đây làm ta liên tưởng đến trạng thái lí tưởng của mọi sự vật, hiện tượng trong khung cảnh mùa xuân: sắc xuân rực rỡ, sức xuân dồi dào, con người và cảnh vật đều tràn đầy sức sống, đều giao hoà mãnh liệt với nhau. Mặt khác, nó cũng có thể gợi ra suy nghĩ: trạng thái lí tưởng này không phải là vĩnh cửu, khi mọi sự vật đạt đến độ đẹp nhất cũng có nghĩa là nó giáp ranh với sự phôi pha, phai nhạt.</li> </ul> <p>Trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ được cụ thể hoá bằng hàng loạt từ ngữ chỉ màu sắc, chỉ trạng thái vận động của các</p>

<p>học tập</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>HV trả lời câu hỏi.</p> <p>GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>sự vật, hiện tượng rất giàu tính hình tượng và đậm cảm giác, rất khác so với bảng màu trung tính và cách tạo hình thiên về xu hướng tĩnh tại hoá, vĩnh cửu hoá trong thơ trung đại. đằm.</p> <p><b>2.2. Hình ảnh thiên nhiên và con người trong bức tranh mùa xuân</b></p> <p>Màu sắc trong bức tranh mùa xuân ở đây luôn được sắc thái hoá một cách rất cụ thể: “nắng ửng”, “lấm tấm vàng”, “áo biếc”; các trạng thái vận động bên ngoài và bên trong thế giới tinh thần của con người cũng được khắc hoạ sống động thông qua các động từ: “vắt vẻo”, “hồn hển”, “thăm thĩ”,... Tất cả gọi lên không khí mùa xuân rạo rức, say</p> <p><b>2.3. Cách sử dụng ngôn ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ</b></p> <p>Hình ảnh, nhịp và vần tương ứng với sự vận động trong mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, vừa hoà mình vào thiên nhiên, nâng niu, trân trọng vẻ đẹp bình dị mà tràn đầy sức sống của tạo vật, của con người, lại vừa có những khoảnh khắc tách khỏi đối tượng quan sát của mình để ưu tư, trắc ẩn. Giọng điệu của bài thơ, vì thế, khi tha thiết, say sưa, nhưng cũng có khi lắng lại, trầm lại, vừa điềm tĩnh, vừa trắc ẩn.</p> <p><b>2.4. Nhân vật trữ tình trong bài thơ</b></p> <p>Nhân vật trữ tình của bài thơ không chỉ là người nhạy cảm với sự sống, giao cảm với cuộc đời mà còn là một chủ thể biết suy tư, biết lo âu. Ngay khi mọi thứ đang ở độ viên mãn, lí tưởng như vậy, nhân vật trữ tình chợt gợn lên nỗi u hoài về một viễn cảnh phai tàn</p>
--	--

	<p>của đời sống sau khi đạt đến trạng thái “chín”. Ngay khi đang lắng nghe tiếng hát thanh xuân của những cô thôn nữ, nhân vật trữ tình đã chợt nhớ đến người chị họ nhàn, làm lụi, hàng năm nào cũng đã từng có một thời con gái tu trẻ. Cảm nhận được cái phù du, thoáng chốc của mọi vẻ đẹp ở cuộc đời nhưng không vì thế mà phủ nhận chúng, cảm nhận được cái hoan của đời người chỉ là khoảnh khắc, c nhọc nhằn của kiếp người mới là trạng th mòn mỏi, dài lâu, nhưng không vì thế khô xúc động trước cái vui của nhân gian và đ biệt, càng không quên cái khốn khó của đ sống.</p>
--	---

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HV viết đoạn văn 10–15 dòng trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở bài thơ.

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ luyện tập</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân:</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV báo cáo về sản phẩm học tập GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p><b>3. Viết đoạn văn:</b> – Ghi lại những cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ <i>Mùa xuân chín</i> của Hàn Mặc Tử gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc.</p>

### **Bài 3. VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Năng lực**

– HV viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn.

+ Nêu khái quát về điểm đặc sắc, thú vị trong bài thơ – vấn đề sẽ được tập trung phân tích, đánh giá.

+ Làm sáng tỏ các khía cạnh cụ thể của điểm được xem là đặc sắc, thú vị trong bài thơ.

+ Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và khẳng định giá trị chung của bài thơ.

**2. Phẩm chất:** Tiếp tục nuôi dưỡng tình yêu đối với thơ ca.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

#### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

##### **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** HV biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HV đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Qua các nội dung luyện tập viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nội dung yêu thích khi đọc hiểu các bài thơ, anh/chị rút ra được những điều gì cho cá nhân khi viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ?

+ Nêu các bước tạo lập một bài văn nghị luận

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HV thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Viết bài văn phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là công việc để thực hành và kiểm tra việc chiếm lĩnh các tri thức về thơ ca. Đây là kiểu bài văn nghị luận đòi hỏi người viết biết nhận diện, cảm thụ, đánh giá phương diện hình thức thẩm mỹ cũng như cảm xúc, suy tưởng được biểu đạt trong một tác phẩm thơ cụ thể.

## 2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 2.1. Đọc – phân tích bài viết tham khảo

a) **Mục tiêu:** HV nhận biết cách trình bày bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV hướng dẫn HV đọc bài viết tham khảo. – Chú ý các thẻ hướng dẫn đọc. – Trả lời các câu hỏi sau đọc</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân và nhóm</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p><b>1. Đọc – phân tích bài viết tham khảo</b> Một số lưu ý về viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: + Để đánh giá một bài thơ về phương diện tình cảm, tư tưởng và thẩm mỹ, trước hết, phải đọc bài thơ, chú ý đến những yếu tố nổi bật về hình thức của bài thơ (ngôn từ, hình ảnh), cảm nhận âm hưởng của bài thơ bởi trong nghệ thuật, hình thức bao giờ cũng mang tính quan niệm. + Mặt khác, đặt bài thơ trong mối liên hệ với tác giả, với hoàn cảnh ra đời, với truyền thống văn hoá để có những so sánh, đối chiếu, kết nối, từ đó có thêm cơ sở để đánh giá bài thơ một cách thấu đáo chứ không chỉ là bình tán thiếu căn cứ. + Cách đọc bài thơ: có thể kết hợp việc đọc bài thơ theo trục ngang và trục dọc, tức là theo trình tự các khổ thơ và theo mạch liên kết các hình ảnh. Cách đọc này có thể giúp nhận ra tứ thơ – một trong những thách thức lớn nhất của việc thưởng thức thơ ca.</p>

### 2.2. Thực hành viết bài

a) **Mục tiêu:** HV viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm dự kiến</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Chọn bài thơ</li><li>– Xem lại các tri thức ngữ văn liên quan đến thơ được giới thiệu trong bài và nhớ lại từng bước trong quá trình đọc hiểu văn bản mà HV đã trải qua trong các buổi học trước để tự thực hành việc đọc bài thơ.</li><li>– Viết bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ</li></ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV báo cáo sản phẩm GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p><b>2. Viết bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Tiến hành viết bài theo các bước: tìm ý tưởng, lập dàn ý và viết thành bài.</li><li>– Nội dung bài viết: chú ý phân tích cách tổ chức ngôn từ trong một bài thơ</li></ul> <p><b>3. Trả bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Lưu ý thêm một số điểm mà giờ hướng dẫn viết chưa thể nhấn mạnh như các vấn đề về kỹ năng lập ý và diễn đạt của HV.</li><li>– Đánh dấu những điểm cần trao đổi với HV, những điểm cần sửa chữa, những điểm đáng ghi nhận của các bài viết.</li><li>– HV có những sửa chữa cần thiết theo yêu cầu.</li></ul>

### **3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

a) **Mục tiêu:** Luyện tập viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

**Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HV lựa chọn 1 bài thơ
- Viết bài nghị luận phân tích một bài thơ

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ



– HV làm bài viết ở nhà

**Bước 3:** Báo cáo kết quả

– HV nộp bài cho GV

**Bước 4:** Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

– GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HV.

## **Bài 4. THUYẾT TRÌNH, GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM THƠ**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Năng lực**

– Nêu được đặc trưng của kiểu bài thuyết trình.

– Nhận biết được cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

– Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe.

**2. Phẩm chất:** Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

#### **1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** HV biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HV đi vào tìm hiểu bài mới.

#### **b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

##### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Yêu cầu chung của hoạt động nói và nghe?

+ Các bước tiến hành nói và nghe về một vấn đề/nội dung?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HV thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Hoạt động đọc – viết – nói và nghe có mối liên quan chặt chẽ với nhau.

Bài học này sẽ phản ánh kết quả đọc hiểu và viết về thơ trữ tình.

## **2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH NÓI- NGHE: Thuyết trình, giới thiệu về tác phẩm thơ**

### **2.1. Chuẩn bị nói và nghe**

#### **a) Mục tiêu:**

– Rà soát lại bài nói hoặc chuẩn bị trình chiếu

#### **b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

– HV làm việc cá nhân hoặc nhóm

– Đọc lại bài viết và chuyển bài viết thành đề cương hoặc bản trình chiếu.

Lưu ý: Do bài nói có mối liên hệ chặt chẽ với bài viết nên HV cần tập trung vào những điều mình tâm đắc nhất về bài thơ được thể hiện trong bài viết để chuyển hoá nó vào trong bài nói. GV thiết kế phiếu đánh giá bài nói với những tiêu chí cần thiết để phát cho HV trong lớp.

### **2.2. Thực hành nói và nghe**

#### **a) Mục tiêu:**

– Biết thuyết trình về một tác phẩm thơ

– Biết lắng nghe và trao đổi, chia sẻ về bài trình bày của bạn

#### **b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm dự kiến</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>– Chọn bài thơ</p> <p>– Xem lại các tri thức ngữ văn liên quan đến thơ được giới thiệu trong bài và nhớ lại từng bước trong quá trình đọc hiểu văn bản mà HV đã trải qua trong các buổi học trước để tự thực hành việc đọc bài thơ.</p> <p>– Viết bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ</p>	<p>– Với đề bài này, người thuyết trình cần trình bày: tác phẩm/ tác giả mình lựa chọn; lí do vì sao mình muốn giới thiệu tác phẩm thơ này đến mọi người; tác phẩm thơ ca này có điều gì đáng chú ý (về tư tưởng, về nghệ thuật); những phát hiện về giá trị của bài thơ này dựa trên những phương pháp, thao tác nào; thông điệp mình muốn gửi tới người nghe qua bài thuyết trình về tác phẩm thơ này là gì?</p>

<p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV báo cáo sản phẩm GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>– Nếu HV thuyết trình đi kèm với trình chiếu: lưu ý lựa chọn, chắt lọc thông tin để trình bày lên slide, thiết kế hình hoạ sao cho có sức hấp dẫn, không nên viết quá nhiều chữ trên slide.</p> <p>– Lưu ý về thời gian cho phép đối với mỗi bài thuyết trình.</p> <p><b>*Trao đổi</b></p> <p>– Dựa vào những tiêu chí đánh giá mà GV đã nêu trước đó trên lớp, HV vừa nghe để ghi chép những điểm đáng chú ý từ bài thuyết trình, vừa đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí mà GV nêu ra.</p> <p>– Khuyến khích HV trao đổi, đối thoại với người thuyết trình.</p> <p>– GV tổng kết lại giờ Nói và nghe, ghi nhận những ưu điểm và điểm cần phải khắc phục của HV.</p>
---	---

### 3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

#### a) Mục tiêu:

- Luyện tập thuyết trình về một tác phẩm thơ:

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

##### **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HV lựa chọn 1 bài thơ
- Viết bài thuyết trình về một bài thơ

##### **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; xây dựng 1 bài thuyết trình.

##### **Bước 3:** Báo cáo kết quả

- HV nộp bài cho GV

##### **Bước 4:** Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HV

## 2. Sách giáo khoa Cánh diều:

### BÀI 1. THẦN THOẠI, SỬ THI

#### Văn bản 1: HÊ-RA-CLÉT ĐI TÌM TÁO VÀNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực

- Trình bày và phân tích được những đặc điểm cơ bản của truyện thần thoại như: về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...).

- Trình bày được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

#### 2. Phẩm chất

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 Cánh diều

- Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HV.

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV chia thành các nhóm và tổ chức thi giữa các tổ/ nhóm. – Trong 2 phút, hãy liệt kê nhiều nhất có thể tên những nhân vật trong thần thoại Hy Lạp. Tổ/ nhóm nào liệt kê được nhiều và đúng nhất sẽ chiến thắng.	Bảng liệt kê tên những nhân vật trong thần thoại Hy Lạp.

<p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HV thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> Các tổ/nhóm báo cáo kết quả</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét, khen thưởng, biểu dương các tổ/nhóm chiến thắng và nêu nhiệm vụ học tập: tìm hiểu nội dung, ý nghĩa và xác định đặc điểm của văn bản thần thoại, bước đầu hình dung cách thức đọc hiểu văn bản thần thoại Hy Lạp.</p>	
---	--

## 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a) Mục tiêu:** Trình bày và phân tích được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

### **b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b>	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV đọc phần <i>Kiến thức ngữ văn</i> trong SGK có liên quan bài đọc hiểu.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> – GV nhận xét và chốt lại các khái niệm. – GV có thể yêu cầu HV trình bày lại cách thức đọc hiểu văn bản thần thoại theo gợi ý của SGK.</p>	<p><b>1. Thần thoại Hy Lạp</b></p> <p>a) Khái niệm thần thoại</p> <p>b) Những nét chung về thần thoại Hy Lạp</p> <p><b>2) Đoạn trích <i>Hê-ra-clét đi tìm táo vàng</i></b></p> <p>a) Xuất xứ</p> <p>b) Bối cảnh của đoạn trích</p>

## II. Đọc hiểu văn bản

<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV trả lời câu hỏi 1 trong SGK</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p><b>1. Bố cục của đoạn trích</b></p> <p>– Văn bản <i>Hê-ra-clét đi tìm táo vàng</i> gồm bốn phần, mỗi phần kể về sự kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Phần 1: Sự kiện Hê-ra-clét phải trải qua những không gian đầy khó khăn thử thách từ châu Âu sang châu Á, từ cực Bắc đến sa mạc để tìm đường đến khu vườn đặc biệt có cây táo vàng.</li><li>+ Phần 2: Sự kiện Hê-ra-clét phải giao đấu với gã khổng lồ độc ác Ăng-tê.</li><li>+ Phần 3: Sự kiện Hê-ra-clét giải thoát cho vị thần ân nhân của loài người Prô-mê-tê tại núi Cô-ca-dơ.</li><li>+ Phần 4: Sự kiện Hê-ra-clét phải giơ lưng chống đỡ bầu trời, phải đấu trí với thần Át-lát để có được những quả táo vàng.</li></ul> <p>– Các đoạn tóm tắt nội dung lược trích cho biết Hê-ra-clét đã phải trải qua những cuộc thử thách khác: giao đấu với hai cha con thần Chiến tranh A-rét; chiến đấu với vua Ai Cập để giải thoát cho mình không bị trở thành vật hiến tế.</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV trả lời câu hỏi 2 trong SGK</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV thảo luận cặp đôi</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p><b>2. Các chi tiết hoang đường, kì ảo</b></p> <p>– Những chi tiết hoang đường, tưởng tượng trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Con rồng La-đông có một trăm cái đầu, không bao giờ ngủ để canh giữ khu vườn có cây táo vàng.</li><li>+ Khi Hê-ra-clét giao đấu với Ăng-tê, hễ chân Ăng-tê chạm đất thì sức mạnh lập tức lại tăng thêm.</li><li>+ Buồng gan bất tử của Prô-mê-tê.</li><li>+ Hê-ra-clét ghé vai, giơ lưng ra chống đỡ bầu trời.</li></ul>

	<p>– Ý nghĩa của mỗi chi tiết: HV tự do bày tỏ cách hiểu của bản thân nhưng cần đảm bảo thuyết phục, lô-gic với nội dung câu chuyện, đồng thời không trái với pháp luật và đạo đức. Có thể tham khảo gợi ý sau:</p> <p>+ Ý nghĩa của chi tiết 1: Những khó khăn, nguy hiểm mà Hê-ra-clét phải vượt qua để lấy được những quả táo vàng.</p> <p>+ Ý nghĩa của chi tiết 2: Đất Mẹ là cội nguồn của sự sống và sức mạnh, chính Đất Mẹ đã truyền sức mạnh cho đứa con của mình là Ăng-tê.</p> <p>+ Ý nghĩa của chi tiết 3: Tinh thần bất khuất và sức sống mãnh liệt của Prô-mê-tê.</p> <p>+ Ý nghĩa của chi tiết 4: Khát vọng chinh phục tự nhiên vô cùng lớn lao của con người.</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV trả lời câu hỏi 3 trong SGK</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV thảo luận nhóm</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> các nhóm trình bày sản phẩm; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b></p> <p>GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p><b>3. Nhân vật Hê-ra-clét</b></p> <p>– Nhân vật Hê-ra-clét là người hội tụ đầy đủ vẻ đẹp của sức mạnh và trí tuệ.</p> <p>– Các chi tiết: giao đấu và chiến thắng gã khổng lồ độc ác Ăng-tê, giơ lưng chống đỡ bầu trời, đấu trí với thần Át-lát để giành được những quả táo vàng...</p>
<b>III. Tổng kết</b>	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV trả lời câu hỏi 4 trong SGK</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV thảo luận nhóm</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> các nhóm trình bày sản phẩm; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p>	<p><b>1. Nội dung và ý nghĩa của văn bản</b></p> <p>– Đoạn trích phản ánh nhận thức và cách lí giải của con người thời cổ đại về các hiện tượng trong thế giới tự nhiên.</p> <p>– Đề tài: Thần thoại về nhân vật anh hùng.</p> <p>– Chủ đề: Ca ngợi nhân vật anh hùng,</p>

<p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p>biểu tượng cho sức mạnh, trí tuệ và khát vọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông điệp: Để đi tới thành công, đòi hỏi con người phải có đủ sức mạnh, ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách.</li> </ul> <p><b>2. Hình thức của văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cốt truyện li kì, hấp dẫn;</li> <li>– Không gian vũ trụ, thời gian quá khứ nguyên sơ của loài người;</li> <li>– Chi tiết thần kì khiến nhân vật anh hùng hiện lên kì vĩ, phi thường;</li> <li>– Lời kể ở ngôi thứ 3 khiến diễn tiến câu chuyện lô-gic, dễ theo dõi.</li> </ul> <p><b>3. Cách đọc thần thoại</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được các sự việc chính, bối cảnh diễn ra những sự việc ấy.</li> <li>– Chỉ ra được những nhân vật của câu chuyện, đặc biệt là nhân vật chính; phân tích được nhân vật chính.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa của những chi tiết thần kì trong văn bản.</li> <li>– Nêu được mục đích của văn bản.</li> <li>– Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã đọc vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn.</li> </ul>
--	--

### 3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Luyện tập, thực hành kiến thức về văn bản thần thoại.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV trả lời câu hỏi 5, 6 trong SGK.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm.</p>	<p>– HV tự do tưởng tượng để vẽ hoặc mô tả bằng lời về một chi tiết, hình ảnh trong văn bản <i>Hê-ra-clét đi tìm táo vàng</i> đã để lại ấn tượng đặc biệt đối với bản thân.</p>



<b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> các nhóm trình bày sản phẩm; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.	– HV tự do bày tỏ hiểu biết của bản thân nhưng cần đảm bảo lô–gic với nội dung đoạn trích (ví dụ: Đất chính là mẹ của sự sống, mẹ đất luôn bao bọc, che chở, truyền sức mạnh cho đứa con của mình; tinh thần bất khuất như Prô–mê–tê,...).
<b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.	

## Văn bản 2: CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

(Trích *Đăm Săn* – Sử thi Ê–đê)

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực

– Trình bày và phân tích được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của sử thi;

– Trình bày được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

#### 2. Phẩm chất

– Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phiếu học tập

– Bút màu, giấy A4, A0

– Máy chiếu

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HV.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV trả lời nhanh 7 – 10 câu hỏi (ở một số câu có thể kèm	Trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.

<p>hình ảnh) về: văn hóa Tây Nguyên (hình ảnh nhà rông, nhà dài, công chiêng, không khí ăn mừng chiến thắng,...), chi tiết, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh không gian, thời gian, tên một số sử thi nổi tiếng,...</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV suy nghĩ và trả lời nhanh; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV.</p>	
---	--

## 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a) Mục tiêu:** Phân tích được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của sử thi; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b>	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV đọc phần <i>Kiến thức ngữ văn</i> trong SGK có liên quan bài đọc hiểu.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV hoạt động cá nhân.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> – GV nhận xét và chốt lại các khái niệm. – GV có thể yêu cầu HV trình bày lại cách thức đọc hiểu văn bản thân thạo theo gợi ý của SGK.</p>	<p><b>1. Sử thi</b></p> <p><i>a) Khái niệm sử thi</i></p> <p><i>b) Sử thi Đăm Săn</i></p> <p><b>2. Đoạn trích <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i></b></p>
<b>II. Đọc hiểu văn bản</b>	
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>	<b>1. Sự kiện chính, lời người kể chuyện,</b>

<p>– HV trả lời câu hỏi 1 trong SGK</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b></p> <p>GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p><b>lời nhân vật</b></p> <p>– Những sự kiện chính trong văn bản <i>Chiến thắng Mtao Mxây</i>: Đăm Săn đến nhà Mtao Mxây giao đấu để cứu người vợ của mình; Dân làng mở tiệc ăn mừng chiến thắng của Đăm Săn (GV nhắc HV lưu ý: Sự kiện chính là những sự kiện nổi bật của văn bản. Tóm tắt văn bản cần ngắn gọn nhưng phải thể hiện được đầy đủ những sự kiện chính).</p> <p>– Lời người kể chuyện là lời của người đứng ra thuật lại câu chuyện. (Ví dụ: “<i>Thế là Mtao Mxây phải đi ra. Bà con xem, khiến hắn tròn như đầu củ, grom hắn óng ánh như cái cầu vồng.</i>”)</p> <p>– Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật, thường được thể hiện qua đối thoại hoặc độc thoại. (Ví dụ: <b>Đăm Săn</b> – <i>Ngươi múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy, ngươi học ai vậy?...</i>)</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV trả lời câu hỏi 2, 3, 4, 5 trong SGK</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b></p> <p>GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p><b>2. Nhân vật Đăm Săn</b></p> <p>– Nhân vật người anh hùng Đăm Săn được miêu tả với những đặc điểm nổi bật về tài năng, sức mạnh và ý chí.</p> <p>– Những chi tiết cho thấy sự đối lập giữa Đăm Săn với Mtao Mxây: chi tiết miêu tả ngoại hình, chi tiết miêu tả hai nhân vật múa khiên, chi tiết miêu tả lời nói và hành động của hai nhân vật.</p> <p>– Các biện pháp nghệ thuật: Biện pháp so sánh được sử dụng nhiều lần, có khi là so sánh tương đồng, có khi là so sánh tăng cấp, so sánh tương phản (như đoạn</p>

	<p>tả Mtao Mxây và Đăm Săn múa khiên) có tác dụng gợi hình, biểu cảm nhân mạnh tâm vóc lịch sử và sức mạnh phi thường của người anh hùng Đăm Săn, đồng thời cũng cho thấy sự tâm thương của Mtao Mxây.</p> <p>– Nhân vật người anh hùng Đăm Săn với vẻ đẹp kì lạ, khác thường về ngoại hình, sức mạnh, ý chí, danh dự,... dũng cảm chiến đấu với kẻ thù để bảo vệ cộng đồng; không gian dân làng mở tiệc ăn mừng chiến thắng của Đăm Săn được miêu tả vô cùng hoành tráng;...)</p> <p>– Tình cảm của cộng đồng với người anh hùng: <i>Dân làng: – Không đi sao được! Nhưng bác ơi, xin bác chờ chúng tôi cho lợn ăn cái đã... Đoàn người đông như bầy cà tong<sup>(3)</sup>, đặc như bầy thiêu thân ùn ùn như kiến như mối...</i></p> <p>→ vô cùng yêu mến, suy tôn và tuân phục người anh hùng.</p>
<b>III. Tổng kết</b>	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV tổng kết về nội dung, nghệ thuật của văn bản.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<p><b>1. Nội dung của văn bản</b></p> <p>– Đề tài: Sử thi anh hùng.</p> <p>– Chủ đề: Người anh hùng trong sử thi luôn đề cao danh dự và trách nhiệm trước gia đình và cộng đồng. Lễ sống, niềm vui của người anh hùng luôn gắn với cuộc chiến đấu vì hạnh phúc và thịnh vượng của cộng đồng.</p> <p>– Thông điệp: Vai trò và trách nhiệm của người anh hùng (thủ lĩnh) đối với cộng đồng.</p> <p><b>2. Hình thức của văn bản</b></p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghệ thuật so sánh, phóng đại.</li> <li>– Không gian lịch sử cộng đồng hoành tráng khiến nhân vật anh hùng trong sử thi hiện lên phi thường, mang tầm vóc vũ trụ.</li> </ul> <p><b>3. Cách đọc sử thi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được những sự kiện trọng đại liên quan đến đời sống cộng đồng được phản ánh qua văn bản.</li> <li>– Xác định và phân tích nhân vật, đặc biệt là người anh hùng trong văn bản.</li> <li>– Xác định và nêu ý nghĩa của một số yếu tố nghệ thuật đặc sắc của văn bản.</li> <li>– Phát hiện và nêu được những bài học, thông điệp mà văn bản muốn thể hiện.</li> <li>– Liên hệ, so sánh và kết nối.</li> </ul>
--	---

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Luyện tập, thực hành kiến thức về văn bản sử thi.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV trả lời cho Câu 6 trong SGK.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và chốt kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đoạn trích ca ngợi người anh hùng trong cuộc đấu tranh vì danh dự, hạnh phúc của gia đình và sự thịnh vượng chung của cộng đồng.</li> <li>– Điều đó vẫn còn ý nghĩa thời sự đối với cuộc sống hôm nay, bởi vì, có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển và thịnh vượng của mỗi cộng đồng, luôn cần có vai trò quan trọng của thủ lĩnh (người đứng đầu, người dẫn đường, mở lối).</li> </ul>

#### 4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về văn bản sử thi vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV trả lời cho Câu 7 trong SGK. <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV thực hiện nhiệm vụ ở nhà. <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> - HV nộp sản phẩm cho GV. <b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét sản phẩm của HV	– HV có thể tự do tưởng tượng, sáng tạo để vẽ hoặc miêu tả về trận chiến đấu giữa Đăm Săn và Mtao Mxây miễn là đảm bảo lô-gic với nội dung đoạn trích đã đọc hiểu.

Đối với văn bản **Thần trụ trời** và văn bản **Ra-ma buộc tội**, GV có thể lựa chọn 1 trong 2 văn bản để hướng dẫn HV thực hành đọc hiểu ở nhà, mục tiêu: HV củng cố kiến thức về thần thoại, bước đầu biết tự đọc hiểu văn bản viết theo thể loại này.

Gợi ý cách tiến hành:

- HV vận dụng các tri thức công cụ đã được cung cấp trong phần *Kiến thức ngữ văn* và kiến thức về thần thoại/sử thi đã học ở 2 văn bản trước để trả lời câu hỏi đọc hiểu sau văn bản.

- GV kiểm tra, nhận xét.

### THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thời gian thực hiện: 1 tiết

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Năng lực

– Chỉ ra được các lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa.  
– Phân tích được và biết cách sửa các lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa.

##### 2. Phẩm chất

– Có ý thức và thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập
- Bút màu, giấy A4, A0
- Máy chiếu

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HV.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – GV nêu một số lỗi dùng từ của HV để HV phát hiện lỗi. <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV làm việc cá nhân hoặc nhóm <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời theo câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn <b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV và nêu ý nghĩa của việc sửa lỗi dùng từ	HV trình bày sản phẩm theo yêu cầu.

### 2. HOẠT ĐỘNG 2: Thực thi nhiệm vụ

a) **Mục tiêu:** Nhận biết và sửa được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV làm bài tập 1, 2, 3 trong SGK. <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV làm việc cá nhân hoặc nhóm <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trả lời theo câu hỏi; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn <b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV.	<i>Bài tập 1, 2, 3</i>

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng biện pháp tu từ trong khi viết.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV làm bài tập 4 trong SGK. <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> – HV làm việc cá nhân <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trình bày sản phẩm; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn. <b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét bài làm của HV	HV viết được đoạn văn phân tích một đặc điểm của nhân vật thân thiện mà mình yêu thích, trong đó có sử dụng một trong các biện pháp tu từ đã học ở THCS.

## NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực

–Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội, đảm bảo các yêu cầu của bài nghị luận xã hội:

+ Giới thiệu ngắn gọn về vấn đề xã hội.

+ Nêu khái quát về nội dung vấn đề xã hội – vấn đề sẽ được tập trung phân tích, đánh giá.

+ Làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề nghị luận.

+ Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

#### 2. Phẩm chất

– Có ý thức, trách nhiệm và thái độ đúng đắn với những vấn đề xã hội.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



## 1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>– GV nêu một số tình huống thực tế để giúp HV hiểu ý nghĩa, tác dụng, sự cần thiết của nội dung học viết. Chẳng hạn, trong cuộc sống, do nhu cầu của bản thân hoặc công việc, chúng ta phải luận bàn về một vấn đề xã hội để thuyết phục người đọc, người nghe. Vào tình huống đó, em sẽ viết như thế nào?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV nêu quan điểm cá nhân.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>- HV trình bày ý kiến; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b></p> <p>GV nhận xét câu trả lời của HV và nêu cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.</p>	<p>Bài trình bày bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ.</p>

## 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) **Mục tiêu:** Hình thành kiến thức, kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV lần lượt tìm hiểu các mục trong SGK và trình bày nhận thức của bản thân. Tùy theo trình độ của HV, GV có thể giảng giải thêm hoặc yêu cầu HV tìm các ví dụ khác tương tự để HV nắm chắc lí thuyết.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>– HV trình bày ý kiến cá nhân.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HV trình bày</p>	<p><b>1. Định hướng: Nghị luận về một vấn đề xã hội</b> có thể bàn luận về một tư tưởng, đạo lí,... nhưng cũng có thể phát biểu, trao đổi về một hiện tượng có thực trong đời sống (con người, sự việc,...) hoặc một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học. Vấn đề xã hội đưa ra bàn luận có thể là hiện tượng tích cực,</p>

<p>ý kiến; GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét câu trả lời của HV.</p>	<p>cũng có thể là hiện tượng tiêu cực hoặc cả hai. Như thế đòi hỏi người viết cần thể hiện được quan điểm của mình, từ đó, phân tích, biểu dương cái tốt, cái đẹp và lên án, phê phán cái sai, vạch trần cái xấu, cái ác,...; nêu lên hướng khắc phục, giúp người đọc hiểu và làm theo cái đúng, có nhận thức và hành động tích cực,...</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> GV hướng dẫn HV đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi sau đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Bài văn viết về vấn đề xã hội nào?</li> <li>– Cách trình bày các luận điểm của người viết như thế nào?</li> <li>– Thái độ của người viết đối với vấn đề xã hội đó?</li> <li>– Cách liên kết các đoạn văn (luận điểm) trong văn bản?</li> <li>– Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản?</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HV hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p><b>2. Phân tích mẫu</b> Một số lưu ý về viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu rõ vấn đề xã hội được nói đến ở đề bài.</li> <li>– Phân tích các mặt đúng sai, lợi hại, chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết về vấn đề xã hội.</li> <li>– Diễn đạt cần chuẩn xác, có thể sử dụng một số phép tu từ và yếu tố biểu cảm, nhất là phần nêu cảm nghĩ riêng.</li> </ul>

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** vận dụng kiến thức về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội để thực hành viết một bài nghị luận xã hội.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> – HV đọc phần hướng dẫn quy trình viết theo 4 bước; lựa chọn 1 trong 2 đề trong SGK và thực hiện yêu cầu thực hành.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HV hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV: nhận xét góp ý kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>HV thực hiện quy trình 4 bước viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội</p> <p>1) Chuẩn bị Sản phẩm: theo yêu cầu của mục <i>Chuẩn bị</i>.</p> <p>2) Tìm ý và lập dàn ý Sản phẩm: Dàn ý của bài viết.</p> <p>3) Viết bài Sản phẩm: bản thảo bài viết.</p> <p>4) Kiểm tra và chỉnh sửa Sản phẩm: nội dung sửa theo Phiếu.</p>

**PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

- **Nhiệm vụ:** Hãy rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải

<b>Câu hỏi đánh giá</b>	<b>Gợi ý chỉnh sửa bài viết</b>
<p>Ví dụ:</p> <p>1. Phần mở bài đã giới thiệu ngắn gọn vấn đề cần bàn luận chưa?</p>	<p>Ví dụ:</p> <p>– Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó.</p> <p>– Nếu chưa, viết thêm 1–2 câu giới thiệu về vấn đề sẽ bàn luận.</p>
<p>2. Phần thân bài đã nêu được các nội dung cụ thể sau chưa?</p> <p>– Giới thiệu được những tấm gương vượt lên số phận tiêu biểu hay không?</p> <p>– Giải thích được khái niệm ý chí, nghị lực và lí giải vì sao ý chí, nghị lực tạo nên sức mạnh không?</p>	<p>– Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó.</p> <p>– Nếu chưa, đánh dấu chỗ cần bổ sung và ghi các câu bổ sung bên lề hoặc giấy nháp.</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đã phân tích, chứng minh được sức mạnh ý chí, nghị lực thể hiện qua các nhân vật đã nêu ở phần khái quát để làm sáng tỏ hệ thống luận điểm chưa?</li> <li>– Có nêu được ý kiến bình luận vấn đề và liên hệ, phát biểu được suy nghĩ riêng của người viết không?</li> </ul>	
<p>3. Phần kết luận có khái quát được ý nghĩa của vấn đề không?</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó.</li> <li>– Nếu chưa, có thể viết thêm vào cuối đoạn.</li> </ul>
<p>4. Có mắc lỗi về ý (thiếu ý, lặp ý, lạc ý), lỗi chính tả, trình bày, dùng từ và diễn đạt,... nào không?</p>	<p>Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân các lỗi đó và nêu cách chữa bên cạnh hoặc bên lề giấy.</p>
<p>– Gọi 1 số HV trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung.</p>	<p>Nghe và ghi chép thêm các lưu ý của thầy/cô giáo.</p>

## **THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Năng lực**

- Nêu được đặc trưng của kiểu bài thuyết trình.
- Nhận biết được cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân khi thuyết trình về một vấn đề xã hội.
- Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe.

#### **2. Phẩm chất**

- Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng của mọi người đối với một vấn đề xã hội.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV xem và nhận xét về nội dung, cách thức thuyết trình trong một video clip, từ đó, nêu vấn đề: Làm thế nào để thuyết trình một vấn đề cho người khác nghe một cách hấp dẫn?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HV hoạt động cá nhân.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV đánh giá kết quả của HV, HV có thể nêu các ý kiến khác nhau, GV không phê phán, kết luận mà dẫn dắt HV vào bài học.</p>	Bài trình bày bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ.

#### 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) **Mục tiêu:** Hình thành kiến thức, kỹ năng nói và nghe: thuyết trình về một vấn đề xã hội.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> – HV đọc nội dung mục <i>Định hướng</i>, rồi nhắc lại các yêu cầu mà SGK đã hướng dẫn hoặc nêu các thắc mắc, câu hỏi.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HV hoạt động cá nhân.</p>	<b>I. Định hướng Sách giáo khoa.</b>

<p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> GV gọi một số HV trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét kết quả của HV.</p>	
---	--

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Thực hành luyện tập thuyết trình về một vấn đề xã hội.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> – HV đọc phần hướng dẫn quy trình nói và nghe theo 4 bước trong SGK và thực hành theo quy trình 4 bước.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HV hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> HV trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><b>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> GV nhận xét góp ý kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>HV thực hiện yêu cầu của bài thực hành.</p> <p>1) Chuẩn bị Sản phẩm: theo yêu cầu của mục <i>Chuẩn bị</i>.</p> <p>2) Tìm ý và lập dàn ý Sản phẩm: Dàn ý của bài viết.</p> <p>3) Nói và nghe Sản phẩm: bài nói (có thể kèm theo phương tiện hỗ trợ).</p> <p>4) Kiểm tra và chỉnh sửa Sản phẩm: nội dung sửa theo hướng dẫn trong SGK.</p>

### 3. Sách giáo khoa Cánh Diều

#### ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN

#### THĂNG LONG – ĐÔNG ĐÔ – HÀ NỘI: MỘT HÀNG SÓ

#### VĂN HÓA VIỆT NAM

Thời gian thực hiện : 02 tiết

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực

- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp. Phân tích, đánh giá được cách đặt nhan đề và mục đích của người viết, cách đưa tin và quan điểm

của người viết bản tin, sự kết hợp giữa các phương tiện giao tiếp trong việc thể hiện thông tin. Nêu được ý nghĩa của văn bản thông tin đối với bản thân.

- Nhận biết và sử dụng được cách trích dẫn, chú thích trong văn bản; phân tích được vai trò của một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... trong văn bản.

- Viết được bản nội quy hoặc hướng dẫn nơi công cộng, bài luận về bản thân.

- Biết thuyết trình và thảo luận về một địa chỉ văn hoá.

## **2. Về phẩm chất**

Yêu nước, tự chủ, trách nhiệm: Có thái độ, hành vi phù hợp thể hiện sự trân trọng, ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; suy nghĩ, lối sống tích cực, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HV làm việc nhóm, Phiếu học tập, hồ sơ đọc.

- SGK Ngữ văn 10, CD, tập 1; sách bài tập Ngữ văn 10, tập 1; sách tham khảo “Văn bản Ngữ văn 10”; nguồn tư liệu tham khảo dạng in và kỹ thuật số.

## **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

### **1. Trước khi đọc**

GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HV thực hiện ở nhà (dưới hình thức nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm) theo các hướng dẫn ở mục chuẩn bị. Cụ thể:

1.1. Tìm đọc tài liệu và lập hồ sơ đọc về văn bản thông tin, về Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội:

+ Tài liệu tiếng Anh:

[https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-4QFnoECA4QAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.twinkl.com%2Fteaching-wiki%2Finformation-text&usg=AOvVaw3u-GnArIzktJNwDhQJ_C8U&opi=89978449)

[4QFnoECA4QAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.twinkl.com%2Fteaching-wiki%2Finformation-text&usg=AOvVaw3u-](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-4QFnoECA4QAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.twinkl.com%2Fteaching-wiki%2Finformation-text&usg=AOvVaw3u-GnArIzktJNwDhQJ_C8U&opi=89978449)

[GnArIzktJNwDhQJ\\_C8U&opi=89978449](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-4QFnoECA4QAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.twinkl.com%2Fteaching-wiki%2Finformation-text&usg=AOvVaw3u-GnArIzktJNwDhQJ_C8U&opi=89978449)

[https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-4QFnoECBEQAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.theschoolrun.com%2Fwhat-information-text&usg=AOvVaw2gdrtJRos0tYi0XzQdjBvA&opi=89978449)

[4QFnoECBEQAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.theschoolrun.com%2Fwhat-information-text&usg=AOvVaw2gdrtJRos0tYi0XzQdjBvA&opi=89978449.](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&ved=2ahUKEwiLkdzt5sqAAxVnpVYBHVM6C-4QFnoECBEQAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.theschoolrun.com%2Fwhat-information-text&usg=AOvVaw2gdrtJRos0tYi0XzQdjBvA&opi=89978449)

+ Tài liệu tiếng Việt:

<https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&cad=rja&uact=8&ved=2ahUKEwif-7Gi58qAAxUviFYBHdPUCh0QFnoECBAQAQ&url=https%3A%2F%2Ftapchigaoduc.moet.gov.vn%2Fvi%2Fmagazine%2Fdownload%2F%3Fdownload%3D1%26catid%3D391%26id%3D6981&usg=AOvVaw3frjeI5tDlitcVzKqGDNPo&opi=89978449>

Làng nghề, phố nghề Thăng Long, Hà Nội (2000)

Hà Nội ba mươi sáu phố phường ...

1.2. Đọc trước hướng dẫn của SGK về cách đọc hiểu một văn bản nói chung và văn bản thông tin tổng hợp nói riêng:

+ Nhận diện những đặc điểm chung của văn bản (Ví dụ: nhan đề / tiêu đề, đề mục lớn, đề mục nhỏ, lời chú thích,...).

+ Phát hiện mô hình cấu trúc của văn bản (Ví dụ: nguyên nhân - kết quả; trật tự thời gian; phân loại, vấn đề và giải pháp; liệt kê chuỗi sự việc; các bước trong quy trình;...).

+ Tìm hiểu thông tin chi tiết trong văn bản và đánh giá giá trị, ý nghĩa của những thông tin đó với thực tiễn đời sống.

+ Phân tích, dự đoán tác dụng của phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ; sự kết hợp của yếu tố thuyết minh với miêu tả, biểu cảm, tự sự trong việc truyền tải thông tin đến người đọc.

1.3. Đọc trước văn bản *Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội: một hằng số văn hoá Việt Nam* (chú ý các chỉ dẫn đọc bên phải văn bản); tìm hiểu lịch sử, ý nghĩa của các tên gọi: Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội và thông tin về nhà sử học Trần Quốc Vượng.

## 2. Trong khi đọc

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo tâm thế, hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HV; xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**



<b>Hoạt động của GV, HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức trò chơi ô chữ với các ô hàng ngang là thông tin về đặc sản ẩm thực/di tích lịch sử của Hà Nội. Ô hàng dọc là Thăng Long/Đông Đô/Hà Nội.</li> <li>- HV thực hiện theo trò chơi.</li> <li>- GV nhận xét, biểu dương HV rồi nêu nhiệm vụ học tập: Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam, hiểu biết về thủ đô sẽ giúp mỗi người tự hào hơn về quốc gia, dân tộc. Thủ đô Hà Nội có những đặc trưng nào về văn hóa? Nguồn gốc dẫn đến những đặc trưng ấy là gì?</li> <li>- GV cũng có thể yêu cầu HV trình bày/ mô tả lại hồ sơ đọc đã chuẩn bị trước khi đọc.</li> </ul>	<p>Ô chữ đã được điền</p> <p>- Hồ sơ đọc của HV.</p>

## **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a) Mục tiêu:** HV hình thành các kiến thức mới về văn bản thông tin tổng hợp, bản tin, cách đọc văn bản thông tin.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV, HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<b>1. Tìm hiểu chung</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV đọc, trình bày tóm tắt cách thức đọc hiểu văn bản thông tin theo gợi ý của SGK.</li> <li>- GV nhận xét, điều chỉnh, bổ sung (nếu cần).</li> </ul>	Bài trình bày của HV
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 01 HV đóng vai chuyên gia, 01 HV đóng vai phóng viên phỏng vấn chuyên gia về nhà sử học Trần Quốc Vượng và Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. GV và các thành viên khác trong lớp có thể tham gia phỏng vấn để thu thập được nhiều thông tin liên quan đến VB.</li> <li>- Nhận xét và chốt lại một số kiến thức.</li> </ul>	Ghi chép các thông tin của phóng viên
<b>2. Đọc hiểu văn bản</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi nhiều HV đọc VB; mỗi HV lần lượt đọc 01 đoạn đã được đánh số theo thứ tự.</li> </ul>	- HV đọc to, rõ ràng, diễn cảm.

<p>- GV sử dụng chú thích hoặc bổ sung lý giải ý nghĩa của các thuật ngữ/cụm từ khó trong VB.</p>	<p>- Thuật ngữ, từ ngữ được giải thích tường minh.</p>
<p>- GV yêu cầu HV trả lời cá nhân: + Nhận xét cấu trúc, bố cục của VB: có mấy đoạn? trình bày liên mạch hay không liên mạch? + Có sử dụng những phương thức biểu đạt nào? (chữ in hoa, in đậm, hình vẽ, sơ đồ,...) - GV khuyến khích sự chủ động, tích cực của HV</p>	<p>Câu trả lời của HV</p>
<p>- Yêu cầu từng HV suy nghĩ và trả lời Câu 1 và Câu 2 trong SGK: (1) Đề tài của văn bản trên là gì? Em dựa vào đâu để xác định điều đó? (2) Nhan đề của văn bản giúp người viết nêu bật được thông tin chính nào?</p>	<p>(1). Đề tài của văn bản trên: Văn hóa Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội. Căn cứ xác định đề tài: tiêu đề, các từ khoá trong VB: (2). Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội là một “hàng số văn hoá” của đất nước Việt Nam. “Hàng số văn hoá”: Yếu tố/đặc điểm văn hóa có tính ổn định, tiêu biểu.</p>
<p>- GV tổ chức cho HV làm việc cặp đôi suy nghĩ và thảo luận Câu 3 và Câu 4 trong SGK: (3) Thông tin chính của văn bản đã được làm rõ qua những phương diện nào trong từng phần? (4) Để giúp người đọc hiểu đặc điểm của “văn hoá Thăng Long - Hà Nội”, tác giả đã huy động, kết nối thông tin từ những lĩnh vực nào? Hãy chỉ ra biểu hiện cụ thể của các loại thông tin ấy. (Ví dụ: thông tin địa lí - “Hà Nội... là thủ đô tự nhiên của lưu vực sông Hồng, của miền Bắc Việt Nam.”)</p>	<p>(3) Phần 1: Về phương diện địa lí và lịch sử (sự kết hợp văn hóa dân gian và văn hóa cung đình; văn hóa dân gian được “chính thức hoá” và “sang trọng hoá”) Phần 2: Về con người - người Hà Nội (vừa thượng võ, vừa văn hiến; đánh giặc giỏi, đại diện của hùng anh cả nước; làm ăn</p>

	<p>tài, đại diện của tinh hoa dân tộc)</p> <p>(4) Địa lí (“Hà Nội... là thủ đô tự nhiên của lưu vực sông Hồng, của miền Bắc Việt Nam.”)</p> <p>- Lịch sử (Triều đình Lí, Trần đưa việc thờ cúng các anh hùng dân tộc như Phù Đổng, Hai Bà Trưng, Bô Cai (Phùng Hưng), Mai Hắc Đế,... về giữa phố phường và xóm trại ven đô; Nhà nước dân tộc Lí - Trần - Lê lại nâng các lễ hội đua thuyền, đấu vật,...)</p> <p>- Văn hóa (làng nghề, ẩm thực, chợ): mạng lưới làng quê sản xuất đặc sản nông phẩm và sản phẩm thủ công ven đô cùng với phố phường thủ công nội đô, giao lưu với nhau ở bốn chợ chính trước bốn cổng thành Đông, Tây, Nam, Bắc.</p>
<p>- GV tổ chức cho HV làm việc nhóm (4HV/nhóm) theo phiếu học tập, thảo luận Câu 5 trong SGK:</p> <p>(5) Theo em, văn bản <i>Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội: một hằng số văn hoá Việt Nam</i> đã sử dụng phương thức thuyết minh kết hợp với những phương thức nào (biểu cảm, tự sự, nghị luận,...)? Hãy chỉ ra biểu hiện và mục đích của</p>	<p>Cả nhóm cùng thảo luận về bài học chung mà tất cả các thành viên đều thống nhất. Chẳng hạn: Văn bản <i>Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội: một hằng số văn hoá Việt Nam</i> đã sử dụng kết hợp phương thức</p>

<p>việc lồng ghép các yếu tố đó trong bài viết.</p> <p>- GV nhận xét và chốt kiến thức cơ bản.</p>	<p>thuyết minh với phương thức nghị luận, biểu cảm. (VD: Phần 2, tác giả đã sử dụng các thao tác giải thích, chứng minh, suy luận để thuyết phục người đọc về đặc điểm của người Hà Nội: từ làm thợ thầy giỏi đến sành ăn, sành mặc; biểu cảm (các ngữ liệu giàu chất văn học, trữ tình (ca dao) và ngôn ngữ biểu cảm, thể hiện rõ thái độ, cảm xúc của người viết. VD: lịch sử ngàn năm văn vật của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội đã hun đúc cho người Hà Nội một nếp sống thanh lịch: từng trải mà nhẹ nhàng, kiên định mà duyên dáng, hào hoa mà thanh thoát, sang trọng mà không xa hoa, cởi mở mà không lộ bịch, nhố nhăng; văn hoá Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội là một hàng số tuyệt vời của văn hoá Việt Nam.</p>
<p><b>3. Tổng kết</b></p>	
<p>GV trình chiếu bảng để trống 3 khía cạnh: đề tài, chủ đề, hình thức, yêu cầu HV rút ra những đánh giá khái quát theo các nhánh trên.</p>	

<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p style="text-align: center; background-color: #c0392b; color: white; padding: 5px;">Đề tài:.....</p> <p style="text-align: center; background-color: #27ae60; color: white; padding: 5px;">Chủ đề:.....</p> <p style="text-align: center; background-color: #6b4594; color: white; padding: 5px;">Hình thức: .....</p> </div>	
<p>- Nhận xét và chốt kiến thức về đề tài, chủ đề và hình thức của văn bản; cách đọc văn bản thông tin tổng hợp.</p>	<p>- Đề tài: Văn hóa Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội.  - Chủ đề: Ca ngợi giá trị văn hoá của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội với tư cách là một hàng số tuyệt vời của văn hoá Việt Nam: vừa thượng võ, vừa văn hiến; đánh giặc giỏi, đại diện của hùng anh cả nước, làm ăn tài, đại diện của tinh hoa dân tộc.</p> <p>- Hình thức: Văn bản sử dụng nhiều ngữ liệu văn học dân gian, sử dụng các chú thích trong ngoặc đơn để giải thích và cung cấp thêm thông tin; nhiều địa danh, tên riêng gắn với lịch sử, văn hóa Hà Nội.</p> <p>Cách đọc văn bản thông tin tổng hợp:</p> <p>- Xác định đề tài/chủ đề/thông tin chính của văn bản.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định cách trình bày thông tin trong văn bản.</li> <li>- Dựa vào cách trình bày thông tin trong văn bản, xác định các thông tin cụ thể; mối quan hệ giữa các thông tin cụ thể.</li> <li>- Nêu được tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có) trong việc trình bày thông tin của văn bản.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá về văn bản; vận dụng những thông tin trong văn bản và cách đọc văn bản vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn.</li> </ul>
--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:** HV vận dụng kiến thức đã học về văn bản thông tin để đọc hiểu một văn bản khác.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

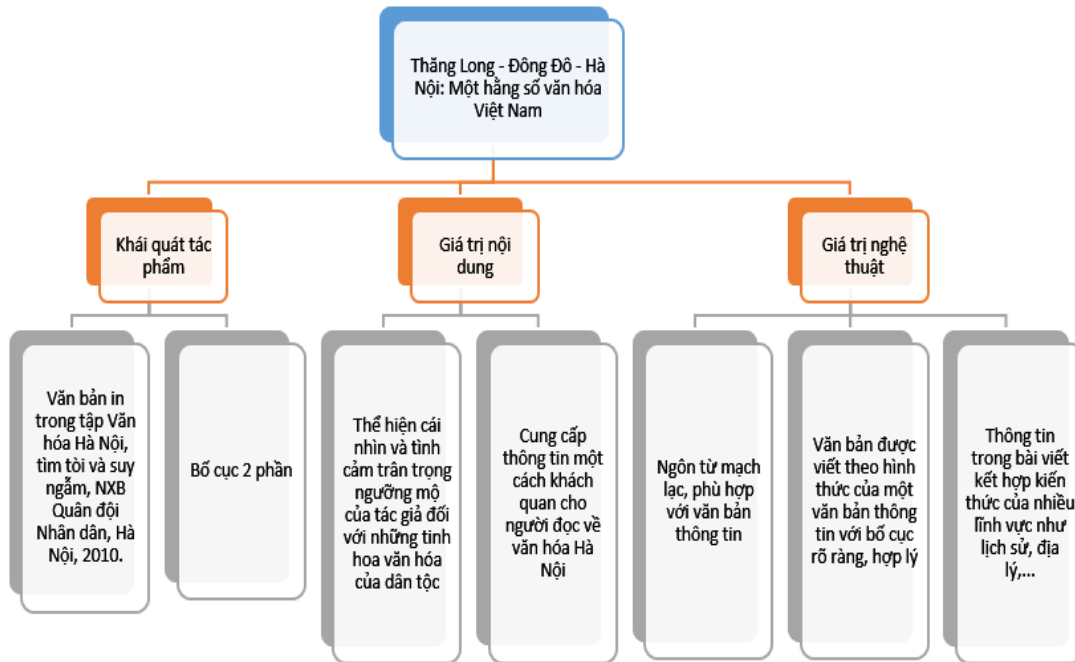
Hoạt động của GV, HV	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>-GV tổ chức cho HV làm việc cặp đôi, suy nghĩ và thảo luận Câu 6 trong SGK:</li> <li>(6) Văn bản đã đem đến cho em những kiến thức nào mới? Em thích nhất đặc điểm nào của văn hoá Hà Nội được đề cập trong bài? Hãy nêu một số nét đặc sắc về văn hoá của quê hương em.</li> <li>- GV nhận xét và chốt kiến thức.</li> <li>- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc hiểu VB khác về văn hóa Hà Nội và các vùng miền (dung lượng lớn hơn, độ khó, phức tạp cao hơn).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(6) - HV tùy chọn và lí giải miễn là thuyết phục.</li> <li>- HV nêu một số đặc sắc về văn hoá của quê hương mình (về ẩm thực hoặc lễ hội,...).</li> </ul>

### 3. Sau khi đọc

- Ở lớp, GV có thể hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ kết nối đọc - viết: Ấn tượng/cảm nhận của riêng em về vẻ đẹp của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội

- Ở nhà, GV có thể định hướng HV thể hiện ấn tượng về vẻ đẹp riêng có của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội qua: tranh vẽ, bài đăng trên facebook, tiktok, thơ, nhạc,...

GV cũng có thể giao nhiệm vụ cho HV sơ đồ hoá giá trị VB:



**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP**  
**Chuyên đề 1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO**  
**VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN**

**Thời gian thực hiện: 10 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nêu được những đặc điểm khái quát về văn học dân gian, về đề tài và vấn đề nghiên cứu, về cách thức xây dựng báo cáo nghiên cứu.
- Trình bày được các bước tiến hành nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Sưu tầm, đọc, tìm hiểu về các tác phẩm văn học dân gian.
- Viết, ghi chép các thông tin trong quá trình tìm hiểu các văn bản.
- Phân tích, tổng hợp, xử lí các thông tin, lập hồ sơ tư liệu về kết quả nghiên cứu.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian.
- Biết cách lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung theo kế hoạch.

**2. Phẩm chất**

- Yêu quý, tự hào về những sáng tác văn học dân gian của dân tộc và nhân loại, có ý thức gìn giữ di sản văn học, văn hoá của dân tộc.
- Tăng cường ý thức trách nhiệm trong việc hợp tác và triển khai vấn đề nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách chuyên đề Kết nối tri thức với cuộc sống
- Kế hoạch bài dạy điện tử (ppt), máy tính...
- Phiếu học tập cá nhân, phiếu thảo luận nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Phần 1. TẬP NGHIÊN CỨU**

**Thời gian thực hiện: 4 tiết**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**



– Nêu được những trải nghiệm của HV về các tác phẩm văn học dân gian đã học.

– Xác định được yêu cầu của bài học: tập nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của HV GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chiếu/Giới thiệu câu nói của M.Gorki: “<i>Hãy đi sâu vào những sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra</i>”.</li> <li>– HV hoạt động cá nhân nhắc lại những tác phẩm văn học dân gian đã học, đã đọc (thi, thử tài,...)</li> <li>– HV trao đổi nhóm đôi nêu cảm nhận về một thể loại/tác phẩm đã để lại ấn tượng sâu sắc.</li> <li>– Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác bổ sung ý kiến.</li> <li>– Kết nối nội dung văn học dân gian với yêu cầu rèn kỹ năng nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được những tác phẩm văn học dân gian đã học, đã đọc.</li> <li>– Trình bày được cảm nhận về tác phẩm văn học dân gian để lại cho bản thân ấn tượng sâu sắc.</li> <li>– Trình bày được mong muốn tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu về văn học dân gian để mở rộng hiểu biết và kỹ năng học tập.</li> </ul>

**2. HOẠT ĐỘNG 2: XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, VẤN ĐỀ, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU**

**a) Mục tiêu**

- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu.
- Xác định được mục tiêu, nội dung trọng tâm của vấn đề.
- Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu vấn đề.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu</p> <p>Yêu cầu HV hoàn thành phiếu học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc, tìm hiểu các hướng</li> </ul>	<p>1. Chọn được đề tài, vấn đề nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Là một nội dung học tập trong chương trình cần được tìm hiểu sâu khi có điều kiện.</li> <li>– Được diễn đạt bằng hình thức cô đọng, ngầm chứa</li> </ul>

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>dẫn trong sách chuyên đề về xác định đề tài, mục tiêu, nội dung và kế hoạch nghiên cứu vấn đề.</p> <p>2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tổ chức hoạt động nhóm theo vấn đề (trong trường hợp HV chọn vấn đề theo nhóm).</li> <li>– Nếu HV chọn vấn đề theo cá nhân thì GV có thể phân loại vấn đề để chia theo các nhóm.</li> </ul> <p>Yêu cầu HV trình bày kết quả (theo nhóm). GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p>Nhận xét, đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức, yêu cầu.</p> <p>3. Lập kế hoạch nghiên cứu</p> <p>Yêu cầu HV hoạt động nhóm để lập kế hoạch nghiên cứu vấn đề (theo bảng mẫu trong SCD)</p> <p>HV trình bày kết quả (theo nhóm). GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p>	<p>câu hỏi nghiên cứu cần phải giải đáp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Có tính khả thi trong điều kiện học tập cụ thể của HV.</li> </ul> <p>2. Xác định được mục tiêu nghiên cứu của vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Mục tiêu về kiến thức:</i> Liên quan trực tiếp đến nội dung vấn đề nghiên cứu, có thể được xác định căn cứ ngay từ tên đề tài.</li> <li>– <i>Mục tiêu về kỹ năng:</i> Liên quan đến cách thức tiến hành nghiên cứu, đó là những kỹ năng được hình thành và phát triển ở HV khi tiến hành vấn đề nghiên cứu.</li> <li>– <i>Mục tiêu về thái độ, giá trị, hứng thú:</i> Đó là việc đáp ứng các nhu cầu, hứng thú học tập của người học khi triển khai vấn đề nghiên cứu, tạo động lực cho quá trình nghiên cứu và góp phần vào quá trình phát triển phẩm chất, bồi dưỡng các giá trị sống cho HV.</li> </ul> <p>3. Xác định được nội dung trọng tâm cần giải quyết của vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Có thể đặt ra và trả lời các câu hỏi sau để nhận diện các nội dung trọng tâm cần nghiên cứu: Vấn đề nghiên cứu có đặc điểm gì nổi bật? Vấn đề nghiên cứu được thể hiện như thế nào? Nghệ thuật thể hiện của vấn đề? Ý nghĩa của vấn đề?...</li> </ul> <p>4. Lập được kế hoạch triển khai các hoạt động nghiên cứu vấn đề được lựa chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV trình bày kế hoạch nghiên cứu vấn đề theo khung kế hoạch được giới thiệu trong SGK</li> <li>– Thống nhất trong nhóm nhiệm vụ được phân công của từng thành viên trong kế hoạch.</li> </ul>

### **3. HOẠT ĐỘNG 3: THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐỀ TÀI, VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

### a) Mục tiêu

– Phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu theo những cách đã được nêu ra (sưu tầm tài liệu từ sách báo và internet; phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia; tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn).

– Mở rộng kiến thức về văn học dân gian.

### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<b>1. Tổ chức hoạt động thực hành trên lớp/thư viện (60 phút)</b>	
<p>– GV đưa 2 vấn đề yêu cầu HV thực hành thu thập thông tin: <i>Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam</i> và <i>Hình tượng người anh hùng (hoặc người dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam</i>.</p> <p>– HV thực hành sưu tầm tài liệu từ sách báo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu; tìm kiếm thông tin trên internet về các tác phẩm, các bài viết có liên quan đến vấn đề nghiên cứu</p> <p>– GV cung cấp các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Chẳng hạn:</p> <p>+ Đinh Gia Khánh (Chủ biên, 2009), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>+ Vũ Ngọc Phan (2000), <i>Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.</p> <p>+ Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên, 2003), <i>Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>– GV hướng dẫn HV sử dụng máy tính kết nối internet hoặc sử dụng điện thoại thông minh để tra cứu, thu thập các thông tin có liên quan đến hai vấn đề nghiên cứu trên.</p> <p>Yêu cầu HV hoạt động nhóm: tìm hiểu, thu thập thông tin.</p> <p>HV trả lời câu hỏi.</p>	<p>1. Sưu tầm được những câu ca dao, dân ca có hình ảnh con cò, những bài viết về con cò trong ca dao; hoặc những truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích Việt Nam kể về những nhân vật người anh hùng hoặc bất hạnh và những bài viết liên quan tới các vấn đề đó; hoặc vấn đề khác được HV lựa chọn.</p> <p>2. Tìm hiểu, khai thác thông tin trên internet:</p> <p>HV có thể đánh từ khóa (đặt trong ngoặc kép để giới hạn phạm vi tìm kiếm) “cánh cò trong ca dao”; hoặc “người anh hùng trong truyền thuyết”, “dũng sĩ trong cổ tích”, “nhân vật mồ côi trong cổ tích”,... để tìm kiếm thông tin cho vấn đề nghiên cứu 1 hoặc 2.</p> <p><b>Lưu ý:</b></p> <p>HV chỉ được dùng tài liệu do người khác viết để tham khảo, giúp gợi mở ý tưởng, có được các bằng chứng cụ thể như ngữ liệu, số liệu; không được sao chép bài viết của người khác để làm thành</p>

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn. GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân.	nội dung bài nghiên cứu của mình, vì làm như vậy vừa vi phạm luật về bản quyền, vừa tự hạn chế tư duy tích cực của bản thân.
<b>2. Tổ chức hoạt động thực hành ngoài lớp học (tùy điều kiện thực tế)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức trải nghiệm thực tiễn (tham dự lễ hội hoặc tham quan di tích lịch sử) có liên quan đến vấn đề nghiên cứu và yêu cầu HV hoạt động nhóm hoặc cá nhân, tiến hành phỏng vấn chuyên gia hoặc tìm hiểu thực tiễn địa phương liên quan đến vấn đề nghiên cứu.</li> <li>- HV tiến hành các bước phỏng vấn chuyên gia (cá nhân hoặc nhóm) có liên quan đến vấn đề nghiên cứu; Ghi chép chi tiết các thông tin có liên quan; Trao đổi trong nhóm để biên tập, điều chỉnh nội dung ghi chép, đảm bảo phù hợp, thể hiện được các thông tin nổi bật về vấn đề.</li> <li>- HV trình bày kết quả thực hành</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn, nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hành được các bước phỏng vấn chuyên gia về vấn đề nghiên cứu, cụ thể:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu cách thức tiến hành phỏng vấn trong SCĐ.</li> <li>+ Xác định chuyên gia cần phỏng vấn.</li> <li>+ Dự kiến đề cương nội dung phỏng vấn (các câu hỏi).</li> <li>+ Liên hệ chuyên gia, xác định thời gian, địa điểm.</li> <li>+ Tiến hành phỏng vấn, ghi chép trong quá trình phỏng vấn.</li> </ul> </li> <li>2. Thực hành được các bước trải nghiệm thực tiễn (tìm hiểu về lễ hội, di tích,...) có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, cụ thể:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định địa điểm tham quan, trải nghiệm.</li> <li>+ Dự kiến các nội dung trong Phiếu ghi chép. (<i>Phụ lục</i>)</li> <li>+ Tiến hành quan sát, ghi chép theo Phiếu ghi chép.</li> </ul> </li> </ul>

#### 4. HOẠT ĐỘNG 4: XỬ LÝ, TỔNG HỢP THÔNG TIN

##### a) Mục tiêu

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng xử lý, tổng hợp tư liệu để xây dựng đề cương nghiên cứu và tiến hành viết, trình bày báo cáo nghiên cứu.
- Củng cố kiến thức về văn học dân gian

##### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p>– GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HV lựa chọn các phương pháp đã được giới thiệu trong sách chuyên đề phù hợp với vấn đề nghiên cứu để phân tích, tổng hợp thông tin, từ đó xây dựng khung nghiên cứu về vấn đề.</p> <p>– HV làm việc cá nhân hoặc nhóm, triển khai các nội dung sau:</p> <p>+ Lựa chọn phương pháp ghi chép, xử lý tổng hợp thông tin.</p> <p>+ Tiến hành xử lý, tổng hợp thông tin theo các cách phù hợp: ghi chú bên lề, phân tích theo sơ đồ tư duy, tổng hợp theo phương pháp Cornell, lập hồ sơ tư liệu.</p> <p>+ Sắp xếp thông tin thu thập được thành hệ thống ý, nhằm làm sáng tỏ từng phương diện của vấn đề và toàn bộ vấn đề.</p> <p>- Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác bổ sung ý kiến.</p> <p>- HV lắng nghe, trao đổi lại, rút kinh nghiệm kết quả làm việc của cá nhân hoặc nhóm mình.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p>GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa các yêu cầu và sản phẩm.</p>	<p><b>1. Xử lý, tổng hợp thông tin</b></p> <p>– Ghi chép, sắp xếp các thông tin theo hệ thống ý để triển khai vấn đề nghiên cứu.</p> <p>– Sử dụng các cách trình bày phù hợp: ghi chú bên lề, phân tích theo sơ đồ tư duy, tổng hợp theo phương pháp Cornell.</p> <p><b>Ví dụ: tổng hợp các thông tin về vấn đề:</b> Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian Việt Nam.</p> <p>(1) Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nguồn gốc, xuất thân: thánh thần, người phàm,...</li> <li>• Những đóng góp, chiến công: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Người anh hùng kiến tạo vũ trụ, trời đất, con người: <i>Thần Trụ Trời; Con Rồng, cháu Tiên; ...</i></li> <li>– Người anh hùng sáng tạo văn hoá: <i>Sự tích bánh chưng, bánh giầy; ...</i></li> <li>– Người anh hùng chống ngoại xâm: <i>Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thủy, ...</i></li> <li>– Người anh hùng chinh phục thiên nhiên: <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh; ...</i></li> </ul> </li> </ul> <p>(2) Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tưởng tượng, kì ảo.</li> <li>• Âm hưởng hào hùng, giọng điệu ngợi ca.</li> <li>• Hình ảnh biểu tượng.</li> </ul> <p>(3) Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dấu ấn lịch sử, giá trị văn hoá.</li> <li>• Trí tuệ dân gian và giấc mơ của người xưa.</li> </ul>

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
	<p><b>2. Lập hồ sơ tài liệu</b></p> <p>Xây dựng hồ sơ tư liệu về vấn đề nghiên cứu trên cơ sở các thông tin thu thập và xử lí, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các tác phẩm có liên quan</li> <li>– Danh mục tài liệu tham khảo</li> <li>– Các tranh ảnh, số liệu, bảng biểu</li> <li>– Các nội dung ghi chép</li> <li>– Các minh chứng khác</li> </ul> <p>Hồ sơ tư liệu là căn cứ để thực hiện các hoạt động tiếp theo (Viết, trình bày báo cáo về vấn đề văn học dân gian), đồng thời là tài liệu lưu trữ để có thể sử dụng trong các tình huống liên quan</p>

## PHỤ LỤC

### Phiếu Phỏng vấn chuyên gia

Học viên:.....

Lớp:.....

Chuyên gia phỏng vấn:.....

Thời gian:.....

Nội dung phỏng vấn	Ý kiến chuyên gia

Địa điểm:.....

**Phiếu ghi chép trải nghiệm lễ hội**

Học viên:..... Lớp:.....

Lễ hội:.....

Thời gian:.....

Địa điểm:.....

<b>Nội dung quan sát</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Nhận xét</b>
Không khí, quang cảnh lễ hội		
Số lượng người tham gia		
Các hoạt động chính của lễ hội		
Nhân vật, sự kiện văn học dân gian được phản ánh trong lễ hội		
Ý nghĩa của lễ hội		
Mối quan hệ giữa tác phẩm văn học dân gian và lễ hội		

**Phần 2. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU****Thời gian thực hiện: 6 tiết****1. HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU CÁC HƯỚNG VIẾT BÀI VÀ KIỂU BÀI NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN****a) Mục tiêu**

– Nhận biết các hướng viết bài và kiểu bài nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
– GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HV đọc và lựa chọn một kiểu bài nghiên cứu văn học dân gian ở sách chuyên đề phù hợp với vấn đề nghiên cứu đã phân tích, tổng hợp thông tin, xây dựng khung nghiên cứu ở phần 1.	Có sáu kiểu bài nghiên cứu văn học dân gian, đó là:
– HV làm việc cá nhân hoặc trao đổi	+ Kiểu bài nghiên cứu một truyện cổ dân gian. + Kiểu bài nghiên cứu tác phẩm ca dao. + Kiểu bài nghiên cứu một loại hình

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>nhóm lựa chọn một kiểu bài nghiên cứu</p> <p>- HV ghi vào phiếu phiếu đăng kí theo mẫu (họ và tên HV/ nhóm HV, lớp, tên bài viết).</p> <p>- GV chốt danh mục đăng kí bài viết và thông báo quy định chấm điểm chung cho cả nhóm, có thể cộng điểm cho người chủ chốt hoặc người đại diện nhóm trình bày báo cáo.</p>	<p>tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian.</p> <p>+ Kiểu bài nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian.</p> <p>+ Kiểu bài nghiên cứu một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian.</p> <p>+ Kiểu bài nghiên cứu một lễ hội dân gian.</p>

## **2. HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU CÁCH TRIỂN KHAI CÁC KIỂU BÀI VIẾT VÀ TÌM HIỂU VĂN BẢN THAM KHẢO**

### **a) Mục tiêu**

- Phân tích được cách triển khai các kiểu bài viết
- Củng cố về văn học dân gian.

### **b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>- Giao nhiệm vụ, yêu cầu HV đọc cách triển khai của từng loại đề tài mà nhóm đã chọn để nhận ra các bước triển khai bài viết.</p> <p>- HV trao đổi nhóm để nhận ra các bước triển khai bài viết.</p> <p>- GV chốt lại kết quả hoạt động ở từng bước. Cần chú ý làm rõ những điểm khác biệt với các bước viết bài nghị luận văn học đã học, thể hiện được phương pháp nghiên cứu (đã học ở phần 1. <i>Tập nghiên cứu</i>) và những điểm đặc thù của văn học dân gian.</p>	<p>- Các bước triển khai bài viết:</p> <p>+ Bước 1. Chuẩn bị viết – bao gồm các phần: Chọn tác phẩm/ hình tượng/ chi tiết và tìm tài liệu tham khảo; Tìm ý; Lập dàn ý.</p> <p>+ Bước 2. Viết bài.</p> <p>+ Bước 3. Đọc lại và chỉnh sửa.</p> <p>- GV có thể gợi ý:</p> <p>+ Truyện cổ dân gian: <i>Thần Trụ Trời, Thần Sét, Thần Gió; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; An Dương Vương; Thạch Sanh; Tấm Cám; Cây khế; Cây tre trăm đốt; ...</i></p> <p>+ Một số bài ca dao: <i>Đồng Đăng có phở Kỳ Lừa, Gió đưa cành trúc la đà; Cày đồng đang buổi ban trưa, Con cò mà đi ăn đêm, Thân em như tấm lụa đào, ...</i></p>



Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
	<p>+ Một số hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian: nhân vật anh hùng (Thánh Gióng, Sơn Tinh,...), nhân vật người mồ côi (Thạch Sanh, Tấm,...), nhân vật dũng sĩ (Thạch Sanh,...),...</p> <p>+ Một số hình tượng trong ca dao: con cò, dòng sông, bến – thuyền, chiếc áo,....</p> <p>+ Một số chi tiết trong truyện cổ dân gian: vật thiêng (đàn thần, niêu cơm thần, nỏ thần,...), phép biến hoá (trong <i>Thạch Sanh, Tấm Cám, Cây tre trăm đốt</i>,...).</p> <p>+ Một số lễ hội: hội Gióng (Hà Nội), hội đèn Hùng (Phú Thọ), hội đèn Cổ Loa (Hà Nội), hội Lim (Bắc Ninh), hội làng Triều khúc (Hà Nội), hội làng Mọc – Quan Nhân (Hà Nội),...</p>

### 3. HOẠT ĐỘNG 3. VIẾT BÀI, BÁO CÁO KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

#### a) Mục tiêu

– Viết được báo cáo nghiên cứu về một tác phẩm văn học dân gian.

#### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p>– GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HV thực hiện viết bài nghiên cứu về một tác phẩm văn học dân gian.</p> <p>– HV trao đổi nhóm và viết bài theo các bước đã triển khai.</p> <p>– GV nhắc HV bám sát những hướng dẫn nh nhiệm vụ. trong sách để thực hiện bài nghiên cứu và đặc biệt lưu ý hai vấn đề: Phải diễn giải các ý thành đoạn văn, rồi kết nối thành bài hoàn chỉnh; Lựa chọn ngôn từ phù hợp với văn phong khoa học.</p> <p>– GV chốt lại yêu cầu về dung lượng và nêu thời hạn nộp</p>	<p>1. Viết bài - Bài viết của HV/nhóm HV.</p> <p>2. Báo cáo kết quả (trình bày)</p> <p>3. Đánh giá bài viết (theo mẫu phiếu</p>

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p>bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trong quá trình HV thực hiện việc viết bài, GV tiếp tục kết nối, theo dõi, giải đáp thắc mắc, trợ giúp để HV hoàn thành nhiệm vụ.</li> </ul> <p>Sau khi HV viết xong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV xác định thời gian cho hoạt động báo cáo.</li> <li>– GV hướng dẫn cách thức trình bày: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Yêu cầu HV tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng. Tùy theo tình hình thực tế, GV có thể quy định số trang tương ứng với thời lượng trình bày (từ 5 đến 7 phút hoặc từ 7 đến 10 phút).</li> <li>+ Để phần trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, GV khuyến khích HV sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ.</li> <li>+ Khuyến khích HV diễn xướng một số ví dụ minh họa (kể chuyện nhập vai, diễn xướng ca dao theo làn điệu,...).</li> </ul> </li> <li>– GV lập danh sách HV sẽ trình bày kết quả nghiên cứu.</li> <li>– GV hướng dẫn HV tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại), GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ HV tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ: Tốt, Đạt, Không đạt.</li> <li>+ GV đánh giá phần trình bày báo cáo, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp. <ul style="list-style-type: none"> <li>– GV thông báo thời hạn nộp bài viết hoàn chỉnh. Nên dành thêm 1 – 2 ngày cho việc chỉnh sửa sau khi đã trình bày trước lớp.</li> <li>– GV chấm điểm bài viết, đánh dấu những lỗi diễn đạt và gợi ý sửa lỗi.</li> <li>– GV trả bài, chữa lỗi, thông báo điểm.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	<p>đánh giá bài viết của HV của SGV)</p>

## Chuyên đề 2: SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Thời gian thực hiện: 10 tiết

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực

- Hiểu được mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật sân khấu.
- Hiểu được các yếu tố cấu thành nên một kịch bản văn học, biết cách đọc hiểu và phân tích một kịch bản văn học.
- Hiểu được ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu, các yếu tố như lời thoại, hành động, lời dẫn, bố cục, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất, đạo cụ để có thể cảm thụ, đánh giá được các tác phẩm sân khấu.
- Thực hành sân khấu hoá các tác phẩm văn chương.
- Phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, giải quyết vấn đề một cách khoa học và có kế hoạch.

#### 2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu văn học, các loại hình sân khấu, yêu cái đẹp
- Có ý thức tự giác trong các hoạt động của lớp học
- Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- GV: Các bảng biểu, kế hoạch hướng dẫn cho HV.
- HV: Các video, clip vở kịch mà HS sưu tầm hoặc chuyển thể, cải biên từ các tác phẩm văn học (Ví dụ: Vở kịch Lời nói dối cuối cùng,...).

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Phần 1. TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

#### 1. HOẠT ĐỘNG 1. ĐỌC KỊCH BẢN SÂN KHẤU

##### a) Mục tiêu:

- HV hiểu thế nào là kịch bản sân khấu.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ sân khấu.

##### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p>- GV tổ chức cho HV làm việc theo nhóm, trao đổi và trả lời câu hỏi khởi động. Sau đó, GV có thể mời đại diện một số nhóm chia sẻ và GV tổng kết.</p> <p>Gợi ý: Trong văn học dân gian Việt Nam, có thể kể đến một số nhân vật nói dối như lão nhà giàu trong truyện <i>Cây tre trăm đốt</i>, Lý Thông trong truyện <i>Thạch Sanh</i>, mẹ con nhà Cám trong truyện <i>Tấm Cám</i>,... Trong văn học dân gian thế giới, có thể kể đến một số nhân vật nói dối như chú bé chăn cừu trong truyện <i>Chú bé chăn cừu</i> (truyện ngụ ngôn Ê-dốp),...</p> <p>- HV làm việc cá nhân, thảo luận nhóm sau đó cử đại diện trình bày.</p>	<p>Thuyết trình, trình bày/vẽ sơ đồ trên giấy A0.</p>
<p>- GV tổ chức cho HV phân vai để cùng đọc trên lớp. Cần có chín HV tham gia phần đọc này.</p> <p>- 01 HV đọc phần tóm tắt vở kịch, bài hát cuối cùng và những lời dẫn, HV đọc phân vai.</p>	<p>HV đọc lưu loát, nhập vai.</p>
<p>- GV dựa vào nội dung trong phần tóm tắt kịch bản trong Chuyên đề học tập (CDHT) Ngữ văn 10 và các tài liệu được gợi ý trong phần Tài liệu tham khảo để tự tìm hiểu thêm và giới thiệu với HV về kịch bản.</p> <p>- HV trả lời các câu hỏi ở phần Trả lời câu hỏi sau khi đọc.</p>	<p>Câu trả lời của các nhóm đã được GV GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>

## 1. HOẠT ĐỘNG 2. XEM VỞ DIỄN

**a) Mục tiêu:** HV nhận biết được ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu, các yếu tố như lời thoại, hành động, lời dẫn, bố cục, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất, đạo cụ để có thể cảm thụ, đánh giá được các tác phẩm sân khấu.

### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p>- GV tổ chức cho HV xem vở diễn có thể ở nhà hoặc trên lớp, tùy điều kiện của từng trường, lớp</p>	<p>GV tổng kết và lưu ý HV: Vở diễn trên sân khấu là một sáng tạo của tập thể. Mỗi thành viên trong ê-kíp sản</p>

<p>- HV xem vở diễn và trả lời các câu hỏi sau khi xem.</p>	<p>xuất, bằng trải nghiệm cuộc sống, cảm nhận riêng của mình, sẽ đem lại cho kịch bản một cách tiếp cận riêng, một đời sống riêng. Vì thế, mỗi lần công diễn là một lần kịch bản văn học được tái sinh trong một hình hài mới, mang một thông điệp mới.</p>
<p>- GV có thể tổ chức cho HV xem một vở diễn khác dựa trên kịch bản chuyển thể một tác phẩm văn học nào đó đã quen thuộc. - HV thực hiện các yêu cầu của GV.</p>	<p>Sản phẩm của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>

## **Phần 2. THỰC HÀNH SÂN KHẤU HÓA TÁC PHẨM VĂN HỌC**

### **HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU NHỮNG NHÂN TỐ CƠ BẢN CỦA HOẠT ĐỘNG SÂN KHẤU**

**a) Mục tiêu:** HV nhận biết được những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá và các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>- GV yêu cầu HV đọc kĩ các hướng dẫn về những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá và các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học trong CDHT. GV có thể yêu cầu HV sơ đồ hoá các thông tin mình vừa đọc. - HV đọc hướng dẫn, thực hiện các yêu cầu của GV: trả lời câu hỏi, vẽ sơ đồ.</p>	<p>Sản phẩm của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>
<p>- GV có thể có thể đặt câu hỏi mở rộng để khuyến khích HV, đặc biệt là những em có niềm đam mê với nghệ thuật sân khấu, tìm hiểu trước ở nhà và trình bày lại những điểm mới mẻ mà mình đã thu nhận được sau quá trình tìm hiểu.</p>	<p>Sản phẩm của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>

- HV thực hiện các yêu cầu của GV.	
- GV cũng có thể đặt các câu hỏi liên hệ, giúp HV kết nối những tri thức vừa học với kinh nghiệm thực tiễn của bản thân. GV cần khuyến khích HV chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau. Ví dụ: Bạn đã bao giờ sân khấu hoá một tác phẩm văn học? Hãy mô tả lại quá trình làm việc của bạn. Qua kinh nghiệm thực tiễn đó, bạn đã rút ra được những bài học gì?	Sản phẩm của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.
- HV thực hiện các yêu cầu của GV.	

## 2. HOẠT ĐỘNG 2. THỰC HÀNH SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

### a) Mục tiêu:

- HV biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.

### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<p>- GV hướng dẫn HV cách lên ý tưởng, lập kế hoạch và theo dõi, giám sát, đánh giá, đồng thời tạo động lực cho HV trong suốt quá trình thực hiện:</p> <p>+ Bước 1. Chọn lựa tác phẩm và tìm kiếm ý tưởng.</p> <p>+ Bước 2. Lựa chọn hướng sân khấu hoá. Ví dụ: (1) Thay đổi kết thúc, (2) Thay đổi bối cảnh.</p> <p>+ Bước 3. Lựa chọn hình thức biểu diễn: có thể trình diễn vở kịch dưới dạng kịch nói trên sân khấu của trường, hoặc xây dựng một video kịch ngắn.</p> <p>- HV làm việc nhóm để tự xây dựng ý tưởng sân khấu hoá.</p> <p>- Các nhóm thuyết trình về kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác nêu nhận xét, bổ sung, phản biện để giúp hoàn thiện ý tưởng.</p>	<p>Ý tưởng của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng trong hoạt động sân khấu hoá.</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HV cách lập dàn ý cho kịch bản thông qua một ví dụ cụ thể.</li> <li>- HV làm việc nhóm, xây dựng dàn ý để triển khai ý tưởng mà cả nhóm đã chọn.</li> <li>- Các nhóm trình bày lại kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác bổ sung, góp ý để giúp hoàn thiện dàn ý.</li> </ul>	<p>Khung kịch bản của các nhóm (lưu ý: phân chia thành các hồi, lớp, cảnh phù hợp). Trên cơ sở đó, GV tổng kết và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lập dàn ý, cung cấp phiếu học tập giúp HV lập dàn ý hiệu quả.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HV viết kịch bản sân khấu: GV hướng dẫn HV thảo luận để viết chỉ dẫn sân khấu cho một cảnh cụ thể trong dàn ý (cách bài trí sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên, cách xử lí âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,...); viết lời thoại (lưu ý: lời thoại phải bộc lộ được tính cách nhân vật, xung đột chính trong vở kịch, tạo ấn tượng cho người xem).</li> <li>- HV thảo luận nhóm và viết kịch bản, lời thoại cho nhân vật,...</li> </ul>	<p>- Kịch bản chi tiết của các nhóm. Trên cơ sở đó, GV tổng kết hoạt động, lưu ý HV cách viết kịch bản sân khấu.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HV tập theo kịch bản và chỉnh sửa kịch bản; thảo luận với HV cùng lựa chọn một kịch bản tốt nhất để sân khấu hoá, dựa trên kết quả làm việc của các nhóm.</li> <li>- Các nhóm HV tự thực hiện ngoài giờ học.</li> <li>- GV theo dõi, giám sát quá trình làm việc của HV và nhắc nhở, hỗ trợ khi cần.</li> <li>- GV tổ chức tổng duyệt và hướng dẫn HV thảo luận để hoàn thiện vở diễn trước khi biểu diễn chính thức.</li> </ul>	<p>Sản phẩm hoàn chỉnh của các nhóm (có thể trình diễn trực tiếp/ quay video, clip)</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho các nhóm HV biểu diễn có thể diễn ra trên sân khấu thực, hoặc có thể được đăng tải dưới các hình thức truyền thông khác như video, audio,...</li> <li>- GV hướng dẫn HV kĩ năng chuẩn bị, thực hiện và rút kinh nghiệm trước, trong và sau khi biểu diễn.</li> <li>- HV trình diễn sản phẩm của nhóm.</li> </ul>	<p>Sản phẩm của các nhóm đã được GV và các nhóm HV khác góp ý để giúp HV trải nghiệm và thu thập được những kinh nghiệm từ thực tiễn.</p>

### **Phần 3. Củng cố, mở rộng**

GV có thể giao nhiệm vụ này cho HV thực hiện ở nhà, ngoài giờ lên lớp. HV có thể làm việc theo nhóm. Tùy theo điều kiện, kết quả làm việc có thể được gửi tới GV theo nhiều hình thức khác nhau: một video, một kịch bản, một bài thuyết trình về ý tưởng hoặc một buổi biểu diễn trước lớp,...

Trong quá trình HV làm việc, GV có thể cung cấp các công cụ hướng dẫn và giúp HV thực hiện tốt nhiệm vụ của mình như: mẫu kế hoạch sân khấu hoá, dàn ý kịch bản sân khấu, bảng kiểm công việc,...



### **Chuyên đề 3. ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC TIỂU THUYẾT**

**Thời gian thực hiện: 10 tiết**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

##### **1. Năng lực**

- Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết để tự nhận thức được ý nghĩa của việc đọc, rút ra được các kinh nghiệm cần thiết, từ đó có thể thực hành đọc hiệu quả một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết mà mình lựa chọn theo các bước đã được giới thiệu.

- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết: từ việc xác định mục đích của việc viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, HV biết được các hướng trình bày bài giới thiệu của cá nhân (hướng nghiên cứu, phê bình; hướng thưởng thức, tri âm; hướng giới thiệu, quảng bá,...

- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết theo 02 hình thức: (1) Cá nhân HV trình bày bài nói trên cơ sở bài viết của mình; trong khi một HS trình bày bài nói, các HV khác chú ý lắng nghe, ghi chép và chuẩn bị ý kiến để trao đổi, thảo luận; có thể tổ chức nhóm HV thảo luận, trao đổi để lựa chọn bài viết tốt và cử đại diện trình bày bài nói có sự đóng góp của nhóm; (2) Tổ chức sự kiện giới thiệu sách, với sự tham gia của các nhóm trong lớp, mỗi nhóm phụ trách một công việc khác nhau (trang trí, dẫn chương trình, trình bày bài giới thiệu,...).

##### **2. Phẩm chất**

- HV có hứng thú, đam mê đối với việc giới thiệu, quảng bá các tập thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết trong và ngoài nhà trường;

- Tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được GV và các bạn giao trong quá trình học tập.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- GV: Các phiếu học tập, bảng biểu, kế hoạch hướng dẫn cho HV.

- HV: Phiếu học tập để chuẩn bị nội dung thảo luận. Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Phần 1. ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

##### 1. HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU VỀ CÁCH ĐỌC

###### a) Mục tiêu:

HV biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết trong sách giáo khoa.

###### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV hướng dẫn HV tìm hiểu về cách đọc thông qua ví dụ cụ thể:</li><li>+ Tìm hiểu thông tin khái quát về cuốn sách: nhan đề, xuất xứ, tác giả, bìa trước, bìa sau, mục lục,...</li><li>+ Đọc từng tác phẩm cụ thể.</li><li>+ Đánh giá chung về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.</li><li>- HV thực hiện các yêu cầu của GV.</li></ul>	Sản phẩm của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.

##### 2. HOẠT ĐỘNG 2. THỰC HÀNH ĐỌC

###### a) Mục tiêu:

HV vận dụng thành thạo vào việc đọc hiểu mở rộng trong thực tiễn.

###### b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV hướng dẫn HV tự đọc ở nhà theo hình thức đọc cá nhân hoặc đọc theo nhóm.</li><li>- GV hướng dẫn HV ghi thông tin vào phiếu đọc sách.</li><li>- HV thực hiện các yêu cầu của GV.</li></ul>	Sản phẩm của các nhóm đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.

**Ví dụ: Phiếu đọc một tập truyện ngắn:**

<b>PHIẾU ĐỌC SÁCH</b>
Người đọc:
Lớp:

### **I. Thông tin chung về tác phẩm**

1. Tên tác phẩm:
2. Thể loại:
3. Tác giả:
4. Nhà xuất bản:
5. Nơi xuất bản:
6. Năm xuất bản:
7. Số trang:
8. Khổ:

### **II. Thông tin cụ thể**

1. Chủ đề
2. Bối cảnh
3. Cốt truyện
4. Hệ thống nhân vật
5. Hình tượng nổi bật
6. Cách kể

### **III. Ấn tượng chung của người đọc**

## **Phần 2. VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT**

### **1. HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU MỘT SỐ HƯỚNG VIẾT BÀI**

#### **a) Mục tiêu**

HV hiểu được các mục đích khác nhau khi viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, tương ứng với từng mục đích là các kiểu văn bản được tạo lập, từ đó HV có thể xác định được mục đích viết và biết cách viết bài giới thiệu cụ thể cho một tập thơ, một tập truyện ngắn hay tiểu thuyết mà mình đã đọc.

#### **b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu cụ thể hơn về cách viết bài về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu	Sản phẩm của HV đã được GV điều chỉnh,

<p>thuyết theo ba hướng trên qua việc tìm hiểu các văn bản có đặc điểm gần với ba kiểu loại văn bản quen thuộc là văn bản nghị luận, biểu cảm và thông tin.</p> <p>- HV thực hiện các yêu cầu của GV.</p>	<p>góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>
<p>- GV có thể chia nhóm HV theo ba hướng lựa chọn “vai” để tìm hiểu ba bài đọc tương ứng. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu yêu cầu chung của bài viết và tìm hiểu cụ thể bài đọc theo hướng mình lựa chọn.</p> <p>- HV thực hiện các yêu cầu của GV.</p>	<p>Sản phẩm của HV đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>

## 2. HOẠT ĐỘNG 2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI

a) **Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

<b>Hoạt động của GV và HV</b>	<b>Sản phẩm cần đạt</b>
<p>- GV có thể tổ chức cho HV viết bài tại lớp hoặc ở nhà, có thể viết tay hoặc đánh máy bài viết. Đối với bài viết theo hướng quảng bá, phát triển văn hoá đọc, GV có thể khuyến khích HV tạo lập văn bản theo nhóm và theo các hình thức quảng bá sinh động (phối hợp kênh chữ và kênh hình kết hợp âm thanh,...).</p> <p>- HV thực hiện viết bài theo các yêu cầu của GV.</p>	<p>Sản phẩm của HV đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>
<p>- GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả.</p> <p>- HV báo cáo kết quả theo nhóm/ lớp giới thiệu về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, HV trình bày, báo cáo sản phẩm trước nhóm, lớp, qua đó biết cách tự đánh giá được kết quả bài viết của bản thân và đánh giá được bài viết của bạn.</p>	<p>Sản phẩm của HV đã được GV điều chỉnh, góp ý nếu cần. Trên cơ sở đó, GV tổng kết và chốt kiến thức cho HV.</p>

### **Phần 3. GIỚI THIỆU DƯỚI HÌNH THỨC NÓI VỀ MỘT TẬP THƠ,**

### **MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT**

#### **1. HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA VIỆC THUYẾT TRÌNH**

a) **Mục tiêu**

HV trình bày được các yêu cầu của bài thuyết trình giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết dưới hình thức thuyết trình trước lớp.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HV tìm hiểu yêu cầu của bài thuyết trình thông qua ví dụ cụ thể, thông qua các nhiệm vụ cá nhân/nhóm.</li> <li>- HV thực hiện các yêu cầu của GV</li> </ul>	HV biết được các yêu cầu khi thuyết trình: đáp ứng mục đích cụ thể của việc giới thiệu cuốn sách (tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết); thể hiện được đầy đủ các thông tin cơ bản, giúp người nghe nắm được nhan đề, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, lần xuất bản/tái bản, những nét chính về nội dung và nghệ thuật,... của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết; hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU CÁCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THUYẾT TRÌNH**

**a) Mục tiêu:** HV trình bày được bài thuyết trình giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết trước lớp.

**b) Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và HV	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HV sử dụng kết quả của bài viết đã thực hiện ở phần Viết hoặc lựa chọn tập thơ, tập truyện ngắn, cuốn tiểu thuyết theo các hướng: cuốn sách có văn bản giới thiệu trong SGK Ngữ văn 10; cuốn sách mới xuất bản; cuốn sách thu hút sự quan tâm của nhiều người; cuốn sách đề cập đến các vấn đề trong đời sống của giới trẻ hiện nay,... GV hỗ trợ HV tìm tác phẩm (mua ở hiệu sách, mượn từ thư viện, mượn từ tủ sách cá nhân,...). Cuốn sách được chọn phải phù hợp với mục đích giới thiệu đã xác định.</li> </ul>	Sản phẩm của HV đã được các nhóm HV và GV góp ý, bổ sung, hoàn thiện.

- HV thực hiện các yêu cầu của GV	
- GV hướng dẫn HV xây dựng đề cương thuyết trình. - HV xây dựng và trình bày đề cương.	Đề cương thuyết trình của HV đã được góp ý, bổ sung.
- GV hướng dẫn cho HV cách trình bày bài thuyết trình; hướng dẫn HV phân tích, trao đổi để rút kinh nghiệm và đánh giá về năng lực của HV. - HV thuyết trình trước lớp.	Bài thuyết trình của HV đã được GV và các HV khác góp ý, bổ sung, hoàn thiện.

Sau khi tổ chức, hướng dẫn HV thuyết trình, GV có thể đánh giá hoặc hướng dẫn HV tự đánh giá sản phẩm của mình theo phiếu đánh giá sau:

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN</b>				
<b>Nội dung đánh giá</b>		<b>Mức độ</b>		
		<b>Tốt</b>	<b>Đạt</b>	<b>Chưa đạt</b>
<b>Nội dung nói</b>	Thể hiện mục đích giới thiệu			
	Truyền đạt các thông tin chung về cuốn sách			
	Giới thiệu đặc điểm hình thức, thể loại, ngôn ngữ của cuốn sách			
<b>Cách trình bày</b>	Phong thái tự tin, sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp			
	Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ			
	Tương tác với người nghe			

**PHỤ LỤC**  
**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  
*(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)*

**TRUNG TÂM ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỔ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  
**MÔN HỌC NGỮ VĂN**  
**KHỐI LỚP 10**  
 (Năm học 2022- 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** ..... lớp; **Số học viên:** .....; **Số học viên học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**.....

**2. Tình hình đội ngũ:** **Số giáo viên:** .....; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: .....; Đại học: ..... ; Trên đại học: ....

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên <sup>1</sup>:**  
 Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

**3. Phương tiện, thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các phương tiện, thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Phương tiện, thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành
1	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là truyện và sử thi: – Hệ thống VB đọc mở rộng về truyện (truyện thần thoại, truyện trung đại, truyện hiện đại). – Tranh ảnh, video liên quan nội dung VB truyện, sử thi. – Phiếu học tập.		Bài 1. Sức hấp dẫn của truyện kể Bài 7. Quyền năng của người kể chuyện Bài 4. Sức sống của sử thi

<sup>1</sup> Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2	<p>Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hệ thống VB đọc mở rộng về thơ (thơ hai-cư, thơ Đường, thơ hiện đại).</li> <li>– Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung văn bản thơ.</li> <li>– Phiếu học tập.</li> </ul>		<p>Bài 2. Vẻ đẹp của thơ ca</p> <p>Bài 6. Nguyễn Trãi – dành, còn để trợ dân này</p> <p>Bài 9. Hành trang cuộc sống</p>
4	<p>Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là kịch bản văn học sân khấu dân gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tranh, ảnh, video về các tích chèo, tuồng trong bài học.</li> <li>– Phiếu học tập.</li> </ul>		<p>Bài 5. Tích trò sân khấu dân gian</p>
5	<p>Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hệ thống VB đọc mở rộng về VB nghị luận (nghị luận xã hội, nghị luận văn học).</li> <li>– Sơ đồ về mạch lập luận trong các VB nghị luận.</li> <li>– Phiếu học tập.</li> </ul>		<p>Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận</p> <p>Bài 6. Nguyễn Trãi – dành, còn để trợ dân này</p> <p>Bài 9. Hành trang cuộc sống</p>
6	<p>Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là văn bản thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hệ thống VB thông tin đọc mở rộng (VB thông tin về các vấn đề văn hoá, khoa học, nghệ thuật; Bản tin; VB nội quy hoặc hướng dẫn nơi công cộng).</li> <li>– Các loại phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, biểu đồ, infographic,...)</li> <li>– Phiếu học tập.</li> </ul>		<p>Bài 8. Thế giới đa dạng của thông tin</p>



## II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

### 1. Phân phối chương trình

Học kì 1: 18 tuần, 54 tiết

STT	Bài học (1)	Tiết/ Tuần (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	<b>Bài 1. Sức hấp dẫn của truyện kể (Số tiết: 11)</b> Đọc VB 1,2,3: <i>Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới</i>	<b>1-2</b> <b>1</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– HV nhận biết được đặc điểm cơ bản của truyện thần thoại nói chung và của từng nhóm truyện: thần thoại suy nguyên, thần thoại sáng tạo.</li><li>– HV nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật.</li><li>– HV hiểu được cách nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên của người xưa; thấy được vẻ đẹp “một đi không trở lại” làm nên sức hấp dẫn riêng của thể loại thần thoại</li></ul>
2	Đọc VB 4: <i>Tản Viên từ Phán sự lục</i>	<b>3-4</b> <b>1-2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– HV nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện (truyện kì): cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, chi tiết; qua đó hiểu được vai trò của các yếu tố này trong việc tạo nên sức hấp dẫn của truyện kể.</li></ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV phân tích và đánh giá được chủ đề của truyện, hiểu được tư tưởng và những thông điệp mà Nguyễn Dữ gửi gắm vào tác phẩm.</li> <li>– Hình thành, bồi đắp cho HV lòng can đảm, tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải</li> </ul>
<b>3</b>		<p>Đọc VB 5: <i>Chữ người tử tù</i></p>	<b>5-7</b>	<b>2-3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật; phân tích được bối cảnh, tình huống truyện.</li> <li>– HV cần khái quát được đặc điểm tính cách của hai nhân vật Huân Cao và quản ngục; hiểu được chủ đề của tác phẩm.</li> <li>– Góp phần hình thành, bồi đắp cho HV tình yêu, sự trân trọng cái đẹp và sự tài hoa</li> </ul>
<b>4</b>		<p>Thực hành tiếng Việt: <i>Sử dụng từ Hán Việt</i></p>	<b>8</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết cách giải nghĩa từ Hán Việt, tránh được lỗi dùng từ sai nghĩa.</li> <li>– HV nhận biết được hiệu quả sử dụng từ Hán Việt.</li> </ul>
<b>5</b>		<p>Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm truyện (Chủ đề, những nét đặc sắc về</p>	<b>9</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện và viết được bài văn thuộc kiểu văn bản này.</li> </ul>

		hình thức nghệ thuật) – Hướng dẫn viết, HV làm bài ở nhà			– HV nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài như đã nêu trong SGK.
<b>6</b>		Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm truyện	<b>10</b>	<b>4</b>	– HV biết giới thiệu, đánh giá (dưới hình thức thuyết trình) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện (theo lựa chọn cá nhân). HV biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng. – HV nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đã nêu trong SGK. Trong đó, yêu cầu thứ nhất đề cập đến nội dung của bài nói, yêu cầu thứ hai đề cập đến hình thức của bài nói.
<b>7</b>		Viết (tiếp): Trả bài viết thực hiện thực hiện ở nhà, theo hướng dẫn ở tiết 9	<b>11</b>	<b>4</b>	– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.
<b>8</b>	<b>Bài 2. Về đẹp của thơ ca (Số tiết: 11)</b>	Đọc VB 1,2,3: <i>Chùm thơ hai-cư</i>	<b>12</b>	<b>4</b>	– HV nhận diện được hình thức thơ hai-cư. – HV nhận diện và đánh giá được sức hấp dẫn của thơ hai-cư nói riêng, của thơ ca nói chung trên hai phương diện: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô

					<p>động, hàm súc.</p> <p>– HV hình thành được thái độ trân trọng, nâng niu, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, sự sống.</p>
<b>9</b>		Đọc VB 4: <i>Thu hứng</i>	<b>13-14</b>	<b>5</b>	<p>– HV nhận diện, phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ Đường luật viết bằng chữ Hán như từ ngữ, hình ảnh, vần, đối, nhân vật trữ tình,... trong thơ cổ.</p> <p>– HV thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa những tác phẩm thơ thuộc các nền văn hoá khác nhau, trong cùng thời kì trung đại, qua tìm hiểu tác phẩm <i>Thu hứng</i> (đại diện cho thơ Đường, Trung Quốc), chùm thơ hai-cư (Nhật Bản) và một số bài thơ trung đại Việt Nam (đã học).</p> <p>– HV thấy được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi sự rung động thẩm mỹ, giúp nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ Đường luật (luật thi).</p>
<b>10</b>		Đọc VB 5: <i>Mùa xuân chín</i>	<b>15-16</b>	<b>5-6</b>	<p>– HV cần nhận diện và phân tích được giá trị thẩm mỹ của tổ chức ngôn từ trong thơ bao gồm: nhịp</p>

					<p>điệu, nhạc điệu, các cách kết hợp từ ngữ độc đáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hình thành được ý niệm về thơ hiện đại trong sự phân biệt với các hình thái thơ ca cổ điển đã giới thiệu trước đó.</li> <li>– HV biết liên hệ, so sánh các tác phẩm văn học thuộc các truyền thống, các thời kì văn hoá khác nhau.</li> <li>– HV hình thành được khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con người.</li> </ul>
<b>11</b>		<p>Đọc VB 6: <i>Bản hoà âm ngôn từ trong Tiếng thu của Lưu Trọng Lư</i></p>	<b>17</b>	<b>6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>–HV có thể hệ thống hoá lại các đơn vị kiến thức về đặc trưng của thơ và phương pháp để đánh giá giá trị thẩm mỹ của một tác phẩm thơ.</li> <li>–HV cũng có thể nắm bắt được các bước đi, các thao tác cần thiết để viết một bài nghị luận về thơ ca.</li> <li>– HV củng cố và mở rộng những hiểu biết của mình về phong trào Thơ mới.</li> </ul>
<b>12</b>		<p>THTV: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa</p>	<b>18</b>	<b>6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận diện được các lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ trong câu và biết cách sửa lỗi.</li> <li>– HV phân biệt được lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ trong câu với một số biện pháp tu</li> </ul>

					<p>từ thường được dùng trong các văn bản văn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết cách tra từ điển để hiểu nghĩa của từ, tránh được những lỗi sai khi dùng từ.</li> <li>– HV biết được bối cảnh giao tiếp để từ đó biết cách dùng từ, đặt câu hợp lí.</li> </ul>
<b>13</b>		<p>Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ – Hướng dẫn viết, HV làm bài tại lớp</p>	<b>19-20</b>	<b>7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn.</li> <li>– Nêu khái quát về điểm đặc sắc, thú vị trong bài thơ</li> <li>– Vấn đề sẽ được tập trung phân tích đánh giá.</li> <li>– Làm sáng tỏ các khía cạnh cụ thể của điểm được xem là đặc sắc, thú vị trong bài thơ.</li> <li>– Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và khẳng định giá trị chung của bài thơ.</li> </ul>
<b>14</b>		<p>Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ</p>	<b>21</b>	<b>7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.</li> <li>– Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe.</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.</li> </ul>
15		Viết (tiếp): Trả bài viết thực hiện tại lớp ở tiết 20	22	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> </ul>
16	<b>Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận (11 tiết)</b>	Đọc VB 1: <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>	23-24	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.</li> <li>– HV phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản.</li> <li>– HV có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết.</li> </ul>
17		Đọc VB 2: <i>Yêu và đồng cảm</i>	25-26	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách</li> </ul>

					<p>tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.</li> <li>– HV thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.</li> </ul>
<b>18</b>		Đọc VB 3: <i>Chữ bầu lên nhà thơ</i>	<b>27-28</b>	<b>9-10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.</li> <li>– HV phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên “khuôn mặt” riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.</li> <li>– HV có được nhận thức đầy đủ hơn về lao động thơ và về nhà thơ.</li> </ul>
<b>19</b>		THTV: Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn	<b>29</b>	<b>10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV củng cố được kiến thức về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn</li> </ul>



		văn, văn bản			văn, văn bản. – HV nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản; nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
<b>20</b>		Viết: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm – Hướng dẫn viết, HV làm bài ở nhà	<b>30</b>	<b>10</b>	– HV hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục. – HV biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm theo các bước được hướng dẫn.
<b>21</b>		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau	<b>31</b>	<b>11</b>	– HV nắm được cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau (tham gia với tư cách người phát biểu ý kiến hay với tư cách người nghe – hai tư cách này thường có sự hoán vị liên tục trong cuộc thảo luận). – HV biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với những người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề xã hội đã xác định.
<b>22</b>		Viết (tiếp): Trả bài viết thực hiện thực hiện ở nhà, theo hướng dẫn ở	<b>32</b>	<b>11</b>	– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.

		tiết 30			– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.
<b>23</b>	<b>Kiểm tra giữa kì</b>		<b>33</b>	<b>11</b>	HV biết vận dụng những điều đã học để thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài.
<b>24</b>	<b>Trả bài kiểm tra &amp; Đọc mở rộng</b>		<b>34</b>	<b>12</b>	– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. – HV biết trao đổi, thảo luận về những VB đọc mở rộng.
<b>25</b>	<b>Bài 4. Sức sống của sử thi (9 tiết)</b>	Đọc VB 1: <i>Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác</i>	<b>35-37</b>	<b>12-13</b>	– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi. – Hiểu được đặc sắc của văn hoá Hy Lạp cổ đại qua sử thi <i>I-li-át</i> . – Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản. – Hiểu được ảnh hưởng của sử thi <i>I-li-át</i> trong văn hoá của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.
<b>26</b>		Đọc VB 2: <i>Đăm Săn đi bắt Nữ</i>	<b>38-39</b>	<b>13</b>	– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử

		<i>Thần Mặt Trời</i>			<p>thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.</li> <li>– Biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi.</li> </ul>
<b>27</b>		THTV: Sử dụng trích dẫn, cước chú và đánh dấu phân bị tỉnh lược trong VB	<b>40</b>	<b>14</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hiểu được cách đánh dấu phân bị tỉnh lược trong văn bản.</li> <li>– HV hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.</li> </ul>
<b>28</b>		Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề – Hướng dẫn viết, HV thực hiện báo cáo nghiên cứu ở nhà	<b>41</b>	<b>14</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nắm được cấu trúc của một báo cáo nghiên cứu.</li> <li>– HV hiểu được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu.</li> <li>– HV biết cách sử dụng trích dẫn, cước chú trong bài viết.</li> <li>– HV hiểu được những quy định về sở hữu trí tuệ để tránh đạo văn.</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>HV biết vận dụng các phương tiện phù hợp để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin trong báo cáo nghiên cứu.</li> </ul>
<b>29</b>		Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề	<b>42</b>	<b>14</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HV hiểu được ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức thuyết trình một hoạt động tiếp nối việc viết báo cáo nghiên cứu đã thực hiện trước đó.</li> <li>HV nắm vững cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu đã đạt được để có thể khơi dậy sự chia sẻ tích cực ở người nghe.</li> </ul>
<b>30</b>		Viết (tiếp): Trả bài viết được thực hiện ở nhà, theo hướng dẫn ở tiết 40	<b>43</b>	<b>15</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HV biết tự nhận xét về báo cáo nghiên cứu của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về báo cáo nghiên cứu của bạn.</li> <li>HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc thực hiện một báo cáo nghiên cứu.</li> </ul>
<b>31</b>	<b>Bài 5. Tích trò sân khấu dân gian (7 tiết)</b>	Đọc VB 1: <i>Xuý Vân giả dại</i>	<b>44-45</b>	<b>15</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HV nắm được một số nét đặc trưng của nghệ thuật chèo truyền thống thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại.</li> <li>HV hiểu được văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện</li> </ul>

					là yếu tố quan trọng nhất làm nền cho toàn bộ hoạt động biểu diễn của một vở chèo. – HV đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xuý Vân.
<b>32</b>		Đọc VB 2: <i>Huyện đường</i>	<b>46</b>	<b>16</b>	– HV nắm được một số đặc điểm của tuồng dân gian thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại. – HV cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm của cảnh tuồng <i>Huyện đường</i> .
<b>33</b>		Đọc VB 3: <i>Hiện đại soi bóng tiền nhân</i>	<b>47</b>	<b>16</b>	– HV củng cố được kiến thức về đặc điểm của văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng. – HV hiểu được đặc sắc của rối nước – một loại hình nghệ thuật biểu diễn đã cùng với chèo, tuồng làm nên những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam.
<b>34</b>		Viết: Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền	<b>48</b>	<b>16</b>	– HV củng cố được những hiểu biết về một báo cáo nghiên cứu với những yêu cầu đặc thù về nội dung và

		<p>thống Việt Nam)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hướng dẫn viết, HV thực hiện báo cáo nghiên cứu ở nhà</li> </ul>			<p>hình thức (đã học ở Bài 4 – <i>Sức sống của sử thi</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.</li> </ul>
<b>35</b>		<p>Nói và nghe: Lắng nghe và phản hồi về kết quả thuyết trình một bài nghiên cứu</p>	<b>49</b>	<b>17</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hiểu rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.</li> <li>– HV nắm bắt đúng và đánh giá được các nội dung cơ bản của bài thuyết trình (vấn đề nghiên cứu, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,...).</li> <li>– HV nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả.</li> <li>– HV hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,... khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu.</li> <li>– HV thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được</li> </ul>

36		Viết (tiếp): Trả bài viết được thực hiện ở nhà, theo hướng dẫn ở tiết 47	50	17	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về báo cáo nghiên cứu của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về báo cáo nghiên cứu của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc thực hiện một báo cáo nghiên cứu.</li> </ul>
37	Ôn tập		51	17	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hệ thống hoá những kiến thức đã được học trong SGK <i>Ngữ văn 10</i>, tập một.</li> <li>– Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.</li> </ul>
38	Kiểm tra cuối kì		52-53	18	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết yêu cầu của bài kiểm tra.
39	Trả bài kiểm tra cuối kì		54	18	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> </ul>

### Học kì 2: 17 tuần, 51 tiết

STT	Bài học		Tiết/ Tuần		Yêu cầu cần đạt
	(1)		(2)		(3)
1	Bài 6. Nguyễn	Đọc VB 1: <i>Tác gia Nguyễn Trãi</i>	1-2	1	– HV tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu

	<p><b>Trãi – Dành còn để trợ dân này (Số tiết: 12)</b></p>			<p>sử của Nguyễn Trãi. – HV nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm <i>Bình Ngô đại cáo</i>, <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43), <i>Dục Thúy sơn</i> và các văn bản thực hành đọc. – HV hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc; biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc</p>
<p><b>2</b></p>		<p>Đọc VB 2: <i>Bình Ngô đại cáo</i></p>	<p><b>3-5</b></p>	<p><b>1-2</b> – HV vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức đã giới thiệu trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> để đọc hiểu <i>Bình Ngô đại cáo</i> – tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông. – HV nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong một văn bản văn học cụ thể qua thực hành phân tích <i>Bình Ngô đại cáo</i>. – HV nhận biết và phân</p>



					<p>tích được bố cục, mạch nghị luận, các lí lẽ và bằng chứng trong một văn bản nghị luận cổ qua tìm hiểu <i>Bình Ngô đại cáo</i> với tư cách là một tác phẩm cáo điển hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết cách phân tích, bình luận về vai trò của yếu tố biểu cảm trong các tác phẩm nghị luận cổ qua việc chỉ ra được những biểu hiện cụ thể của yếu tố này ở <i>Bình Ngô đại cáo</i>.</li> <li>– HV biết kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc như Lê Lợi, Nguyễn Trãi,...</li> </ul>
<b>3</b>		<p>Đọc VB 3: <i>Bảo kính cảnh giới</i> (Bài 43)</p>	<b>6</b>	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được đặc điểm hình thức của thể loại thơ Nôm Đường luật và nội dung của chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i>.</li> <li>– HV nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43). Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật.</li> <li>– HV hiểu được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của</li> </ul>

					tác giả thể hiện trong bài thơ.
		Đọc VB 4: <i>Dục Thuý sơn</i>	<b>7</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức được giới thiệu trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngữ ngôn của Nguyễn Trãi.</li> <li>– HV thể hiện được lòng kính trọng, biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.</li> </ul>
<b>4</b>		Viết: Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội – Hướng dẫn viết, HV làm bài tại lớp	<b>8-9</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nắm được yêu cầu và cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.</li> <li>– HV biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các bằng chứng xác thực, phù hợp, thuyết phục.</li> </ul>
<b>5</b>		Thực hành tiếng Việt: <i>Sử dụng từ Hán Việt</i>	<b>10</b>	<b>4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh.</li> <li>– HV biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm</li> </ul>

					hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.
<b>6</b>		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau	<b>11</b>	<b>4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hiểu được sự cần thiết của việc trao đổi, thảo luận khi nảy sinh ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó.</li> <li>– HV biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.</li> </ul>
<b>7</b>		Viết (tiếp): Trả bài viết thực hiện thực hiện tại lớp, theo hướng dẫn ở tiết 9	<b>12</b>	<b>4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> </ul>
<b>8</b>	<b>Bài 7. Quyền năng của người kể chuyện (Số tiết: 12)</b>	Đọc VB 1: <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i>	<b>13-15</b>	<b>5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.</li> <li>– HV hiểu được quyền năng của người kể chuyện</li> </ul>

					ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.
<b>9</b>		Đọc VB 2: <i>Dưới bóng hoàng lan</i>	<b>16-17</b>	<b>6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản về một loại truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, chỉ xoay quanh những sự kiện bình thường trong cuộc sống.</li> <li>– HV hiểu vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba với sự phối hợp điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong.</li> </ul>
<b>10</b>		Đọc VB 3: <i>Một chuyện đùa nhỏ</i>	<b>18-19</b>	<b>6-7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hiểu vai trò, quyền năng và những giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ nhất là một trong hai nhân vật chính của câu chuyện.</li> <li>– HV nắm bắt được vai trò quan trọng của những biến động tâm lí, nhận thức của người kể chuyện ngôi</li> </ul>

					thứ nhất trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo phổ biến cho loại truyện ngắn hồi ức này.
<b>11</b>		THTV: Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê	<b>20</b>	<b>7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được đặc điểm hình thức của bộ phận chêm xen và bộ phận liệt kê trong câu.</li> <li>– HV hiểu được chức năng cơ bản của biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê.</li> <li>– HV có khả năng vận dụng kiến thức về chêm xen và liệt kê để tạo câu có sử dụng những biện pháp này khi cần thiết, phù hợp với mục đích biểu đạt.</li> </ul>
<b>12</b>		Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề, nhân vật trong tác phẩm truyện) – Hướng dẫn viết, HV làm bài ở nhà	<b>21</b>	<b>7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học theo hướng khái quát chủ đề, phân tích nhân vật trong quan hệ với chủ đề, những đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật và tác dụng của chúng.</li> <li>– HV biết viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện, đáp ứng yêu cầu về kiểu bài nghị luận văn học.</li> </ul>

13		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau	22	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nêu được vấn đề có những ý kiến khác nhau để thảo luận.</li> <li>– HV biết tóm lược ý kiến của người khác về vấn đề, trình bày được ý kiến của mình, thảo luận với nhau để có tiếng nói đồng thuận.</li> </ul>
14		Viết (tiếp): Trả bài viết làm ở nhà (đã hướng dẫn ở tiết 21)	23	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> </ul>
15	Kiểm tra giữa kì		24	8	HV biết vận dụng những điều đã học để thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài.
16	Trả bài kiểm tra & Đọc mở rộng		25	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> <li>– HV biết trao đổi, thảo luận về những VB đọc mở rộng.</li> </ul>
17	Bài 8. Thế giới đa dạng của thông tin (11 tiết)	Đọc VB 1: <i>Sự sống và cái chết</i>	26-27	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.</li> <li>– HV phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, suy luận và phân tích được vai trò</li> </ul>

					<p>của các số liệu, dẫn chứng trong việc thể hiện thông tin của văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản; giải thích được mục đích lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản.</li> <li>– HV phân tích, đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản.</li> <li>– HV thấy được mối quan hệ giữa sự sống và cái chết trên Trái Đất</li> </ul>
<b>18</b>		Đọc VB 2: <i>Nghệ thuật truyền thống của người Việt</i>	<b>28-29</b>	<b>10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.</li> <li>– HV phân tích và đánh giá được nhan đề của văn bản, dựa vào nhan đề để suy đoán về những nội dung được trình bày trong văn bản.</li> <li>– HV hiểu được mục đích, thái độ của người viết.</li> <li>– HV nhận biết và phân tích được giá trị của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản.</li> </ul>
<b>19</b>		Đọc VB 3: <i>Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm</i>	<b>30-31</b>	<b>10-11</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được</li> </ul>

		<i>hoi của nỗ lực toàn cầu</i>			<p>nội dung của văn bản từ nhan đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được các đặc điểm của loại văn bản thông tin, cụ thể là bản tin qua văn bản được đọc.</li> <li>– HV nhận biết và phân tích được vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản, cũng như sự kết hợp giữa chúng với phương tiện ngôn ngữ.</li> <li>– HV thấy được mối quan hệ giữa câu chuyện về sự thành công của hành trình phục hồi tầng ozone và con đường giải quyết các vấn đề toàn cầu khác.</li> </ul>
<b>20</b>		Viết: Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng – Hướng dẫn viết, HV làm bài tại lớp	<b>32-33</b>	<b>11</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nắm được yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.</li> <li>– HV biết cách viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.</li> </ul>
<b>21</b>		THTV: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	<b>34</b>	<b>12</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nhận biết được các loại phương tiện phi ngôn ngữ, cách trình bày và tác dụng của những phương tiện đó trong văn bản thông tin.</li> <li>– HV sử dụng được các</li> </ul>



					phương tiện phi ngôn ngữ để tạo lập văn bản thông tin.
<b>22</b>		Nói và nghe: Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng	<b>35</b>	<b>12</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết trình bày và đánh giá về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.</li> <li>– HV biết lắng nghe, đối thoại, góp ý, đánh giá, phản biện với những ý kiến khác trên tinh thần xây dựng.</li> </ul>
<b>23</b>		Viết (tiếp): Trả bài viết thực hiện thực hiện tại lớp, theo hướng dẫn ở tiết 32	<b>36</b>	<b>12</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> </ul>
<b>24</b>	<b>Bài 9. Hành trang cuộc sống (11 tiết)</b>	Đọc VB 1: <i>Về chính chúng ta</i>	<b>37- 38</b>	<b>13</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.</li> <li>– Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.</li> </ul>
<b>25</b>		Đọc VB 2: <i>Con</i>	<b>39-</b>	<b>13-</b>	– HV biết vận dụng các tri

		<i>đường không chọn</i>	<b>40</b>	<b>14</b>	<p>thức đã học về thơ để chiếm lĩnh bài thơ của Rô-bốt Phờ-rót, thông qua hai bản dịch đã được giới thiệu trong SGK.</p> <p>– Qua việc tìm hiểu bài thơ, HV nhận thức được sự khó khăn và tầm quan trọng của việc quyết định hướng đi cho bản thân trong cuộc sống, sự can đảm và ý thức chịu trách nhiệm trước những lựa chọn của bản thân.</p>
<b>26</b>		Đọc VB 3: <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>	<b>41-42</b>	<b>14</b>	<p>– Nhận biết được quan điểm của người viết trong văn bản.</p> <p>– Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.</p>
<b>27</b>		THTV: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (tiếp)	<b>43</b>	<b>15</b>	<p>– HV nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin.</p> <p>– HV nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ, sơ đồ cơ bản như: biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, biểu đồ thời gian, sơ đồ cây.</p>
<b>28</b>		Viết: Viết bài luận về bản thân – Hướng dẫn viết, HV làm bài	<b>44-45</b>	<b>15</b>	– HV biết cách trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc

		tại lớp			<p>bằng những trải nghiệm có thực của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– HV thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu riêng của mình trong bài viết.</li> <li>– HV biết cách sử dụng các yếu tố biểu cảm và tự sự trong bài luận về bản thân.</li> <li>– HV hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của mình.</li> </ul>
<b>29</b>		Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sự dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	<b>46</b>	<b>16</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình. HV biết sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí, có hiệu quả trong khi thuyết trình.</li> <li>– HV biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HV khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.</li> </ul>
<b>30</b>		Viết (tiếp): Trả bài viết được thực hiện tại lớp, theo hướng dẫn ở tiết 43	<b>47</b>	<b>16</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những</li> </ul>

					kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.
<b>31</b>	<b>Ôn tập</b>		<b>48</b>	<b>16</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hệ thống hoá kiến thức đã học trong SGK <i>Ngữ văn 10</i>, tập hai.</li> <li>– Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.</li> </ul>
<b>32</b>	<b>Kiểm tra cuối kì</b>		<b>49-50</b>	<b>17</b>	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết yêu cầu của bài kiểm tra.
<b>33</b>	<b>Trả bài kiểm tra cuối kì</b>		<b>51</b>	<b>17</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.</li> <li>– HV rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.</li> </ul>

**Lưu ý:**

*1. Để GV có thời gian chấm bài, tiết hướng dẫn viết và cho HV làm bài có thể được đảo lên trước tiết Thực hành tiếng Việt, thậm chí, trước cả tiết đọc VB sau cùng của bài học, đảm bảo tiết trả bài không nằm trong cùng một tuần với tiết dành cho HV viết bài, nộp bài.*

*2. Để giảm bớt số lượng bài viết GV phải chấm, có thể chọn 03 bài viết để HV tự đánh giá (02 bài ở học kì một, 01 bài ở học kì 2). Theo đó, 03 tiết trả bài trong Kế hoạch dạy học ở trên có thể được dành cho HV trao đổi về những VB đọc mở rộng.*

## 2. Chuyên đề học tập

STT	Chuyên đề (1)	Tiết/ Tuần (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	<b>CD 1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian (10 tiết)</b>	1-2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV nắm được các khái niệm cơ bản của nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.</li> <li>– HV hiểu rõ những yêu cầu cơ bản của nghiên cứu và một số thao tác nghiên cứu văn học dân gian cần vận dụng.</li> </ul>
2		3-5	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV xác định được đề tài nghiên cứu.</li> <li>– HV tạo ra được các sản phẩm nghiên cứu phù hợp với từng đề tài đã chọn.</li> </ul>
3		6-7	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV hiểu rõ những đòi hỏi của việc viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.</li> <li>– HV nắm được đặc điểm và đòi hỏi của một số kiểu loại báo cáo nghiên cứu xét theo tiêu chí mục đích và nội dung.</li> </ul>
4		8-10	<ul style="list-style-type: none"> <li>– HV biết viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.</li> <li>– HV biết thuyết trình về báo cáo nghiên cứu đã viết.</li> </ul>
5		<b>CD 2. Sân</b>	1-2

	<b>khẩu hoá tác phẩm văn học (15 tiết)</b>	sân khấu hoá tác phẩm văn học: Đọc VB			niệm cơ sở của việc chuyển thể tác phẩm văn học. – HV biết rút ra các nhận xét về thao tác dựng kịch bản chuyển thể, qua đọc VB được giới thiệu trong SGK.
<b>6</b>		Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học: Xem vở diễn	<b>3-4</b>		– HV biết tận dụng mọi điều kiện phù hợp để xem vở diễn một kịch bản chuyển thể tác phẩm văn học. – HV biết nhận xét về điều kiện khiến một vở diễn thành công.
<b>7</b>		Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học: Dựng kịch bản	<b>5-8</b>		– HV chọn được tác phẩm văn học phù hợp để chuyển thể. – HV biết hợp tác với nhau để hoàn thành một kịch bản chuyển thể, có thể dàn dựng được trên sân khấu.
<b>8</b>		Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học: Luyện tập & Biểu diễn	<b>9-15</b>		– HV biết thực hiện các công việc cần thiết để hiện thực hoá một kịch bản chuyển thể bằng hoạt động biểu diễn. – HV biết tổ chức một buổi biểu diễn trọn vẹn.
<b>9</b>		<b>CD 3. Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một</b>	Tìm hiểu về cách đọc và Thực hành đọc	<b>1-2</b>	

	<b>tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (15 tiết)</b>				– HV biết tìm đọc các tác phẩm phù hợp theo gợi ý trong SGK.
		Tìm hiểu một số hướng viết bài và Thực hành viết	<b>3-7</b>		– HV hiểu rõ đặc điểm và yêu cầu của một số kiểu bài viết giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết. – HV biết viết bài giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết theo hình thức phù hợp với mục đích viết đã xác định.
		Tìm hiểu yêu cầu của hoạt động giới thiệu (thuyết trình) và Thực hành giới thiệu (thuyết trình)	<b>8-10</b>		– HV hiểu được đặc điểm và yêu cầu của hoạt động giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết bằng hình thức thuyết trình. – HV biết thực hành thuyết trình về tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết bằng hình thức phù hợp với điều kiện thực tế.

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

**Lưu ý:**

1. Tuân học các chuyên đề do các trường tự bố trí, căn cứ vào tình hình thực tế.

2. Học kì một có thể chỉ học 01 chuyên đề. Chuyên đề 1 nên học sau khi HV đã được học về nội dung viết báo cáo nghiên cứu ở bài 4.

3. Thời gian học và thực hành của từng chuyên đề nên kéo dài ít nhất 03 tuần, dù số tiết dành cho mỗi chuyên đề không lớn (từ 10 đến 15 tiết), nhằm tạo điều kiện cho HV có thời gian hoàn thành các sản phẩm do chuyên đề yêu cầu.

4. Sản phẩm HV phải hoàn thành với từng chuyên đề, một phần được hiện ở nhà, một phần được thực hiện ở lớp. Thời gian hoạt động trên lớp (được bố trí trong Kế hoạch năm học) nên dành cho HV trực tiếp trao đổi với nhau về các phần việc phải làm (với sự theo dõi, góp ý của GV).

5. Dù việc dạy học chuyên đề có nội dung đặc thù, vẫn cần được tổ chức theo mạch hoạt động ĐỌC – VIẾT – NÓI VÀ NGHE. ĐỌC để tìm hiểu nội dung lí thuyết được trình bày trong SGK. VIẾT chính là xử lí tư liệu nghiên cứu thu thập được; viết báo cáo; viết kịch bản chuyển thể tác phẩm văn học và viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, tiểu thuyết. NÓI VÀ NGHE ứng với nội dung trình bày, báo cáo sản phẩm đã làm được theo đòi hỏi của chuyên đề.

### 3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	1 tiết (45 phút)	Tuần 11	<p>Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc hiểu: truyện; thơ; VB nghị luận.</li> <li>– Tiếng Việt: lỗi dùng từ, trật tự từ; lỗi về mạch lạc và liên kết.</li> <li>– Viết: viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện, thơ; viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.</li> </ul>	Viết trên giấy



Cuối học kỳ 1	1 tiết (45 phút)	Tuần 18	<p>Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc hiểu: truyện; thơ VB nghị luận; sử thi; kịch bản văn học tuồng, chèo.</li> <li>– Tiếng Việt: lỗi dùng từ, trật tự từ; lỗi về mạch lạc và liên kết; cách trích dẫn.</li> <li>– Viết: viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện, thơ; viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.</li> </ul>	Viết trên giấy
Giữa học kỳ 2	1 tiết (45 phút)	Tuần 8 (Tuần 26 của năm học)	<p>Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc hiểu: thơ văn Nguyễn Trãi; truyện.</li> <li>– Tiếng Việt: biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê.</li> <li>– Viết: viết VB nghị luận về một tác phẩm truyện; viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội.</li> </ul>	Viết trên giấy
Cuối học kỳ 2	1 tiết (45 phút)	Tuần 17 (Tuần 35 của năm học)	<p>Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc hiểu: thơ văn Nguyễn Trãi; truyện; VB nghị luận; VB thông tin.</li> <li>– Tiếng Việt: biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê; sử</li> </ul>	Viết trên giấy

			<p>dụng các phương tiện phi ngôn ngữ.</p> <p>– Viết: viết VB nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện, thơ); viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội; viết bài luận về bản thân.</p>	
--	--	--	--	--

**\*Ghi chú:**

- (1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.
- (2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.
- (3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).
- (4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.....

.....

.....

.....

<p>....., ngày ..... tháng ..... năm .....</p>	
<p><b>TỔ TRƯỞNG</b> (Ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p><b>GIÁM ĐỐC</b> (Ký và ghi rõ họ tên)</p>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 2: Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT môn Ngữ văn*, Trường ĐHSP TP HCM, Chương trình ETEP.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn*.
7. Sách giáo khoa môn Ngữ văn lớp 10 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.
8. Sách Chuyên đề học tập môn Ngữ văn lớp 10 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.
9. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.

